

THÊ' UYÊN

ĐOAN ĐUÔNG
CHIÊN BINH

LÀ BỒI

Đoạn Đường Chiến Binh

Thế Uyên

Đoạn đường chiến binh là tên gọi một khoảng đường dài từ bốn trăm đến một ngàn thước trong các quân trường. Người tân binh phải chạy từ đầu đến chót con đường này, lúc chui dưới kẽm gai, lúc bò dưới địa đạo, lúc leo lên cầu cao, khi chạy qua cầu khỉ, lộn nhào qua cửa sổ. Một người khỏe hết sức ngoài đời, khi đến chặng chót của đoạn đường chiến binh, cũng mồ hôi chảy thấm tới giày và thở hắt.

Người viết trong nhiều năm gần đây ôm ấp tham vọng sẽ viết một cuốn tiểu thuyết thật dày, phác họa bối cảnh sẽ là tất cả những chặng khổ đau của dân tộc Việt Nam trong mấy chục năm nay. Nhưng dĩ nhiên là chưa viết được chương nào cả vì chính người viết cũng còn đang từng chặng, từng bước mà vượt qua đoạn đường chiến binh của chính mình. Bởi thế, người viết cũng rất buồn khi, đáng lẽ phải đưa ra một trường giang tác phẩm, lại chỉ gửi tới những người đọc những ghi chú riêng tư trong cuộc đời mình. Nếu có một hy vọng an ủi nào, đó là kỳ vọng người đọc sẽ tìm thấy qua đoạn đường chiến binh chẳng ra gì của người viết vài nét chính phác lược của đoạn đường chiến binh dân tộc Việt Nam đang băng qua – không biết đã tới chặng nào.

Người viết

Những tháng ngày qua... ↑

Mỗi một người đều cần có một quê hương để trở về vào tuổi già hay vào những thời kỳ mệt mỏi hay chán nản trong

đời. Các con người quốc tế hay những kẻ bốn biển là nhà, thực ra cũng vẫn có một quê hương – dù một quê hương quan niệm khác thường. Giả thử trong vài thế kỷ nữa, con người ngao du dễ dàng trong vũ trụ, thì vẫn sẽ còn trái đất làm nơi muốn trở về sau cùng... Bởi thế, ai mất quê hương thực sự của mình, đều phải tạo ra quê hương mới bằng cách này hay thế khác.

Rời miền Bắc sau 1954, tôi mất tới hai quê một lúc: quê nội và quê ngoại. Và cũng như nhiều người khác, tôi vô tình tạo ra một phần và mẹ tôi tạo ra một phần khác một quê hương tạm thời là Đà Lạt. Mỗi lần mỗi mệt, buồn rầu hay chán nản vì làm việc quá nhiều, vì thất tình hay vì một lần nữa lý tưởng lùi xa vời tầm sức nhỏ bé của mình, tôi đều trở về nơi này. Những đôi thông thanh tao bất tận, những lũng nhỏ im vắng, những làn sương mù mùa mưa đã từng làm say mê tâm hồn thiếu thời, bao giờ cũng mang lại cho tôi cảm giác yên ổn và được vỗ về. Cuối năm Âm lịch năm nay, tôi mong muốn trở về thành phố đó hơn bao giờ hết, cần đôi thông ngàn đời cũng như cần những di tích những kỷ niệm của gần mười năm đầy tháng ngày qua trở lại bao phủ, êm đềm và buông thả. Bởi vì những năm đi lính và những năm thất bại mới đây trên con đường đã chọn lựa đã làm thấm mệt, và nhất là bởi vì mẹ tôi đã chọn lựa đã làm thấm mệt, và nhất là bởi vì mẹ tôi đã dứt khoát chọn nơi cư ngụ là thành phố miền núi ấy từ mấy năm nay. Mẹ tôi đã già – như vậy kể như tôi đã tạm có một quê hương mới: không cần đợi tới các cháu chắt, ngay các con tôi trong

tương lai chúng có thể tuyên bố với bạn bè là: “Tết năm nay tụi tôi về quê ăn Tết với bà...”. Vậy dĩ nhiên Thi và tôi năm nay hai đứa chuẩn bị chuyến về quê ăn Tết Mậu Thân rất cẩn thận, đan trước từng chiếc áo len, mua sẵn vé máy bay từ đầu tháng Chạp, viết thư cho người anh còn tại ngũ nơi xa và đưa em trai mới giải ngũ nhưng lập nghiệp cũng một nơi xa, hẹn cùng về ăn Tết với mẹ. Cẩn thận hơn, tôi còn biên thư dặn mẹ tôi hoãn ngày gói bánh chưng lại đợi ngày các con cháu về.

Vào cuối năm các đường bay, cũng như các chuyến xe đò, đầy đặc những người đi một mình, hai mình hay bỗng bẽ con cháu về quê. Dậy sớm từ lúc mới hết giới nghiêm mà xế chiều phi cơ mới đáp xuống phi trường Liên Khương, tôi không hề bực bội bởi vì những khung cảnh quen thuộc đã hiện ra. Con đường lên đèo dài dặc mà không hề sốt ruột như nhiều lần bao năm trước, tôi từ nơi dạy trẻ về thăm Thi khi nàng còn là sinh viên ngày ngày đi học ở một viện đại học nhiều hoa nhất. Lý do thật giản dị: lần này tôi không còn đi một mình. Chiến tranh vẫn có đấy, đang tiếp diễn khủng khiếp, nhưng ốc đảo vẫn còn đó ít nhất cho những kẻ đang dắt nhau về quê mẹ cuối năm.

Mỗi người thường thiết tha với một góc cạnh, một người hay hình bóng một người ở quê nhà. Đối với người này là một bờ tre phủ cành lá xuống mỗi tình đầu hay ao bèo xanh ngắt, đối với người khác là một góc thềm gạch cũ có một viên gạch long che giấu một hố nhỏ nơi chứa đựng kho

tàng báu vật của trẻ thơ... Đà Lạt, quê hương mới của hai đứa tôi còn mới quá, không có những thứ di tích ấy. Chỉ có những tục lệ, ước lệ xây dựng trên quá khứ tình yêu, nhưng bấy nhiêu cũng là tạm đủ. Hai đứa đến uống cà phê Tùng vào tối đầu tiên như bao lần đã làm, nhấm nháp chất lỏng đắng, vợ vẫn nhìn khung cảnh gần như không đổi từ những ngày xưa khi hai kẻ mới là hai tình nhân thường ngồi thật khuya, đến giờ quán đóng cửa mới ôm nhau ra về, leo qua sườn một quả đồi cỏ thấp để rồi lên cao giữa sương mù dày đặc, đặt môi lên nhau chờ đợi cho nóng dần lên trong chiếc hôn như muốn kéo dài cho tới sáng. Ngày hôm sau, ăn phở điếm tâm, vẫn theo tục lệ hai đứa đến uống cà phê tại quán Domino tối tàn sau lưng một dãy nhà, ngồi lẫn lộn trên ghế dài với những người lái xe, những người lính và nhiều loại khác nữa... Thú vị và thoải mái, có lúc đưa ly lên từng hớp nhỏ cà phê nóng, tôi nghĩ hơi tiêu lâm và rất tiêu tư sản rằng ít nhất chống Cộng cũng có lý do: để bảo vệ cái cuộc sống có thể hôn người yêu trong sương mù, nghe thổi sáo trong lũng thông, ăn sáng vào lúc mặt trời ngang con sào và nằm lơ đãng ven hồ chẳng làm gì cả hay chỉ để mân mê một cọng cỏ... Đã có đôi chút kinh nghiệm sống với những-người-bên-kia, tôi biết chắc chắn rằng những điều trên không thể có và không được phép có trong bất cứ một chế độ cộng sản nào.

Từ những năm đã lâu vào tận quá khứ miền Bắc, mẹ tôi vẫn có lệ bắt đầu nấu bánh vào lúc xế trưa và thời khắc được tính toán như thế nào để vào nửa đêm những chiếc

bánh nhỏ đầu tiên đã chín, bóc ra ăn khói bốc nghi ngút. Năm nay cũng thế. Căn nhà tôn mẹ tôi thuê ở đầu một lũng nghèo có tên chẳng thơ mộng chút nào là Hồ Bò, đồ đạc chẳng có gì ngoài những chiếc nệm nhỏ nhiều màu vải bọc khá đẹp lấy từ những quần áo chăn nệm nước-bạn-Hoa-Kỳ bán xôn ngoài chợ. Một chiếc lọ sứ khá đẹp chẳng biết mẹ tôi “sưu tầm” ở đâu cắm một cành đào đầy hoa đang nở. Mẹ tôi quả vẫn có tài biến chế và lần này vượt bực bằng cách tạo vẻ Tết thực sự thanh bình bằng những phương tiện thanh bạch cho các con cháu từ các nơi xa về. Đêm đến và sương xuống, lửa chụm thật to không phải mong bánh chóng chín mà để đỡ lạnh, mọi người cùng nhau nói chuyện không cần đề tài, cắn hạt dưa tí tách như than nổ. Vào lúc nào đó tôi thoáng buồn khi nghĩ vào một năm nào đen tối trong tương lai, mẹ tôi về lòng đất và tục lệ nấu bánh chưng sẽ chẳng còn. Các em gái tôi cũng như Thi, không người nào học được nghệ thuật ấy và dù sau này tôi có mua được cả tạ bánh mứt, Tết cũng chẳng còn hương vị cũ. Không phải chỉ vì lúc ấy mẹ tôi đã qua đời mà vì sẽ biết nấu bánh vào đâu trong thành phố mỗi ngày một theo nếp sinh hoạt của bên kia đại dương... Lấy chiếc gậy dài cời than hồng, tôi thoáng thấy rằng có lẽ ở cao ốc chọc trời, ăn bánh kẹo thật ngon của Tây phương, ở phòng có máy lạnh cũng chẳng thú vị gì so với hương vị xưa cũ của xã hội Việt Nam với dưa chua, thịt đông, pháo và bánh chưng đang sôi sùng sục trong nồi. Nghĩ xa thêm tôi tự hỏi về sau con cháu chúng ta sẽ sống như thế nào đây? Nếu chỉ như một anh chàng Mỹ-thuộc-địa hay con kiến lao-động-anh-hùng-vô-

sản thì thật đáng buồn và vô nghĩa cho những nỗ lực cách mạng hay cải tạo xã hội bấy giờ. Thật chưa bao giờ tôi thấy tương quan mật thiết giữa sự sinh tạo văn hoá mới và cách mạng xã hội bằng lúc này, trước nồi bánh chưng nước bên trong sôi ầm ì trên bếp lửa giữa sườn đồi. Và tôi tự nhủ trong cuốn sách đang viết về những vấn đề căn bản của cách mạng, trong phần dự phóng cho xã hội mới, sẽ không được quên vấn đề tạo dựng một khung cảnh nhân bản cho cuộc sống bằng cách tân tạo hay phục hồi một số tục lệ cổ truyền. Nếu một danh nhân nào đó đã nói con người ta không phải chỉ sống bằng bánh mì thì tôi, một anh chàng da vàng mũi tẹt nhược tiểu ngồi canh nồi bánh cho mẹ vào một đêm cuối năm Âm lịch muốn bổ túc thêm vào: con người không phải chỉ sống bằng bánh mì mà còn bằng cách thế, hình dáng và nơi chốn tạo dựng của các bánh mì nữa. Người Nhật quả thật đã phạm một lầm lỗi trọng đại trên đường canh tân và kỹ nghệ hoá của họ khi họ bỏ không ăn Tết theo cổ truyền.

Những ngày trước Tết, trung tâm Đà Lạt đông đảo khác thường, ngày cũng như đêm. Đến sáng, hàng hoá, bánh mứt, hoa lá tràn đầy... Và tôi được chứng kiến cảnh chắc chưa bao giờ có ở Đà Lạt từ khi thành lập thành phố: cảnh binh phải chỉ đường cho từng đọt người và xe đi như ở một ngã tư Sài Gòn. Nhưng tại nơi đây hơn cái đô thành lúc nhúc đầy bụi ở điểm không hề có du đặng cao bồi phá phách hay làm truyện gai mắt. Những hành động quá trớn nhất vẫn chỉ là đốt pháo ném tung nổ trên đầu mọi người –

tôi không làm bởi vì đã quá già cho trò đó, đốt pháo bông cây sáng lòe tứ phía – tôi có làm bởi vì yêu cái khoảnh khắc hư ảo và ngắn ngủi của thứ hoa ánh sáng ấy, hay mua chùm bóng cột dây pháo vào dưới rồi thả lên cao, pháo nổ dần lên tới bóng và bóng nổ đóp trên không gian – tôi muốn làm nhưng không làm bởi vì quá tốn tiền. Nhưng không sao bởi vì đứng nhìn người khác thả cũng được, vào những đêm thế này chia sẻ nỗi vui với kẻ khác không khó khăn gì... Nhưng đêm khuya trên con đường dốc ngoằn ngoèo với chiếc xe scooter cũ nổ vang và lọc xọc như một thiết vận xa về già, tôi ý thức rõ rệt sự mong manh của các nỗi vui ấy – một sự đe dọa mơ hồ bay lượn đâu đây trên đầu tất cả những người dân đang vui Tết, những kẻ bình an trong các ốc đảo thành phố. Tôi nhớ lại những lời quảng cáo cho *Thái độ* số trước về chủ đề kinh tế: *Hãy tìm đọc... để hiểu tại sao dân Việt năm nay ăn Tết phong phú như vậy... để hiểu đó là bữa tiệc thịnh soạn của kẻ chịu tử hình trước khi lên đoạn đầu đài.* Dĩ nhiên đó là truyện quảng cáo nhưng chúng đủ phản chiến, nguy hoà, chủ bại, thiếu chiến tranh chính trị để người bạn chủ bút một báo của quân đội phải đăng nhỏ xíu lẫn vào các mục linh tinh rao vặt... Nguyên nhân của những lời quảng cáo đó thật không có gì bí hiểm hay tiên tri: với tình trạng như hiện tại diễn biến mỗi ngày một tồi tệ hơn, thật không khó gì mà không tiên đoán được rằng Tết sang năm sẽ khó còn được như năm nay... Hay nói một cách khác bi thảm hơn, sự sụp đổ hay tan rã của một xã hội sắp bước vào thời kỳ sau cùng.

Có những sụp đổ tan vỡ rất chậm chạp kéo dài trong thời gian tương tự sự mục nát dần của một căn nhà cổ, những người sống bên trong khó ý thức được. Chỉ nhìn thấy rêu xanh gạch vỡ nhiều hơn một chút, nghe tiếng cánh cửa cọt két hơn một chút... Có những sụp đổ khác ồn ào ngoạn mục hơn, người ở trong cũng như người ở ngoài đều nhìn thấy rõ để có thể tìm cách chống đỡ hay xô cho chóng sụp hơn. Sự sụp đổ của xã hội miền Nam mang cả hai cách thế ấy.

Dĩ nhiên tôi không tiếc thương gì cái xã hội mục nát thối tha ấy và đã góp nỗ lực nhỏ bé của mình đẩy cho nó chóng sụp hơn để xây dựng lại cho tốt đẹp hơn. Có những người khác cũng đang làm điều đó nhưng với sức mạnh vô kể và trên một kích thước lớn lao hơn nhiều. Trước hết là những người cộng sản đang vung tay bạo động đập nát tất cả – tôi không chống sự đập nát này nhưng tôi chống cách thế họ đập: họ đốt luôn tất cả, và tôi hoàn toàn không đồng ý với họ về cái mô hình xã hội mới họ dự trù. Nhìn trở lại chế độ Bắc Việt, thấy công bình xã hội hơn, đường sá sạch sẽ hơn, hiện năng sản xuất cao hơn... nhưng tất cả ở trong một bầu khí lạnh lùng, không hương hoa không trăng sao, không có chất hấp quyến rũ của cuộc đời... Tất cả dựa trên một căn bản, kiểu mẫu nhập cảng từ Tây phương tới: máy móc, chính xác, hiệu năng. Con người có vẻ trở nên giống như một con mối hay một con kiến. Tổ mối tổ kiến quả có sạch sẽ, xã hội mối và kiến quả có tổ chức có công bình có sự làm việc theo khả năng hưởng thụ theo nhu cầu, nhưng

quả thật tôi không ham thứ đời sống ấy.

Nhưng tôi không tiếc thương gì cái xã hội mục nát thối tha hiện nay và đã góp nỗ lực nhỏ bé của mình đẩy cho nó chóng sập để xây dựng lại cho tốt đẹp hơn. Những người cộng sản cũng đã làm, như đã trình bày – nhưng không phải chỉ có những người cộng sản mới làm công việc ấy. Còn có người Hoa Kỳ cũng đang góp phần đáng kể trong việc tiếp tay làm chóng đổ căn nhà... và góp bằng cách thế ồn ào hơn, sặc sỡ hơn, lộ liễu hơn... Nếu tôi không chấp nhận sự đập nát của người cộng sản, tôi cũng không chống sự tiếp tay của người Hoa Kỳ – nhưng tôi tự hỏi mô hình xã hội mới nước-bạn-đồng-minh-vĩ-đại này định mang lại cho chúng ta là như thế nào đây.

Đã nhiều khi thật hết sức khách quan, tôi xét lại các đóng góp của người Hoa Kỳ cho Việt Nam hiện tại và tương lai, thấy chẳng có gì. Chẳng có gì ngoài vũ khí đủ loại, ngoài snack-bar, cao ốc, mini jupe áo montagut, quần jean... Nếu không phải là người có đọc sách báo và hiểu phần nào nước Mỹ, nếu tôi chỉ là người nông dân hay tiểu phu ở đồng ruộng xa hay sườn núi khuất nẻo trở về đây, chắc tôi dám có thể kết luận rằng dân tộc Hoa Kỳ chẳng có văn hoá nghệ thuật, văn hoá văn minh gì cả – trừ phi gọi các vũ khí tràn ngập lãnh thổ Việt, các snack-bar cùng điếm, quần áo khiêu dâm... là văn hoá hay văn minh Hoa Kỳ.

Sau khi cố đô Huế bị tàn phá, tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố

sẽ xây dựng lại hộ. Nước Mỹ thừa tiền làm được, nhưng xây dựng lại như thế nào đây? Đường sá thẳng thước thợ đèn xanh đèn đỏ chạy dọc các cao ốc, ăng ten tua tủa? Nếu quả dự án là như thế thì chỉ còn việc đặt một tên Mỹ cho cố đô nữa là xong việc xây cất một thành phố trong... một tiểu bang Mỹ. Hay sẽ căn cứ vào các đồ bản còn lưu trữ mà xây là từng bức tường thành, từng cửa thành nội bằng bê tông cốt sắt như người Nhật đã làm với các kiến trúc cổ bị phá hủy hay quá hư nát vì chiến tranh? Như thế có vẻ được hơn một bức nhưng có ai làm lại được thực sự quá khứ bao giờ – dù quá khứ đây chỉ là một cố đô tan nát. Xây dựng lại như thế chỉ là một thứ giả trá nguy tạo chỉ có thể làm hài lòng du khách ngoại quốc mà thôi. Nếu tôi ở vị trí nguyên thủ Hoa Kỳ, tôi sẽ im lặng trước biến cố đau buồn này, im lặng để chia sẻ nỗi buồn của một dân tộc bạn, hay ít nhất cũng để tôn kính nỗi bi thảm của một dân tộc đang suy tư về cái giá đã phải trả cho cuộc chiến tranh này.

Các cuộc tấn công vào tiểu khu Tuyên Đức đã xảy ra nhưng mẹ tôi không tản cư dù nhà ở gần vị trí quân sự ấy. Một phần vì tính trầm tĩnh của bà, một phần vì lũ lính cựu đồng đảo trong nhà là bọn chúng tôi và các con rể đều cả quyết rằng vị trí căn nhà ở một chỗ trũng khoét vào sườn đồi như thế, tên bay đạn lạc khó tới. Ở cùng Thi tại một chỗ khác, khi nghe tin các trận đánh xảy ra, nỗi lo ngại lớn nhất về căn nhà đó là e các người-bên-kia vào ăn hết bánh chưng mà thôi... Đêm cuối cùng ở Đà Lạt, tôi và Thi sang ở với bà để tiện đường tới Air Việt Nam. Thung lũng Hồ Bò chưa trở lại

bình thường, lính nằm phục rải rác, chố cấn liên tục. Đêm khuya tất cả đã ngủ, mẹ tôi pha trà uống và hỏi tôi về những chuyện đã làm và sẽ làm. Vào một lúc nào đó, mẹ tôi đặt câu hỏi: Đã không đồng ý với cả cộng sản và Hoa Kỳ như thế, vậy cái xã hội mới ấy sẽ như thế nào?

Câu hỏi làm tôi khá lúng túng vì chưa định hình được cho rõ rệt các dự phóng của mình. Nhưng rồi cũng trả lời được, miêu tả được – một cách khá rườm rà. Bà mẹ tôi nghe, gật đầu, thế thôi... Làm tôi có cảm tưởng mình bé hẳn lại: đã bao lần trong ấu thời và thiếu thời, tôi đã trình bày những dự định to lớn (đối với tuổi tác lúc đó): đi xa vào vùng núi thăm danh lam thắng cảnh, lên vào vùng kháng chiến để coi cho biết chế độ bên kia hay gia nhập đảng phái..., lần nào bà cũng có thái độ như thế. Một bọc lộ lo ngại và tin cậy, một chấp nhận bao dung dù hiểu hay không điều các con định làm.

Sau cùng, để chấm dứt vấn đề, tôi hứa sẽ trình bày rõ hơn qua cuốn biên khảo đang viết dở dang chương đầu. Nhưng lời hứa này làm nhớ tới một câu nói tránh của tôi khi bà hỏi về chuyện tái ngũ: tôi đã nói là chưa chắc... Thực ra, nghe giọng điệu đài phát thanh, tôi đã biết chắc lần này hai anh em rời căn nhà của mẹ, chỉ là để mặc lại những bộ quần áo trận cũ kỹ bạc màu cất trong một hộc tủ. Và trong vài tháng nữa tất cả con trai con rể, trừ một kẻ đã là thương phế binh, sẽ mỗi đứa một phương – cho tới ngày nào chưa ai biết. Căn nhà tôn nhỏ nằm trong góc sườn đồi của lũng

nghèo này của mẹ, sẽ còn lâu lắm mới có lũ con cháu vừa chạy vừa la vừa tuột dốc chạy vào. Và Tết sang năm, chắc chắn vào một ngày nào cuối tháng Chạp, người mẹ già sẽ tiếp tục bắc bếp nấu bánh chưng như thường để gửi cho các đứa con rải rác khắp nước – đã có năm đứa con Tết ở xa tận cùng cao nguyên, vẫn nhận được bánh mẹ gửi như thường. Nghĩ tới hình ảnh đó, tôi thật buồn khi từ giữa bà sáng sớm hôm sau và đột nhiên tôi nói thật lần này về cảm chắc đi lính lại – và bao nhiêu lần từ hồi nhỏ, tôi khuyên bà cứ yên tâm vì tử vi tôi rất tốt! Chẳng biết mẹ có tin bao giờ ở thứ lời bảo đảm đó không, nhưng chưa bao giờ bà khóc vào những lúc như sáng nay, trong một thời gian ngắn tiễn hai con một rể trở lại giường máy chiến tranh đang âm ỉ dữ tợn hơn bao giờ hết.

Lên tới mặt lộ cao, nhìn xuống căn nhà người mẹ khiêm tốn sau vài cây thông già, tôi thấy đã để lại nơi này nhiều dở dang. Mấy ngày hôm trước đây, tôi còn cùng các em đứng ngoài sân chỉ trỏ từ phía mà trù tính mua một miếng đất nhỏ, chung nhau làm một căn nhà gỗ cho mẹ. Một căn nhà chưa làm đã bị chiến tranh tiêu hủy rồi! Như tập sách tôi đang viết dở về vấn đề cách mạng, như một vài nỗ lực nhỏ bé đang xúc tiến thuận lợi...

Trong những ngày kể đó ở Sài Gòn, tôi cố gắng chống lại những hậu quả của những chiến trận vừa qua bằng cách duy trì vài nỗ lực nhỏ bé đã hình thành. Nhưng một sự kiện hiển nhiên xuất hiện: tôi cần phải được ở lại một đơn vị

thuộc Sài Gòn mới hy vọng tiếp tục... Kinh nghiệm bản thân cho biết nếu phải túi quân trang vác vai ra đi một đường cung kiếm điều linh nơi xa thì đừng hy vọng làm được gì khác hơn là viết thư tán vợ và thư tình cho bồ. Lo tới việc này, tôi mới chợt nhận rõ nếu trong xã hội, tôi là đứa con nổi loạn đáng nghi cần phải coi chừng và kiềm chế, thì đối với quân đội tôi chỉ là kẻ cùng đinh lạ mặt. Tôi kiếm điểm lại xa gần, chỉ thấy có một người bạn đang giữ một chức vụ cao trong binh chủng. Tới thăm, người bạn cho biết với quy tắc của thứ binh chủng ưu tú này và cấp bậc tôi có khi tái ngũ, thì chỉ có thể vác AR 15 ra đường mòn Hồ Chí Minh... Tôi cảm ơn và trở về bởi vì hai năm thành phố chiến đấu bằng ngòi bút, thể xác đã già nua đi nhiều, võ nghệ binh thư xao xác, không còn đủ sức đủ tài mà đi tiểu ngạo giang hồ như thế. Như vậy chỉ còn một việc là chuẩn bị vào guồng máy với tư cách cùng đinh lạ mặt như xưa, như bao đồng đội khác để guồng máy chiến tranh tùy nghi định đoạt.

Trong khi chờ đợi tới ngày giầy cỏ gươm cùn ra đi, tôi yên tâm trở lại với bè bạn tiếp tục làm việc – dù chiến trận vừa qua đã phá hủy nhiều thứ, chẳng còn gì hơn là việc duy trì tờ đặc san. Và nhiều lúc ngồi trong quán uống cà phê nhìn khói thuốc bay trên đầu bè bạn, tôi thấy rằng mình chưa phải là người quốc gia đã lâm vào tình trạng tuyệt vọng như nhiều người đã lầm tưởng... Tôi còn có thể tiếp tục mơ ước tới một xã hội mới, một nước Việt Nam mới trong đó không có những loài mối kiến hay những con lang sói, một

quốc gia sau này cho phép khi chiến tranh kết liễu, lũ con trai của mẹ tôi có thể trở về, bỏ súng bỏ bút xúm nhau lại cưa gỗ rừng mà đóng cho mẹ tôi tóc bạc như sương mù một căn nhà gỗ nằm ở sườn đồi vắng hay đầu một lũng nghèo – tất cả như thế nào để các con cháu sau này có được thực sự một quê hương để trở về.

1 tháng 3 năm 1968

Đoạn đường cát lờ ↑

Trong khi phải chờ đợi ngày phải giầy cỏ gươm cùn ra đi lần nữa, tôi lôi chiếc rương sắt mà không một kẻ đi lính đã hơn một lần thuyền chuyển đi xa nào lại không có, lục tìm lại các quân trang còn giữ từ lần đi lính trước. Những bộ quân phục bạc màu còn nguyên nếp là cứng lẫn với mùa ẩm mốc của một mùa mưa mới qua, những bộ quần áo ngày giải ngũ tôi nhất định không cho ai, từ những người lính trong đơn vị cho đến những người bạn còn nằm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh. Giữ chúng không phải vì lưu luyến những giọt mồ hôi, những dấu tích của một thời kỳ đã qua – tôi không đa cảm tới mức như thế. Giữ lại đây bởi vì tôi rất ghét phải mặc những bộ đồ quân nhu cấp phát rộng thùng thình, mặc vào có cảm tưởng như mình là một anh chàng pác-ti-dăng, hình ảnh tủi nhục của một thời kỳ tủi nhục. Giữ lại vì tôi tin rằng quân đội không thể cho tôi giã từ vũ khí dễ dàng: qua kinh nghiệm của Duy Lam và của

những người bạn bây giờ thường đeo ít ra một hoa mai trắng, tôi biết rằng ở phần đất này, kẻ nào đã lỡ khoác lên một lần quân phục, thì có quyền hy vọng “chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về”. Hơn nữa, đọc lịch sử, nghiên cứu đôi chút về địa lý chính trị và địa lý chiến lược của Việt Nam, tôi được biết rằng cái thường được gọi là “dân tộc Việt Nam hiếu hoà” ấy chỉ là một huyền thoại lớn. Từ khi lập quốc đến giờ, có thời kỳ nào dân tộc này được ngừng cuộc chiến đấu để sinh tồn đâu – và mỗi khi có ngừng, mỗi lần từ vua cho tới sĩ phu trọng văn khinh võ, là y như nạn mất nước đã gần kề. Dân tộc Việt quả thực chưa bao giờ hiếu hoà: thời kỳ nào không có ngoại xâm từ phương Bắc tới, thì chúng ta tây tiến nam tiến, không tây tiến nam tiến thì quay ra đánh lẫn nhau. Bởi thế, tôi quả có lý khi giải ngũ lần trước, đã cố giữ lại những bộ quần áo trận cũ nhưng đã được sửa cho đúng với thân hình.

Chiếc hoa mai vàng duy nhất cũ rỉ còn lại tháo từ nắp túi đeo lưng móc meo ra đã được gắn lên một ngực áo để trên cùng ngăn quần áo trong tủ, bông mai biểu tượng cho một cấp bậc chỉ huy tuy nhỏ bé nhưng ghi lại một đôi phút tự hào của một kẻ lên lon trong rừng. Mọi chuẩn bị cho một đường cung kiếm điêu linh mới đến đây là xong, tôi trở lại cùng bạn bè cầm cúi lựa bài, sửa bản vẽ cho đặc san thứ ba, nỗ lực duy nhất còn được phép làm. Những buổi sáng cùng vài người bạn bàn về tương lai tờ tạp chí nhỏ bé ấy sau khi tôi ra đi một đường lính tráng, đã qua đi rất mau trong những phút vui khá mỏng manh – bởi vì tôi đã lờ mờ

ý thức rằng chế độ chẳng còn cho phép những người cầm bút như tôi lên tiếng nhiều hơn nữa. Và vào một buổi sáng đẹp trời, đặc san đã lên khuôn quá nửa, một văn thư từ bộ thẩm quyền gửi tới cho biết phải đình bản ngay, một văn thư dưới có ghi chú gửi phó bản cho cơ quan an ninh để “tường”. Trong khi chuyển văn thư ấy cho ban biên tập, cũng để “tường” và để “tri hành”, tôi lẳng lặng gọi thêm cho mỗi người một ly cà phê rồi đứng dậy ra cửa quán mua thêm một bao thuốc lá.

Gọi thêm một ly cà phê, mua thêm một bao thuốc lá để ngó nhau, ngó cái xã hội đang chìm dần trong thối nát, trong chờ đợi tháng ngày qua... Một buổi sáng, tôi nhận được thư của một đồng đội cũ, xưa anh làm đại đội trưởng thì tôi phụ tá, cho biết đã lên ba hoa mai và coi đại đội thám kích của sư đoàn cũ. Đọc những hàng chữ ngoằn ngoèo quen biết, những hình ảnh của rừng của cây của đồng hoang xuất hiện trở lại. Đàng nào cũng đi lính, tại sao lại không trở lại đơn vị cũ với vùng chiến trường quen thuộc và ưa thích – tôi rất ghét lợi sinh, không thích nghe muỗi thổi sáo và đĩa lợi như bánh canh nên dù đã mài khá nhiều gót giày ở bảy đơn vị khác nhau, chưa bao giờ tôi để cho thượng cấp cho nam tiến quá Sài Gòn. Đàng nào cũng chiến đấu, cũng có thể đi ngủ với giun dế, thì sao không đổ mồ hôi trên đồi cỏ cao nguyên, trên bãi cát khô cháy núi cần, để rồi nếu có phải gục xuống, thì biết đâu mắt chẳng ghi được cảnh phong lan hay một mòm núi nào như hình ảnh chót.

Ít nhất còn có thể chọn cho mình một đơn vị và một thứ chiến trường... Một buổi sáng nữa tôi dậy sớm, nhét đầy giấy tờ quân vụ vào một túi, túi kia để giành chỗ cho bao thuốc lá đen, tôi rời đô thành đi tìm đơn vị cũ trình diện. Tôi bèn xe tỉnh lý, vừa bước xuống xe lô, một chiếc Honda đã ghé sát và chủ nhân mời tôi muốn đi đâu thì đi. Thoạt tiên tôi khước từ vì quá quen với hình ảnh những người chở mướn cho các quân nhân nước bạn đồng minh vĩ đại: Lính tráng đi tái ngũ đây, sức mảy mà nhờ xe anh! Chủ xe, còn rất trẻ vẻ mặt sáng sủa, cười trả lời: Em là học sinh mà, nhà cháy tiêu nên đi chờ đỡ. Anh cứ lên đi, thông cảm mà... Tôi bèn thông cảm. Một học sinh nạn nhân chiến cuộc Mậu Thân và một lính cựu già, làm sao thiếu được tình thông cảm! Con đường đưa tới đơn vị xưa hai bên là đồng hoang cỏ bụi, bây giờ đã thay đổi hẳn làm tôi ngỡ ngàng. Không phải là thay đổi kiểu *sông kia rầy đã nên đồng, chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai* đã làm buồn một nhà thơ họ Trần. Con đường đã mở rộng gấp đôi và nát bầy, bụi cát bay phủ đỏ hai bên nhà cửa san sát, nhưng không phải nhà để ở mà là nhà thiên hạ nay thường gọi là “biểu tượng của văn minh Hoa Kỳ”: các snack-bar. Hết quán này đến quán khác chạy dài cho tới khu gia binh sát kẽm gai doanh trại, làm tôi có lúc tự hỏi có phải đương đi nhầm đường tới một đơn vị Hoa Kỳ hay không.

Xe phải đỗ ngoài xa, tôi đi bộ vào doanh trại trên đường cát lờ ngập quá nửa giày. Trình giấy tại điểm canh xong, tôi quanh quẩn quanh mấy người lính gác, hút thuốc chờ đợi

lệnh cho vào. Không biết làm gì dưới làn nắng buổi trưa chói chang trên cát bụi bám đầy tất cả, cho đến tận đỉnh mũ sắt của người lính gác, tôi lắng nghe họ nói để rồi vào một lúc nào đó biết rằng trong những ngày chiến cuộc cam go vừa qua, có một đơn vị đóng bên này sông Đồng Nai đã chiến đấu với bụng đói dài để rồi cố vấn vĩ đại phải động lòng từ bi xin thương cấp, dĩ nhiên của cố vấn, ít thực phẩm. Nhưng đói vẫn cứ đói bởi vì đường từ thủ đô miền Nam sang đây quá khó nên đã có lúc xe thực phẩm đi lạc lộ trình để rồi trút hàng xuống một địa điểm không hề được chấm tọa độ trong bất cứ một phóng đồ hành quân nào. Một câu chuyện như thế là thường quá, chẳng còn làm ai ngạc nhiên. Có ngạc nhiên chẳng là nỗi ngạc nhiên đáng thương của mấy người lính kia mà thôi.

Con đường từ cổng trại vào vẫn còn nhiều bóng cây râm mát, dãy nhà dài xưa có lần được mang quân về nghỉ, tôi đã treo võng giữa hai cột, nằm uống chai bia mà cảm thấy thế là hạnh phúc và bình an dưới thế gian, vẫn còn nguyên vẹn nhưng mỗi góc cạnh đều cũ đi một chút, tường loang lổ thêm dưới lớp vôi mới quét lại vàng hoe. Viên đại úy tổng quản trị tiếp tôi theo “nghỉ lễ” dành cho chiến hữu trở về, nghĩa là giản dị, vui vẻ và ngay thẳng – nói một cách khác là không hề phát ngôn như một dân chiến tranh chính trị. Ông cho tôi biết người bạn cũ của tôi đã đi tiểu đoàn phó xa. Như vậy, tôi chỉ còn có vùng rừng cao su và đồng hoang ngoài kia là quen cũ ở xứ này. Nhưng đã đặt ngạp chân vào con đường cát lỏ, tôi chẳng muốn trở về suông nên hỏi có

thể phục vụ tại bộ tư lệnh sư đoàn không. Viên đại úy đưa một lý do nào đó để trả lời không rồi mỉm cười. Dù làm lính mới có bốn năm quân vụ ít ỏi, tôi cũng đã hiểu được quân ta thường xuyên chuyển và bổ nhiệm căn cứ trên những tiêu chuẩn gì. Sau cùng tôi ngỏ ý xin được về trung đoàn cũ, tiểu đoàn cũ để nhận một đại đội, dù ý thức rằng đơn vị cũ kể như mới bởi vì ai chưa chết thì cũng không còn ở đó. Làm sao tôi còn bận cũ ở một đơn vị đã rời xa quá lâu, một đơn vị đã bị bôi tên trên một lần trong đó có một lần ở đồn điền M... Lời xin đặc ân này đương nhiên được thoả mãn trăm phần trăm, nhưng tôi đột nhiên chán ngán, không biết vì chợt nhìn thấy bụi bám đầy giày hay vì cái nóng buổi trưa từ trên mái tôn xuống, nên xin hoãn làm thủ tục tái ngũ tới tuần sau, hạn chót. Viên đại úy cười dạn: Anh nhớ 18 giờ một phút ngày này tuần sau tôi hết thẩm quyền nhận. Sau đó anh phải trình diện ở quân trấn, phiền phức lắm. Tôi mỉm cười đáp lễ và hứa 18 giờ kém một phút ngày này tuần sau sẽ có mặt bởi vì vốn có huyết hải thâm cừu với lũ rệp ở trại nhập ngũ số 3.

Tôi ra về, đi qua con đường khá mát của doanh trại, qua đám lính canh đã từng bắn khoả về lũ thực phẩm đi lạc lộ trình, qua con đường cát lờ lún sâu dưới giày, mắt nhú lại dưới nắng và bụi cuộn cuộn từ một chiếc xe vừa tung lên cao làm mờ nhạt một thời gian ánh nắng. Một thiếu phụ mặc áo dài chắt sáng nay ra đi là trắng, còn bây giờ là hồng loang lổ bụi phủ, chặn tôi lại để hỏi thăm về một đơn vị. Người con gái quá trẻ, như một nữ sinh mới quăng cặp

sách vào ngăn tủ chưa lâu để làm chinh phục tập sự. Tôi trả lời những gì tôi biết, nghĩa là gần như chẳng biết gì rồi quay người nhìn theo hình dáng tà áo bay lập lờ sau lớp bụi vừa dày đặc thêm sau một đoàn GMC. Chắc mấy năm trước đây, Thi cũng đã đi tìm tôi như thế, vất vả và lạc lõng.

Buổi tối ở Sài Gòn, tôi kể lại Thi nghe mọi việc trong ngày giữa một ngụm cà phê và một làn khói thuốc cùng một vài đoạn nhạc từ máy phát thanh dưới chân. Nhạc bỗng ngừng và một thông cáo được đọc lên cho biết tất cả giáo chức cựu quân nhân như tôi phải về trình diện gấp Bộ Giáo dục để phụ trách huấn luyện quân sự học đường. Tôi nghe biết mà không buồn không vui: không vui vì biết kiếp lính thành phố sẽ là như thế nào và hiện chẳng còn công việc gì đòi hỏi tôi phải ở lại thành phố này, cái thành phố nổi danh vì điểm và rác rưởi đủ loại. Nhưng cũng không buồn bởi vì khi cúi nhìn đôi giày còn đầy bụi mang từ con đường cát lờ về, tôi âm thầm tự kiếm trong mình một lý do để bộ quân phục bạc trắng kia có được một ý nghĩ, chứa đựng được một lý tưởng để cho những giọt mồ hôi sẽ đổ ra sau này thấm được vào trong một niềm an ủi.

Đi tìm một niềm tin đã mất ↑

Tám ny lông đã trải ra phẳng phiu trên gạch, túi đeo lưng đã để gọn một góc, tôi mở bi đông uống một ngụm dài chấm dứt công việc chuẩn bị cho chỗ ngủ qua đêm. Không

còn thiếu gì cả, khẩu carbine đã dựng trên vách tường với kẹp đạn lau chùi sạch sẽ theo đúng tiêu chuẩn quân trường. Nhưng ánh sáng xanh hắt từ phía bên kia sang không phải là ánh trắng dãi lạnh lùng của miền tiền tuyến mà là ánh đèn néon từ Phủ Thủ tướng, và thềm gạch cao tôi sẽ ngủ đêm nay không phải là đầu hè một căn nhà của miền xôi đậu mà là thềm hiên của trường Đại học Văn khoa... Giồng máy chiến tranh lần này đã quay theo chiều hướng khá an bình: tôi đã được tấn phong đầy đủ làm người lính thành phố lo việc huấn luyện quân sự nhập môn cho sinh viên của trường đại học xưa kia tôi đã có lần mài chưa kịp mòn hết đũng một chiếc quần mẹ may. Hàng rào kẽm gai có đó, súng đạn có đó, có nằm đất có trực có ứng chiến có mồ hôi đổ ra giữa trưa nắng, nhưng ánh đèn néon đều đặn từ Phủ Thủ tướng đồ sộ tiếp tục chiếu sáng như nhắc nhở êm ái chan hoà chữ Thọ viết khá đậm nét trên khuôn mặt những thầy trò tái ngũ trên thềm hiên.

Vào khuya, các tiếng cười nói đã im vắng dần, ánh hoả châu thả vùng ven biên đã đưa ánh sáng ồm yếu vào đầy cái doanh trại bất đắc dĩ của những người lính bất đắc dĩ này, tôi vẫn chưa ngủ được. Không ngủ được bởi vì sau vài tuần làm lính trở lại, đã quen thuộc với sinh hoạt mới, tôi bắt buộc phải trở lại đối diện với một bản khoán day dứt lúc ẩn lúc hiện kể từ buổi sáng lạnh và sương mù, từ giã căn nhà người mẹ an bình và khiêm tốn sau vài cây thông già: vì căn cứ gì tôi trở lại với quân ngũ, vì lý tưởng vì niềm tin nào đây tôi chấp nhận chiến đấu...

Tôi đã thi hành nhiệm kỳ quân dịch thông thường của một công dân khá chu đáo để lương tâm thanh thản nhường chỗ cho những kẻ chưa đi, và gần đây tôi đã có cơ hội thuận lợi để làm vô hiệu hoá lệnh tái ngũ bằng cách nhận một “chức quan nhỏ” tại một cơ quan dân sự để được đương nhiên xếp vào thành phần chuyên viên hay trí thức “tối cần thiết cho sự tồn vong của quốc gia”. Nhưng tôi đã để mặc guồng máy chiến tranh đưa đi một lần nữa. Tại sao vậy trong khi tôi biết tôi chẳng hề là anh hùng hay ham được tuyên dương là anh hùng trước hàng quân hay trên báo *Tiền Tuyến*. Tại sao tôi lại đặt vấn đề, lại có một bản khoản như vậy trong khi chính vào lúc này, tôi vẫn không tin tưởng một chút nào ở cái thiên-đàng-dưới-thế của những người cộng sản.

Mấy năm trước đây làm thầy đồ trẻ tha phương cầu thực ở thị trấn buồn-muôn-thuở vì buồn-muôn-thuở ấy, khi tiếp nhận giấy gọi đi lính, tôi đã thấy háo hức trong lòng. Và thấy có một niềm tin trong tâm hồn ngay cả khi nằm trên ván của trại nhập ngũ đầy rệp, ngay cả khi một đêm trong quân trường ngái ngủ theo anh em ra ngoài bệt ở vũ đình trường để nghe một thượng cấp giải thích về vụ đàn áp vây chùa bắt sư, mà lo lắng tự hỏi những thân nhân bạn bè của mình ai còn ai mất ai đã tù đầy.

Niềm tin tưởng cũ ấy của tôi đâu, nỗi háo hức được cầm súng chiến đấu xưa kia nay đã phiêu bạt phương nào?

Nếu người xưa đã nhận định chính xác rằng chuyện con giết cha bầy tôi giết vua không phải một sớm một chiều mà phát sinh, thì hẳn trong năm năm gần đây, trên nhiều đoạn đường chiến binh đã trải qua, tôi không những đã để lại những giọt mồ hôi thấm vào vài cái quần rơi trên cát khô trên cỏ úa, mà còn để lại rải rác mỗi quãng một vài mảnh vụn vỡ của một niềm tin tưởng cũ. Nói như thế không có nghĩa là tôi đã thay đổi tận căn bản lập trường chính trị đã có, tôi vẫn còn là người chống cộng. Nhưng bao lần khó nhọc leo qua một chướng ngại vật hay khổ đau bò dưới những lớp kẽm gai khổng lồ, tôi đã cảm thấy dần dần từng chút một, như từng giọt nước mắt của những người mẹ người vợ mất con mất chồng, cái lý tưởng thường được gọi là “chống cộng” dần dà không còn sinh lực tạo hăng hái phấn khởi cảm sùng – ít nhất là cho cá nhân riêng tôi.

Bất quá thứ “chống cộng chủ nghĩa loại cổ điển” ấy chỉ còn đủ thoả mãn cho phần lý trí, còn tự tình tự, tự thâm tâm, đã xuất hiện một đòi hỏi gay gắt một lý do một lý tưởng không mang ảnh hưởng cộng sản cũng chẳng chịu khổng lồ bởi tư bản, một lý tưởng dân tộc có thể làm cho tôi sẵn lòng đổ máu, què một chân cụt một tay hay chôn vùi trong lòng đất quá sớm trước hạn kỳ thông thường của kiếp người. Tôi còn chống cộng như thứ chống-cộng-kiểu-cổ-điển đã có từ bao năm ấy không đủ làm tôi trao trả đơn vị sinh viên cho học đường để tình nguyện ra tiền tuyến một lần nữa. Tôi vẫn còn chống cộng, nhưng chống cộng kiểu như đã có

không đủ làm tôi hy sinh tất cả thân thể cho chiến tranh này. Không có gì nhỏ bé hơn một kiếp người nhưng cũng chẳng có gì có thể thay thế nổi cho một kiếp người. Bởi thế, người ta chỉ có thể hy sinh thân mình cho cái gì người ta yêu tha thiết mà thôi. Và hẳn những người còn thiên lương và lương tri ở miền Nam này đều đã nhận thấy rằng xã hội như-trong-hiện-trạng khó lòng tạo ra nổi thứ tình yêu tha thiết ấy. Con người có thể yêu say mê một cô gái hư nhưng đẹp như ngàn hoa trong vườn ngự uyển, con người có thể yêu thâm trầm quyến luyến một cô gái không nhan sắc nhưng ngoan hiền phúc hậu như cánh đồng lúa chín. Nhưng ít ai có thể yêu, ngoài các đấng tối cao chẳng, một cô gái điếm về già chua ngoa đanh đá mụn nhọt lở loét cùng mình – còn nói gì tới việc hy sinh tới tận mạng sống để bảo vệ nữa.

o o o

Đêm đã vào trong khuya hơn nữa, gió thổi một cơn theo dọc hàng hiên dài, lay động tấm bảng xanh ghi thời khoá biểu của một giảng khoá rất an bình. Bên kia con lộ lớn sáng nhạt, người lính gác dinh Thủ tướng vừa bật diêm châm một điếu thuốc cho phiên canh sắp mãn. Tôi cũng lấy thuốc ra châm hút, tí cảm lên lan can sắt lạnh, tản mẫn tìm kiếm những lý do đã đưa tới sự hiện diện của mình nơi đây, trong bộ quân phục cũ kỹ này.

Trước hết có lẽ là vị tự ái làm đàn ông. Sinh ra làm con trai trong thời loạn lạc, chẳng làm vương làm tướng gì thì thôi, chứ không thể làm dân trốn lính, dân sợ cảnh sát và sợ còi,

lui lủi như gián ngày giữa thành phố có ông đi qua có bà đi lại đông đảo. Lý do thứ hai là vì căn cứ vào lịch sử Việt, căn cứ vào kinh nghiệm thông thường của loài người, tôi nghĩ rằng muốn trở thành người hữu ích cho đất nước thời loạn, thì chẳng "*kinh luân khởi tâm thượng binh giáp tàng hung trung*" được như anh hùng hào kiệt đời xưa, ít nhất cũng phải đi lính một thời gian cho biết thêm ít võ cho bớt tính văn nhược... Lý do thứ ba là vì, lý do thứ tư là vì... càng vào khuya trong đêm, lưỡi càng cay thêm vì khói thuốc, tôi càng tìm thấy thêm nhiều lý do.

Nhưng lưỡi càng cay thêm vì khói thuốc, đêm càng khuya tôi lại càng thấy những lý do lả tả rơi rụng như những hạt bụi đang phủ đầy bàn ghế trong giảng đường phía sau. Để rồi vào một thời khắc nào đó, có thể vì bên kia con lộ lớn, người lính mới đổi phiên canh bật lửa châm thuốc hút, có thể vì một vùng trời phía xa hoả châu lơ lửng nhiều hơn, có thể vì tiếng bi đông khua động trong tay một đồng đội thức giấc uống nước trong đêm, tôi chợt hiểu hay tin rằng mình hiểu lý do thầm kín chưa dám thú nhận đã thúc đẩy tôi tới hoàn cảnh này. Có lẽ cũng là vậy. Có thể không phải chỉ là vậy. Tôi lẳng lặng mặc quân phục đã bạc cả màu xanh không một trốn tránh nhưng cũng không một háo hức hăng hái tin tưởng, thực ra chỉ vì đã từ bao năm tôi ước ao làm được một cái gì cho đồng bào cho đất nước. Và tới giờ phút này, tôi chưa đóng góp được chi đáng kể. Bởi thế, chẳng biết làm gì khác hơn – trong hoàn cảnh cá nhân hiện tại – là tìm một chia sẻ với cái thân phận khốn khổ của những

đồng bào khốn khổ bằng cách chịu nhận kiếp lính, một kiếp cùng đinh không thua kém bất cứ ai về phần khốn khó trên phần đất này.

Thay lời vào đề cho tập thơ Chu Vương Miện ¹↑

Lũ học trò đã thôi nhìn khối khối đen ngùn ngụt bốc lên từ phía phi trường để cúi xuống vở chăm chú làm bài luận mới ra đề. Không gian im lặng làm tôi có thể nghe thấy cả tiếng chim sẻ lẫn vào nổi bản khoản bắt nguồn từ một vài sự kiện nhỏ nhặt: tôi đã vừa la vài học sinh về tội OK Salem những người lính Hoa Kỳ trên xe đậu dọc hông trường, và vừa mới phạt một học sinh khác về tội gian lận điểm.

Câu chuyện thật ra chẳng có gì đáng nói, tầm thường như đám cỏ úa ngoài sân. Nhưng tự dưng, đối với tôi vào lúc này, truyện đó đặt ra một vấn đề mới: tôi có hợp lý không khi tôi giáo dục lũ trẻ như vậy?

Tôi cấm học sinh ăn xin ăn mày bánh kẹo thuốc lá người ngoại quốc, như thế có đúng không? Tôi dạy chúng phải cư xử ngay thẳng, như thế có đúng không?

Nhiệm vụ của một người thầy là trang bị, là chuẩn bị cho những đứa trẻ đầy đủ khả năng và tư cách để gia nhập xã hội người lớn sau này... La, phạt học sinh như tôi vừa đã làm, có là thực hiện đúng nhiệm vụ của tôi trên chiếc bục cao này hay không? Hay tôi thực ra chỉ đang làm công việc

tạo huyền thoại về một thế giới không có thực, một thế giới mà lũ trẻ ngồi trong lớp này khi lớn lên làm người sẽ chỉ hồi tưởng với rất nhiều chua xót và thất vọng của một kẻ bị lừa?

Tôi cấm chúng ăn xin ăn mày người ngoại quốc để làm gì? Để chúng lớn lên nghèo và đói, để chúng lớn lên bị chê là ngu là dại là đồ bỏ trong lòng một xã hội giàu có thịnh vượng vì đi xin người ngoại quốc...

Tôi cấm chúng gian lận, tôi dạy chúng ngay thẳng để làm gì? Để chúng lớn lên nghèo và đói, để chúng làm quan bị cách chức vì không chịu gia nhập các tổ hợp tham nhũng, để chúng bị đàn áp đọa đày trong một xã hội giàu có thịnh vượng chỉ tới với những kẻ nào ít lương tâm và nhiều gian dối nhất...

Nhiệm vụ của ông thầy là trang bị, là chuẩn bị cho những đứa trẻ đầy đủ khả năng và tư cách để gia nhập xã hội người lớn sau này... La, phạt học sinh như tôi vừa đã làm, có là thực hiện đúng nhiệm vụ của tôi trên chiếc bục cao này hay không?

Nỗi băn khoăn này của tôi là nỗi băn khoăn chung của chúng ta, những người đang ở tuổi trưởng thành lúc này. Chúng ta đang làm gì đây, dạy gì đây cho thế hệ sau? Hay thực ra chỉ còn một niềm chua xót của Chu Vương Miện khi nói với vợ chưa cưới:

em sẽ sinh cho đất nước việt nam những đứa con trai những đứa con gái, lớn lên như lửa thối, đứa con đầu lòng đương nhiên là gái lớn lên làm điểm cho người ngoại quốc để kiếm tiền nuôi cả gia đình

đứa con thứ hai là con trai đi ăn cắp ngoài bến xe đò du thủ du thực sống đầu đường xó chợ – những đứa sau thì mong em đừng sinh chúng nó làm người mà em sinh ra trâu-bò-lừa ngựa để kéo cày kéo xe cho người ngoại quốc, làm cu ly vác thuê đầu đường cuối phố, tối về nhai cỏ nằm ngoan em sẽ để cho anh toàn những đứa con không phải không tìm giống như gỗ đá, không biết thế nào là hèn là nhục – không biết thế nào là tổ quốc giống nòi màu da xứ sở

Đến nỗi thế rồi chẳng, đất nước chúng ta, dòng giống chúng ta đã đến thế rồi hay sao...

Đêm cuối cùng là lính, tôi trực tại căn nhà nhỏ ngay sát nghĩa trang quân đội viễn chinh Pháp – đêm trực chót trong cuộc lính tầm thường hơn bốn năm, và cũng là một đêm mưa kéo dài. Tôi ngẩn ngơ nhìn những thập tự giá trắng lúc ẩn lúc hiện dưới ánh đèn các đoàn xe tải quân mà tự hỏi như thế.

Tôi đã không tìm thấy câu trả lời, tôi đã nhìn làn khói thuốc trong mưa, nhìn những thập tự trắng khi rõ khi mờ mà nghĩ tới những đứa học trò mồ côi con lính, nghĩ tới cha chúng

nó cũng nằm dưới mưa trong một nghĩa trang đầy bóng tối. Tôi nghĩ tới lũ học trò, tôi nghĩ tới cha chúng những đồng đội đã chết của tôi, nhưng đã không tìm được câu trả lời.

Sáng ngày hôm sau xách túi quân trang đi trả, trời nắng gắt làm đổ mồ hôi khi mở cuốn sổ tùy thân nhìn quân số, nhìn chúng chỉ giải ngũ... Trời nắng như dữ dội hơn khi tôi bước chân ra khỏi doanh trại, giờ tay chào người lính gác lần cuối cùng của khoảng đời làm lính bình thường, tôi thoáng nhận ra con đường của mình, con đường của chúng ta, của những người trưởng thành...

Đừng ai đặt tên cho con đường ấy, hay muốn gọi tên nó là gì cũng được bởi vì dù thế nào nó cũng chỉ dẫn tới một ngày nào đó, nếu còn sống, chúng ta sẽ không phải gọi lớn, kêu lớn lên như lời thơ trong hiện tại của Chu Vương Miện:

*bốn phía xương mù bốn phía mìn chông
anh làm sao mà nhìn em, anh làm sao mà nhìn các con
của việt nam quần quại, của việt nam máu lửa, của việt
nam đầy xương khô
anh sẽ nói gì – anh sẽ nói gì – hay chỉ sẽ im lặng như bình
vôi già nua câm nín hay sẽ mỉm cười
héo hắt trên môi.*

Ông thầy tội nghiệp... ↑

Tôi vào nghề dạy học cách đây đã lâu lắm, đến mười ba năm, và nhập nghề một cách rất giản dị, đúng “truyền thống” ngày xưa: nhà nghèo, thi rớt một năm, vậy thì đi làm thầy đồ trẻ lấy nghề gõ đầu trẻ làm kế sinh nhai học tiếp khoa sau. Không hề có vấn đề chọn hay chí hướng mô phạm dứt khoát cho cuộc đời của mình...

Bằng cấp ít, tuổi cũng quá ít, không thể có chuyện xin dạy ở Sài Gòn. Vậy một buổi sáng trong một mùa khai trường, tôi nhét vài cuốn truyện vào cặp, chân đi đôi giày vải bà ngoại cho tiền mua, mặc cái quần kaki xanh mẹ mua xôn ở chợ trời, áo sơ mi trắng mượn của bố, tôi nhảy lên xe lửa đi xuống miền Nam kiếm nơi bán chữ sinh nhai. Không hiểu vì lý do gì nữa, tôi không nam tiến xa, dừng ngay ở bên này sông Cửu Long. Có lẽ một phần vì hiệu trưởng trường trung học mang tên vị danh sĩ mù nổi danh trong lịch sử miền Nam sẵn sàng thu nhận, một phần có lẽ vì thành phố ven sông này tôi đã từng xuống nhiều lần vì những đôi mắt đẹp không dẫn tới đâu cả.

Hiệu trưởng, một người đã đứng tuổi, trịnh trọng gọi tôi bằng “ông”, rất nghiêm khắc nhưng cũng rất tử tế, đã hướng dẫn những bước đầu cho tôi trong nghề. Học trò đứng xếp hàng thật ngay ngắn, im lặng chờ thầy đến, cúi chào mà đầu cứ thấp xuống như kiểu chào của người Nhật. Đó là thời đại hoàng kim cuối cùng của nền giáo dục Việt Nam – nhưng vào năm ấy, tôi đâu có ý thức được, cứ tưởng như thế là tự nhiên và mọi sự sẽ mãi mãi là như thế.

Đó cũng là thời kỳ hiệu trưởng yêu cầu giáo sư không được chằm bài trên xe lửa, không được mặc áo dài tay mà lại xắn lên, và dĩ nhiên áo phải màu trắng, những phiên họp hội đồng giáo sư hàng tháng tổ chức trịnh trọng và trang nghiêm. Đó là thời kỳ những ông thầy đồ trẻ đi dạo chơi trong thành phố mắt cứ phải nhìn lên ngọn cây để bớt phải chào đáp lễ các học trò ở rải rác lúc nào cũng sẵn lòng kính cẩn cúi chào. Nhưng dù còn ít tuổi, tôi lúc đó cũng cảm thấy nghề dạy học có một cái gì trực trặc, giả trá, bất bình thường đâu đây. Chỉ cảm thấy như thế thôi, chưa tìm hiểu, ý thức rõ được.

Sau hai niên học, tôi xin thôi để trở về Sài Gòn học tiếp rồi một lần nữa, vì sinh kế, tôi lại xin đi dạy học – lần này phải đi thật xa, một phần vì các trường gần đã hết chỗ, một phần vì trong khi mài đũa quần mấy năm ở Văn khoa, tôi đã là một sinh viên có những hoạt động mà chính quyền đương thời tha cho không bắt cũng đã là khoan hồng. Tôi phải lên tít cao nguyên xa, một xứ nổi danh bùn muôn thuở về mùa mưa và bụi mù trời về mùa nắng. Nhưng rất nhanh, lệnh nhập ngũ đã tới và tôi rời lữ học trò nửa thượng nửa kinh, rời phẩn rời bảng để đi vào cuộc chiến tranh mà từ trước tới giờ tôi chỉ là kẻ đứng bên lề.

Rời quân trường với tư cách bộ binh, trong có bốn năm quân vụ, tôi bảy lần đổi KBC, thay mười hai lần đơn vị. Vào thời kỳ đó, chưa có lệnh ấn định bốn năm cho về, ai đi lính đều tin chắc phen này sẽ đi như lời thơ của một người xưa:

“Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về”. Bởi thế, tôi đã sống như một người lính đích thực, nghĩa là đổ mồ hôi, là lội bùn, băng rừng, khóc bạn, chôn bạn và dĩ nhiên là có cả giết người nữa – điều đó tất nhiên nếu không lính để làm gì... Những lúc rảnh rang, tôi đi nhậu nhẹt với đồng đội. Nhẹ ra thì ba giờ sáng rét cóng sờ vào nòng thép như muốn bồng tay, đi tuần tiểu trở về, ông hạ sĩ già đã ngả một con gà không biết rõ xuất xứ cạnh mấy chai đế màu hổ phách. Và lúc đó thì thôi rũ sạch sương gió bùn lầy ở ngoài lều vải, cả bọn ngả nghiêng trong chén rượu cay, nói những thứ truyện lính tráng rất muôn thuở, nghĩa là rất tiểu lâm và trần truồng trắng trợn, để rồi tám giờ sáng ra chào cờ, đứng trước hàng quân nhìn ngọn cờ chưa lên quá nửa cột đã biến mất mà tự hỏi không hiểu sương mù sáng nay quá dày đặc hay mình quá say... Còn nặng ra thì như trường hợp có đồng đội nằm xuống hay đang tự hỏi mình chiến đấu cho ai, thì dăm ba thằng bạn cùng kéo ra thị trấn, quần áo còn dính máu và bụi hoặc tâm hồn nặng trĩu chán nản bơ vơ, vào một quán nào đó có gái hầu rượu và bia chảy như suối. Đóng cửa quán lại để tránh quân cảnh, uống cho tới tờ mờ sáng, chông chất trên xe jeep, hát nghêu ngao như lũ cuồng mà về.

Còn gái. Tất nhiên phải có và có nhiều. Dù gái điểm hay gái nhà lành thì đều là một thứ repos du guerrier. So với nhiều bạn trong quân ngũ, tôi không hề là lính ba gai ba búa, nhưng ngả chiêu đãi viên ra bàn mà hôn trong quán rượu ồn ào và nhận chìm tất cả thân mình trong vòng tay những

con gái cho thuê thân xác – có gì đáng nói về chuyện ấy nữa một khi lắm lúc lũ chúng tôi thấy phận mình nào có hơn gì, chẳng qua một thứ lê dương da vàng...

Thế rồi đến một ngày kia thời thế thay đổi, thiên hạ đếm đủ bốn năm quân vụ rồi cho tôi trở về. Về thì về. Do sự lười biếng của lính sau khi giải ngũ – phải vài ba tháng trở lên mới hoàn hồn... dân sự – guồng máy hành chính cứ quay nên một buổi sáng đẹp trời, tôi ngủ dậy chợt thấy mình lại là nhà giáo, ông thầy, nhà mô phạm ngay tại Sài Gòn. Vậy thì tôi lại lên bục cầm phấn mà chi hồ giả dã phen nữa.

Nhưng lần này rất nhanh, tôi thấy ngay là mọi sự không còn là như xưa, mọi sự đều trực trặc, hỗn loạn và giả trá. Tôi đứng trên bục mà cảm thấy đó không phải là vị trí của mình – tất cả chỉ còn là kịch, một thảm kịch.

Trước hết là về phía ông thầy, kẻ đứng trên bục gỗ mà rao giảng những điều hay lẽ phải cho lớp hậu sinh. Cuộc chiến tranh đã quá khùng khiếp, xã hội đang đi tới mức phân hoá tột cùng, tất cả với tôi là người trong cuộc. Tôi đã nhìn thấy nhiều sự thực, tôi đã ý thức được nhiều điều và đã lao mình vào cuộc tranh đấu nhằm xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn. Vậy làm sao bây giờ đứng trên bục này, tôi có thể giảng cho đàn em những điều hay điều thiện mà chính tôi biết là không có và lỡ mà chúng lại tin theo thì lớn lên chúng sẽ nguyên rủa tôi là tên nói láo hay nặng hơn nữa, đồ xui trẻ ăn cúrt gà. Tôi nói về dân chủ ư? Dân chủ nào. Tôi

nói về tiết nghĩa ư? Tiết nghĩa nào. Tôi giảng đạo đức: các em không được rượu chè trai gái nghiện hút chằng? Tôi nói dối mắt: tôi đã hút thuốc như điên, uống bia như hũ chìm và... chơi gái chín phương chỉ còn để mỗi một phương lấy vợ. Giá tôi cho tôi đã làm những điều đó là sai là xấu thì còn được, đằng này tôi không hề thấy những việc đó là xấu xa – tôi đâu có định xuống tóc vào chùa hay phát nguyện vào đại chúng viện để phải tiết dục.

Suy nghĩ nhiều hơn, tôi tìm thấy một trục trặc khác nữa. Đó là vấn đề quan niệm về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của ông thầy. Ngày xưa, trên là *quan* dưới là đến *sv*, còn *phụ* đứng mãi hàng thứ ba. Ông thầy được ủy nhiệm quyền dạy dỗ cho đưa trẻ *thành người*. Nghĩa là ông thầy chịu trách nhiệm về cả trí dục lẫn đức dục của hậu sinh, và được uỷ đủ quyền hạn cần thiết để hoàn tất trách nhiệm của mình: học trò gheo gái vô lễ cách trường 30 dặm, ông thầy mà biết, mười ngày sau cũng còn gọi ra xỉ vả hay đánh đòn. Đỡ có đến tiến sĩ, làm quan có đến nhất phẩm triều đình, về thăm thầy ở làng xưa nếu cần vẫn cứ phải xuống ngựa từ đầu làng và đứng mà hầu chuyện thầy đồ trong lều tranh xơ xác. Hơn nữa, chương trình giáo dục cổ xưa cũng nhằm theo chiều hướng như thế. Được trao quyền hạn và trách nhiệm lớn như vậy, và được đãi ngộ về cả tinh thần lẫn vật chất tương xứng, nếu ông thầy ngày xưa có phải tiết dục, phải tu thân tối đa để làm mô phạm, điều đó là hợp lý. Còn bây giờ, trên bục gỗ, ông thầy hiện đại được trao quyền hạn ra sao? Tôi dạy Quốc văn đệ tứ chẳng hạn, sáu giờ một

tuần với một chương trình rõ rệt phải dạy cho đủ. Học trò kém Quốc văn, lỗi tại tôi. Còn nếu chúng kém về đạo đức, điều đó làm sao tôi lãnh trách nhiệm cho được. Ai trao cho tôi việc rèn luyện đạo lý cho học trò đâu. Không cần giàu tưởng tượng cho lắm cũng biết điều gì sẽ xảy ra cho tôi nếu trước là hiệu trưởng sau là cấp Bộ biết rằng giáo sư... đã bỏ bê chương trình Quốc văn để chỉ giảng đạo đức cho học trò. Tôi đã từng dạy Công dân giáo dục để biết rằng đây chỉ là môn giảng về bổn phận và quyền hạn của người công dân – nghĩa là nhằm đào tạo một người công dân thôi và một công dân tốt là người biết tôn trọng luật đi đường (chương trình lớp đệ lục), biết đóng thuế đầy đủ, biết thi hành nghĩa vụ quân dịch, biết mình có quyền ra ứng cử và bầu cử, biết vài kiến thức về kinh tế học... Và một công dân *tốt*, nghĩa là làm hết những trách vụ công dân đó, không hề đương nhiên là một người tốt, có đạo lý. Một kẻ lưu manh, khốn nạn nhất xét theo phương diện luân lý, vẫn có thể là một công dân *tốt* như thường – nhất là trong xã hội hiện đại.

Đó là về quyền hạn và trách nhiệm. Còn về đãi ngộ? Có thể nói ngay là tội nghiệp ông thầy. Trước hết là về phương diện tinh thần đã. Không những ông thầy không được xã hội dành cho một kính nể nào đáng kể so với các nghề khác *hiện tại*, ông thầy còn bị ngáng trở trong việc giảng huấn bởi chính các phụ huynh học sinh. Trong một bài giảng nào đó, ông thầy mở rộng nói về đạo đức lễ nghĩa cho học trò nghe, thì thường thường là chương trình của

mình dám sẽ bị quạt bay theo gió hết khi học trò trở về nhà, mang lời giảng ở lớp ra nói, và phụ huynh phê bình rằng: Ôi dào! Nghe mấy thầy của mày thì có mà đói rã họng ra! Và tôi dám đánh cá rằng ngày mai đây, nếu có học trò nào hư, hỗn láo, tôi nóng tát tai cho một cái thì ba bảy hai một ngày là trễ nhất tôi sẽ gặp đủ rắc rối: phụ huynh sẽ nhẹ ra thì khiếu nại với hiệu trưởng, nặng ra thì kiện tới Bộ hoặc viết bài “tố cáo hành động dã man của con chiên ghê trong ngành giáo dục”. Xa lắm rồi cái thời học trò hư bị thầy đánh cho mấy roi đuôi về, ngày hôm sau đương sự, sau khi bị lãnh thêm một trận ở nhà, bị bố lôi đến trường bắt xin lỗi thầy.

Còn đái ngộ về vật chất? Giáo chức lãnh lương như mọi công chức khác – phụ cấp sư phạm có năm trăm và tám trăm không nghĩa lý gì. Nghĩa là đói rách tối đa – một giáo sư trung học bây giờ nếu có lương tâm, chỉ dạy đúng số giờ ấn định thôi không dạy tự, thì người đó và vợ con chỉ có quyền ăn cơm ngày một bữa thôi, còn quần áo thì lấy lá chuối mà che thân – vị nào không tin là tôi nói nghiêm chỉnh, tôi sẵn lòng cung cấp bản chiết tính. Còn về phía xã hội, tôi xin trình bày lần đi coi thi Tú tài năm vừa qua, tại một tỉnh nổi tiếng trong văn học của miền Nam. Chẳng gì cũng là một giám khảo, bước chân vào trường, mỗi sư giáo được cấp phát cho một chiếc chiếu ly lông nhỏ (có sự tiến bộ vì trước kia là chiếu cói) và một cái chỉ tay về phía một hành lang. Các vị giáo sư cứ việc ra tay mà quét bụi, kê các bàn ghế lại lấy chỗ mà nằm. Kỳ thi thì dài mà trường không

có nước tắm – có nước rửa mặt đánh răng đã là may lắm. Chăn chiếu mùng mền phải mang theo mà dùng. Ăn cơm thì tự túc, và suốt trong kỳ thi tôi nhận thấy chín phần mười đều chỉ dám ăn cơm đĩa, những đĩa cơm rất bé bỏng. Coi thi rất dễ khát nước và tôi cùng các bạn không biết làm sao hơn là chung nhau tiền thuê lao công nấu nước cho uống. Một tỉnh văn hoá của miền Nam mà không đãi nổi các giáo sư đến tỉnh mình coi thi một ly nước trà và không cấp gì hơn một chiếc chiếu nylon... Có thể nói trong thời gian thi cử này, chỉ có các người lính đang đi hành quân của sư đoàn 7 và các giáo sư đi coi thi Tú tài mới phải nằm đất hít bụi mà thôi... Các ông thầy tội nghiệp, bởi vì mọi sự không phải chỉ có thế: coi thi nghiêm chỉnh quá, rất dễ được học trò địa phương tiến đưa bằng vài trái đu đủ hay nhẹ ra, cũng vài lời chửi tục ngay trước mặt.

o o o

Mọi sự đến đây quả thực tôi không còn lý do gì để tiếp tục đeo đuổi nghề giáo. Chỉ riêng cái vị trí giả tạo, nguy trá mà xã hội tạo ra cho ông thầy, cũng đủ làm cho tôi mất thanh thản trong tâm hồn khi đứng trên bục gỗ rồi. Đơn xin thôi việc đã được chuẩn bị nhưng với Tết Mậu Thân, chiến tranh lại lôi tôi vào cuộc lần thứ hai và lần này, với tư cách giáo chức tái ngũ, tôi được sử dụng như một thứ huấn luyện viên quân sự lưu động trong đô thị, hết Sinh viên, Thanh niên trừ gian, lại đến Nhân dân tự vệ. Để rồi một buổi sáng nọ, thượng cấp chỉ thị cho các giáo chức tái ngũ được biết sẽ được biệt phái về nhiệm sở cũ “nếu có đơn xin”.

Tôi không làm cái “đơn xin” ấy. Tôi muốn thà ở lại các đơn vị huấn luyện quân sự học đường còn hơn. Ở đây tôi thoải mái, vị trí và trách nhiệm của tôi rõ ràng. Nếu làm huấn luyện viên, tôi chỉ trách nhiệm về môn tôi phụ trách, học viên khá về môn đó càng tốt, tôi lo cho đơn vị có kỷ luật, y phục chỉnh tề, so hàng đều, trình diện tốt. Ai bất tuân thì phạt. Còn các học viên của tôi có tham nhũng ngoài đời, có làm trò ma giáo, việc đó không liên quan gì đến tôi cả. Tôi có nhậu nhẹt, chơi bời vung vít, thì đó là việc riêng của tôi, các học viên không có lý do gì thắc mắc... Hoàn toàn là những điều, những tương quan, những vị trí, trách nhiệm mà chính thực ra phải là của ngành giáo dục bây giờ mới hợp lý.

Nhưng chẳng có đơn xin thì đừng, lệnh trên vẫn cứ truyền xuống và tôi đành cời quân phục trở về trường cũ. Làm nhà binh, không có cãi, thi hành trước khiêu nại sau. Buổi sáng ngày khai trường năm đó, trong những giáo sư đang đứng trên hành lang nhìn xuống học trò dưới sân tập nập, tôi hẳn là ông thầy râu rĩ nhất. Và lời giảng đầu tiên của tôi ở những lớp học sinh đã lớn dĩ nhiên là rất bất thường. Trước hết tôi tự giới thiệu như khi đi huấn luyện quân sự, nghĩa là nói tên họ, cấp bậc và môn phụ trách giảng dạy. Rồi kể đó tôi trình bày cho học sinh hiểu tôi quan niệm ra sao về tương quan giữa người đứng trên bục và những kẻ ngồi dưới. Tôi nói cho họ hiểu nhà trường chỉ giữ họ có bốn tiếng một ngày và chỉ giảng dạy về phương diện trí dục, và cũng chỉ chịu trách nhiệm chính yếu có thể. Nếu có chút

nào về rèn luyện đạo lý cho con người, thì đó chỉ là kỷ luật học đường: y phục đồng phục, bảng tên, không nói chuyện trong giờ học, không hỗn láo, không làm hư hại vách tường, học cụ... Một thứ kỷ luật không nghĩa lý gì so với kỷ luật quân đội và còn thật xa mới có thể gọi những thứ kỷ luật ấy là rèn luyện đạo lý con người. Sau khi xác định rõ tôi đứng trên bục chỉ là một huấn luyện viên phụ trách môn... và chỉ chịu trách nhiệm về môn ấy (... “các em sau này hư hỏng hay thành người, có chí khí liêm khiết hay tham nhũng, lường thầy phản bạn, thì đó là do thầy mẹ các em nhiều hơn là do nhà trường – nhà trường, qua tôi và tôi qua những bài văn chương trích giảng, chỉ mang lại cho các em những hướng dẫn gián tiếp và tùy nghi mà thôi”...), tôi xác định về vấn đề xưng hô thầy trò (... “tôi không phải là ông thầy hiểu theo nghĩa ngày xưa bởi vì thứ ông thầy đó không còn tồn tại trong xã hội này, và giả thử có còn ông thầy đó thì tôi cũng không đủ xứng đáng để nhận...”). Tôi nói rằng *tục lệ* dưới cái mái trường ấn định người đứng trên bục phải gọi là *thầy* và các người ngồi dưới là *các em* thì chúng ta tuân theo *tục lệ* ấy... Thế thôi. Tôi không phải là ông thầy thực sự hiểu theo nghĩa cổ xưa (nghĩa là một thứ người đã bị diệt chủng từ lâu lắm rồi trong nền văn hoá Việt Nam), bởi thế một khi rời khỏi cổng trường này, mỗi người cứ việc đi mỗi ngã, hết thầy hết trò. Ai làm gì cứ việc làm, không ai có trách nhiệm gì với ai ngoài đường phố rộng lớn kia hết. Và sau cùng, để kết luận cho phần mở đầu đầu năm ấy, đã có lần tôi chua chát nói: “Ra khỏi trường, do đó, tôi cấm các em không được chào tôi bằng thầy. Tôi đâu có được xã hội

này trao quyền làm thầy. Nhận là ngụy tín, là tiếm quyền. Và giả thử ngày nào vì cớ gì tôi được phép làm thầy thực sự, thì lúc đó tôi e rằng có hơi nhiều học trò sẽ bất xứng không đáng làm học trò *của* tôi”.

Nói giản dị, tôi đã khước từ danh vị “thầy” bởi vì nó không có và tôi là quá ngay thẳng để nhận xứng. Tôi lui về vai trò đúng của tôi trong ngành giáo dục hiện đại: một huấn luyện viên phụ trách giảng dạy về một môn học nào đó. Tôi đành phải làm như vậy vì nếu có một nguyên tắc nào cần tôn trọng nhất trong ngành giáo huấn, thì đó là sự “chính danh” như người xưa đã nói. Tôi đành phải lui về cho rõ rệt như thế mới có thể mà mỗi ngày đứng lên bục gỗ cao, mà cất bình tâm tiếng nói lên điều gì cho lớp hậu sinh. Dĩ nhiên sẽ có rất nhiều người sẽ không đồng ý với thái độ đó, nhưng làm thế nào được – tôi đâu có hề muốn như vậy.

Thực tại và văn chương ↑

Hồi còn niên thiếu tại Hà Nội, tôi có một số bạn gái Huế quen biết qua thư từ. Nội dung của những bức thư trao đổi ấy, không cần phải đọc lại, cũng có thể đoán ngay là rất lãng mạn. Kể thiếu niên chưa tới hai mươi kể cho các bạn gái mình nghe sương mù mùa đông yêu ma và mộng ảo trên hồ Hoàn Kiếm, sóng bạc đầu dữ tợn của hồ Tây những hôm trời giông bão và những đàn bướm trắng bay từng đàn lớn như những bông hoa vỡ nát dưới nắng các buổi sớm những ngày êm ả trên con đường đi mặt nhựa

còn ướt sương. Những thiếu nữ mười lăm mười bảy tả lại cuộc theo dõi nhỏ bé kiên nhẫn những nụ hoa mai vàng hiếm hoi, những búp sen mộng hồng nở dần từng chiếc hay những chiếc đèn mờ ảo thả trên sông Hương không sóng trôi ra biển vào những hôm lễ Phật... Chiến tranh đã có đó và đang tiếp diễn, cuộc kháng chiến giành độc lập ấy, chỉ xuất hiện qua vài đoạn thơ của thiếu nữ có anh lớn một buổi sớm rời cố đô êm đềm ra đi theo những kẻ đang cầm súng đã *mẹ thà coi như chiếc lá bay, chị thà coi như là hạt bụi, em thà coi như hơi rượu cay, để rồi chí lớn chưa về bàn tay không, thì không bao giờ nói trở lại, ba năm mẹ già cũng đừng mong*².

Hơn mười năm về sau, tại một tỉnh ven biển mùa nóng miền Trung trong một chuyến đi, tôi được mời ăn cơm tại gia đình một công chức cao cấp, chồng là bạn quen khi cùng làm thầy đồ trẻ tại một tỉnh nhỏ miền Tiền Giang châu thổ Cửu Long, vợ là một trong những cô bạn nữ sinh Đồng Khánh trao đổi thư từ những ngày thiếu thời đã xa vời. Đỗ chiếc jeep ở góc sân, tôi lấy khẩu colt từ thắt lưng nhét vào hộp ở xe, phủi dấm ba cái lên quần cho bay bớt bụi của miền quê vừa đi thăm một vài đoàn dân sự chiến đấu, tưởng như thế là tạm đủ tề chỉnh cho hai người bạn cũ. Nhưng thiếu phụ xuất hiện dưới hình thức tôi ít chờ đợi nhất: dáng người mảnh mai thanh tú, áo dài nội hoá vàng nhạt, tóc bới cao sau gáy và dĩ nhiên là dáng điệu dịu dàng đài các như một nàng tôn nữ thực sự của cố đô. Bữa cơm chiều diễn ra bình thường, nghĩa là với những lời xã giao,

những tiếng bát đũa và những dáng điệu tha thướt của nữ chủ - làm tôi đôi lúc có cảm tưởng rằng giá đứng lên nhìn qua cửa sổ, sẽ nhìn thấy dòng sông Hương êm đềm chứ không phải là hàng rào dây kẽm gai, vọng gác và các mũi súng đen của một trại binh ngay cạnh. Vào một lúc nào đó, nữ chủ lên tiếng bàn về văn chương tôi đã viết và bằng một giọng êm ái bề mặt như thành phố nơi sinh trưởng, nàng như trách cứ đại khái rằng văn chương chi mà ghê, đọc phát ón, thương nhau chi mà toàn những cưỡng đoạt môi nhau, những cuồng bạo dã man chi lạ...

Trong lúc mệt nhọc vì chuyển đi và chán nản vì những điều mới nhìn thấy, tôi không còn giữ nổi lối đối thoại xã giao tế nhị thường nhật, đã lên tiếng trả lời thẳng thắn. Thoạt tiên tôi nhắc lại cuộc kháng chiến kéo dài chín năm, nhắc tới cuộc chiến hiện tại với tất cả những máu lửa nước mắt hỗn loạn, tràn đầy. Những biến cố lịch sử lớn lao đã và đang xảy ra trên đất nước và tôi đã ở trong dòng lịch sử, bị lôi cuốn vào guồng máy của bạo động, của cách mạng, của xuống đường, của áp bức, của phản kháng... làm sao thế giới trong văn chương tôi lại có thể chứa đựng hoài những tà áo bay thật nhẹ và tinh khiết, những tình yêu vẫn vợ như mây chiều, thanh cao thắm lặng như giọt sương đêm. Còn thiếu phụ ngồi thật ngoan, thật lạnh hiền, người bạn gái của thiếu thời đã mất, đang ngồi như cả một thanh bình trước mặt tôi kia, đã có bao giờ phải sống hay tham dự vào cái thế giới của tôi, cái thế giới thực sự của dân tộc khổ đau này. Nàng lớn lên bên dòng sông trong, vào thời con gái

giữa hoa sen hồ Tĩnh Tâm và con thuyền neo bến đợi trăng Vỹ Dạ, đi vào tình yêu và đời vợ chồng có đủ một bông hồng đỏ nói anh yêu em, một khăn tay thêu nói em yêu anh, có đủ những lá thư xanh nhẹ thơm như lá lúa non đi về, có nhẫn đính hôn vòng vào những ngón tay nhau, có đủ xe hoa chất đầy gói mộng mơ cho ngày cưới, cho thông reo cho tuần trăng mật mịn như bột làm bánh cưới... Thế giới của nàng là như thế, là thế giới thanh bình ấu thơ của tôi kéo dài như một ốc đảo nhỏ bé, bên cạnh và bên ngoài thế giới thực sự đang dữ dội, dã man, tàn bạo và vô nhân đạo – thế giới của đa số dân Việt hiện tại, thế giới mà tôi đã phải ở trong kể từ khi rời tuổi thiếu thời.

Sau cùng, tôi nói với nữ chủ nhân rằng cõi ốc đảo của nàng và những người cho tới giờ còn sống được như nàng, mong manh lắm. Mong manh không những vì chiến tranh, mà còn mong manh vì thứ văn minh Hoa Kỳ đang tràn ngập. Tôi cũng hơi chua chát thêm rằng nàng sẽ thông cảm văn chương tôi hơn sau một đêm nào đó giả thử địch tấn công tràn ngập thị xã này, chồng bị mả tấu chém bay đầu, người nhà bị tan xác vì súng cối 82, và nàng thì ôm con tìm nơi trú ẩn trong đêm lửa đạn ngụt trời, thân gái thời loạn giữa dục vọng thả lỏng của đàn ông...

Bữa ăn đến đây bắt đầu khó thở bởi vì nữ chủ nhân đã thu về ốc đảo của mình, lạnh nhạt và lịch thiệp. Tôi hiểu và hơi muốn cười bởi vì tự dưng bị dọa là chồng bị chém bay đầu, người nhà bị tan xác và mình thì dám bị cưỡng bức – dù

những sự kiện giả định ấy đã được diễn tả bằng những từ ngữ cổ điển bay bướm, cũng là ngoài mức chịu đựng của một thiếu phụ như nàng... Một vài tháng sau, thị trấn đó bị pháo kích dữ dội. Căn cứ vào địa thế đã am hiểu, tôi đoán biết khu biệt thự của vợ chồng người bạn ấy đã nằm trong vùng pháo kích của địch. Một thời gian sau nữa, tình cờ một lần đọc báo thấy người chồng bị gọi nhập ngũ khoá... Thủ Đức. Tôi tự hỏi gia đình ấy có bị thương vong gì không trong đêm pháo kích và liệu người bạn có xếp bút nghiên theo việc đao cung không, hay là sau cùng lại được hoãn hay miễn dịch vĩnh viễn với lý do là người “tối cần thiết cho quốc gia” – đã có lần tôi nghĩ về sự *tối cần thiết* này mà thấy tiếu lâm: trong một quốc gia tổng thống thủ tướng cho đến các tổng tư lệnh tổng tham mưu trưởng... còn thay thế và thay thế luôn, tại sao lại có thể còn có những người được xếp vào loại tối cần thiết cho sự tồn vong của một quốc gia. Nhưng muốn nghĩ gì, tôi vẫn cầu mong cho gia đình người bạn vô sự lui về cố đô, bởi vì chiến tranh tàn phá quá sâu rộng, vậy một vài ốc đảo còn lại rất quý cho những người lữ hành mệt mỏi. Nhưng cầu mong thì cầu mong, nếu người bạn trai lên đường nhập ngũ để người bạn gái trở thành chinh phụ – thì nàng, với tư cách này, sẽ bắt buộc phải tham dự vào cái thế giới lớn của đất nước, sẽ biết thế nào là cuồng nộ tuyệt vọng của cả một thế hệ trẻ cầm súng qua cái hôn và vòng tay ôm của người chồng lần đầu về phép, một cái hôn và vòng tay ôm chắc chắn không thể là nhẹ như bướm đậu trên hoa mùa xuân, kiên nhẫn như đá núi và dịu dàng như gió thổi trên mặt sông êm đềm của cố đô

nữa.

Đến khi đó, nàng sẽ ở trong thứ thực tại văn chương tôi và từ đó sẽ chỉ còn phê bình văn tôi viết hay hay dở, chứ không còn chê văn chương chứa đựng những chi mà ghê, toàn đã man chi lạ nữa.

Nói thế chứ không có nghĩa tôi mong người bạn cố tri hay những người khác phải khổ để “thường thức” văn tôi viết – bởi vì chính tôi, đâu phải vì lập dị, vì nổi loạn siêu hình kiểu một Malraux lao sang Tây Ban Nha, sang Tàu làm cách mạng hộ chiến đấu hộ những kẻ khác. Đất nước Việt Nam đâu có phải là đất nước Pháp trong thời kỳ giữa hai thế chiến, để tôi có thể “dấn thân” kiểu Sartre, cách mạng kiểu Malraux trong một chọn lựa tùy ý trong một tự do tương đối như thế.

Làm nhà văn Việt Nam, bất quá tôi chỉ có thứ chọn lựa của một thí sinh trước hai đề thi, chọn đề nào thì cũng phải làm bài cả. Nhưng ở đây, trong thân phận làm người Việt Nam, tôi không có thứ quyền *không chọn* để bỏ phòng thi ra về thơ thới hân hoan – tôi không phải là một lưu-dân-tinh-thần Pháp hay Mỹ-da-vàng-mũi-tẹt nhưng sinh trưởng trên phần đất Việt Nam. Tôi đã có dịp, có cơ hội để bước vào ốc đảo của đề thi thứ nhất, đề của an bình an thân tạm bợ và kín mít. Nhưng tôi đã không thể chọn lựa như vậy – để giờ phút này khéo léo ra thì nhà cao cửa rộng xe hơi vài chiếc, tiền gửi vài chương mục ngoại quốc, vụng về ra thì cũng chẳng

đến nổi trở thành cùng-đỉnh-mới của xã hội Việt Nam như hiện nay. Không nắm lấy cơ hội làm đề thứ nhất như thế ngay từ khi đoàn quân thứ nhất Hoa Kỳ đổ bộ vào bờ biển, dĩ nhiên chỉ còn đề thứ hai để làm bài – không còn chọn lựa nào khác nữa. Và dù khó nhọc, tủi nhục, tôi không có lần nào hối tiếc bởi vì vào thế giới lớn của đất nước, tôi đã được trả lại bằng một tình liên đới với dân tộc khốn khổ. Chính thứ liên đới này mới là động lực chính của đa số văn chương tôi viết, còn thực tại, nó có thể đổi thay – chiến tranh không lẽ kéo dài tới hết thế kỷ 20, chế độ thối nát hiện nay không lẽ cứ thế đứng được nguyên vẹn cho tới ngày con tôi bằng tuổi tôi lúc viết những hàng chữ này: chúng sẽ phải chấm dứt vào một ngày nào đó, và khi ấy nếu còn sống và nếu còn muốn cầm bút, tôi có thể sẽ viết về hoa lá, về tình yêu, có thể sẽ làm văn nghệ viễn mơ hay nói một cách khác, sẽ viết từ và về thứ thực tại sẽ đến với tôi khi ấy.

Còn bây giờ, lúc này, tôi đang ở trong thực tại chiến tranh và bất công xã hội, còn bị ràng buộc với thứ liên đới với phần dân tộc bị đọa đày, thì tôi cứ tiếp tục viết như đã viết: không phải viết *như* một nông phu hay một người thợ, cũng phải viết *cho* những người ấy đọc (họ hẳn ít người hiểu được hay thích đọc văn tôi). Tôi viết ở vị trí tôi đang ở với con người tôi đang là và viết cho những người cùng ở một thành phần hay cùng chung một thực tại. Như thế, tôi viết cho tôi và cho người khác nhưng không phải cho tất cả mọi người.

Có thể rằng các nhà văn trong xã hội chủ nghĩa cộng sản chỉ viết cho người khác, cho “nhân dân cả nước”. Xin để họ theo con đường ấy bởi vì họ chẳng còn con đường nào khác. Có thể có những nhà văn ở trong thế giới nhỏ xíu như một ốc đảo an bình kín mít của Việt Nam, hoặc ở trong thứ thực tại giả tạo, nhập cảng như những lọ nước hoa *fabriqué en France* những đồ hộp made in USA, làm văn chương “chính thống và viễn mơ” cho những kẻ xuất thân từ tầng lớp chịu ảnh hưởng và nuôi dưỡng quá sâu đậm của các ngoại bang da trắng đọc và tán dương với nhau. Xin để họ đi con đường ấy bởi vì họ không thể đi theo con đường nào khác, không nhìn thấy con đường nào khác – nền giáo dục ngoại lai đã thu nhận từ bao năm không cho phép họ nhìn thấy thực tại nào khác thứ thực tại giả tạo nhập cảng ấy, và dù có thể đi nữa, tôi không hề muốn phủ nhận họ bởi vì tôi chẳng bao giờ chủ trương vườn văn phải toàn hoa cúc vạn thọ – dù rằng họ đang nương vào sức mạnh tài chính của ngoại bang hay nương tựa quá nhiều vào phương tiện của chính quyền để phủ nhận những dòng văn chương phát xuất từ thế giới lớn của phần dân tộc khôn khó, cùng đinh... Có thể rằng trên thế gian này còn có những nhà văn viết chỉ để cho chính mình cho riêng mình – nghĩa là tác phẩm viết ra không cần ai đọc, không cần xuất bản. Xin cúi đầu ngưỡng mộ và xin kính nhi viễn chi những vị ấy vì tôi không siêu thoát, không thiên tài đến thế được. Về phần riêng, tôi lại trở về với thực tại của mình, chấp nhận thứ liên đới không thể chối bỏ, để tiếp tục cái gì đã bắt đầu: tiếp tục viết cho mình và cho người khác như thế,

trong ý thức chẳng có gì là vĩnh cửu trên thế gian này.

Người chứng mệt mỏi: Phạm Duy ↑

Một người trẻ vô danh bên phương Tây có lần nói: Bây giờ, cứ mười năm là một thế hệ. Tôi đồng ý: ít ra trên phương diện âm nhạc. Mỗi thời kỳ, đều có những âm thanh, cung bậc của thời kỳ ấy, và cũng vì thế rất nhiều khi con người nghe nhạc như nghe quá khứ của chính mình. Một thế hệ trước đó và một thế hệ sau có thể nghe các cung điệu ấy, có thể thấy hay có thể không, nhưng chắc chắn không thể xúc động đến phần ký ức, đến con người đã qua sâu xa nhất của mình. Hãy để ý tới sự dị biệt trong chọn lựa băng nhạc và đĩa nhạc của một người bốn mươi và một người hai mươi bây giờ... Những bản nhạc và những người làm nhạc vượt qua được lần mức thời gian, thật là hiếm hoi. Và ở Việt Nam, tôi mới thấy có một người thực sự là đã làm được như thế, đó là Phạm Duy.

Tôi chỉ bắt đầu biết tới nhạc Phạm Duy – tuổi thơ của âm thanh tôi – sau khi theo cha mẹ về thành. Kháng chiến đã là quá khứ, cho riêng tôi, đã là ở bên kia ranh giới, cho riêng tôi. Thầy tôi lúc đó nhận một chức vụ coi về thông tin ở Hải Phòng và tôi đã “biết” tới Phạm Duy qua một buổi hoà nhạc ngoài trời ở công viên do thầy tôi tổ chức. Đứa bé lem lốc là tôi ngồi bệt trên cỏ đã lắng nghe với mê say xuất phát từ tâm hồn của kẻ mới rời ấu thời bản “*Tiếng đàn tôi*” của Phạm Duy. Người hát bản, những người trong bản

nhạc ấy chắc đã chết cả nhưng trong ký ức tôi, mỗi khi cần, tôi đều hình dung tổng quát được như cầm một chiếc ảnh cũ đã úa vàng lên... Và cũng tới khi đó tôi mới biết những bài ca, lời ca tôi thường hát như “ngày trở về có anh thương binh chống nạng cày bừa...” cũng là của một người làm nhạc mang tên Phạm Duy.

Vài năm sau, trở về Hà Nội, tôi đã lớn hơn và đã bắt đầu biết yêu. Những bản nhạc thời kháng chiến của Phạm Duy, tôi vẫn còn nghe đâu nghe đâu đây, nhưng đam mê nhất là những bản nhạc anh làm sau khi đã cùng toàn gia đình “về thành”. Một cô bạn gái mười sáu mặc quần áo của trường Trưng Vương đã cho tôi một bản nhạc nhỏ xíu chụp lại bản nhạc “Tiếng sáo thiên thai” của Phạm Duy, và tôi đã từng vắn vợ ngồi hát, dò từng nốt nhạc, suốt cả buổi chiều vào giữa mùa thu, buổi chiều có gió từ ngoài sông Hồng thổi vào làm rơi những hoa sấu vàng nhỏ, như điểm ngàn sao lên mái tóc những người con gái đi học về. Trong một tâm trạng và một tuổi như vậy, khi ban Gió Nam của Phạm Duy ra Bắc, dĩ nhiên là tôi, toàn thể Hà Nội tuổi trẻ chứ không riêng gì tôi, đều vui sướng tiếp nhận.

Hà Nội có những buổi chiều đông, hơi mưa và lạnh, làm bất cứ ai có tuổi trẻ hay nuối tiếc tuổi trẻ đều muốn đi ra đường. Để đi uống một ly cà phê, nhấp nháp một ly rượu, hay chỉ để ra ven hồ Hoàn Kiếm mua một gói lạc rang nóng của ông Tàu già ngồi trước cửa bưu điện, rồi cứ thế mà hai tay đút túi quần đi lang thang trên các hè phố – tuyệt vời

nhất là đi qua nhà người yêu một lần, hai lần, ba lần, ngược nhìn lên khung cửa sổ phòng nàng nhưng không mong chờ gì cả. Nàng tình cờ xuất hiện, một màu khăn quàng trên cổ và một nụ cười gió mùa đông làm cho tâm nín, thì càng hay: có chất liệu để sung sướng một đêm đông hay hơn. Chỉ có khung cửa không hay hai cánh cửa đóng kín cũng vẫn được như thường. Có lạnh, có mưa nhỏ hạt, có hè phố, có lá vàng, và nếu cần, còn có những gánh cà phê dưới các vòm cầu xe lửa. Ban Gió Nam đã ra trình diễn vào những đêm Hà Nội như thế, làm sao không được hoan nghênh, làm sao không làm lòng người ghi nhớ.

Vào thời đó tôi còn quá nhỏ để nghĩ tới chuyện đến mời “nàng” đi và tiền tiêu túi của tôi mỗi tháng được cấp phát có mười đồng – đủ tiền vé một phim thường trực – trong khi giá chót của ban Gió Nam ở nhà Hát Lớn tới những hai mươi đồng. Nhưng làm sao tôi không đi cho được: một ngày không xa lắm, tôi đã đứng dừng lại trước một quán ăn khá lâu để lắng nghe Thái Thanh hát bài *Khối tình Trương Chi*, dịu dàng và não nuột như một tình đầu chưa có mà có vẻ như đã qua đi... Bây giờ chính người hát và người làm nhạc ấy đã ra, và Hà Nội đã vào chiều mùa đông, gió đã lạnh buốt... Tôi vay được đủ tiền, đạp xe gần muốn thở dốc đến nhà Hát Lớn, thì vé đã hết. Một đám đông đang đứng tụ họp trên thềm. Tôi muốn nghe với bất cứ giá nào, vậy hết vé không thể là một trở ngại. Cùng vài người bạn, tôi chạy sang phía hông, leo gần mười thước ống máng mà vào. Gió lạnh vừa vèo bên tai, nhảy vào hành lang, tiếng nhạc

tiếng hát đã ấm, tiếng Phạm Duy đứng sau bức màn đã trầm trầm giới thiệu.

Nhiều năm về sau, tôi vẫn tiếp tục nghe nhạc Phạm Duy và chỉ nghe qua đĩa và đài phát thanh, từ *Về miền Trung* tới tiếng hò dài lê thê ê chề mở đầu làm tôi mơ đến Huế, đến *Hẹn hò* khác khoải. Tôi không hề đi coi anh cùng ban Thăng Long trình diễn bao giờ – đã xa rồi thời kỳ leo tường leo ống máng, dù chỉ để nghe Thái Thanh hay để ngắm trộm người yêu. Tôi chỉ gặp anh khi đã lớn, đã bắt đầu viết những bài văn đầu tiên. Một buổi tối, Duy Lam và Phan Lạc Tuyên, kẻ đã viết mẫu văn giới thiệu cho truyện ngắn đầu tiên của tôi, dẫn tôi lại đàm trường Viễn Kiến của anh Nguyễn Đức Quỳnh. Sau phần thảo luận, Phạm Duy mới tới và anh ngồi trên chiếc đi văng thấp, ôm đàn hát một bài nói về mưa và gió trong một đường phố buồn. Tôi nghe nhạc anh, nói chuyện với anh với chút e dè kính nể: anh lớn hơn tôi nhiều, anh có hào quang kháng chiến và hào quang của danh vọng nữa. Nhưng sự giao thiệp giữa anh và tôi rất giản dị và dễ hiểu – điều đầu tiên của con người Phạm Duy ngoài đời làm tôi thích, đó và sự giản dị và khiêm tốn của anh.

Tương quan bằng hữu chưa thể gọi là có vào thời kỳ này. Và tôi hầu như không gặp anh trong những năm về sau, dù vẫn nghe nhạc anh, thích thú vài bản như *Ngậm ngùi* và *Vần thơ sầu rụng* phổ thơ của Huy Cận và Lưu Trọng Lư. Nếu có điều cần ghi lại chẳng, về thời kỳ anh hay đưa thơ

người vào nhạc mình ấy, đó là lần anh tổ chức cùng Cung Trầm Tưởng và Ngy Cao Nguyên một buổi trình bày một tập nhạc phổ toàn thơ của Cung Trầm Tưởng và do Ngy Cao Nguyên minh họa. Lam có đưa tôi coi tập nhạc và tôi rất mong muốn được đi dự buổi trình diễn mà không sao đi được – tôi chỉ là một sinh viên loãng quăng chưa biết viết văn là cái gì. Không được đi nghe, nhưng chính những bản nhạc trong tập đó lại theo đuổi tôi nhiều nhất trong những năm về sau, như bản *Tiến em* chẳng hạn, đã thành âm thanh của thời kỳ đã qua rất đẹp của tôi và Thi, thời kỳ mỗi tháng hầu như hai đĩa phải tiến nhau một lần. Một buổi tối chót Thi ở với tôi ở một tỉnh cao nguyên, ngồi nghe hoài những “*lên xe tiến em đi...*”, hai đĩa rủ nhau đi lang thang quanh thị trấn. Xa lộ đang mở, mùa khô đất đỏ, bụi bay theo gió lốc thật cao che khuất cả bóng trăng, đổi màu cả những bông cúc dại hai bên đường... Làm sao sau này tôi không thể nghe lại bản đó mà không nghe bằng quá khứ của chính mình.

Đó là thời kỳ của Phạm Duy của tình ca và tôi không nghĩ gì khác hơn thế về anh. Những bài ca thời kháng chiến của anh không còn âm hưởng trong tôi: tôi quá nhỏ để có thể tham dự kháng chiến, dĩ nhiên không thể có nhiều âm thanh ký ức. Khi đã lớn hơn, tôi đã hơn ngạc nhiên khi vào thăm một người bạn trong một doanh trại Sài Gòn, thấy có một biển tên đề hai chữ Phạm Duy. Người bạn – họa sĩ Tạ Tỵ – cho biết là anh muốn đi vào quân đội để cất tiếng hát rộng lớn hơn. Tôi hơi ngạc nhiên vì tự nghĩ anh sẽ hát

những gì đây trong cái tập thể chết chóc đọa đày này. Chỉ thắc mắc có thể thôi rồi quên đi, cho tới khi tôi ra Huế, đến chơi nhà Nguyễn Đắc Xuân, căn nhà cổ kính nhìn xuống một dòng sông nhỏ, chủ nhân đã vặn tôi nghe các bài tâm ca của Phạm Duy. Xuân có nói thu trên thuyền vào một đêm mưa, âm thanh không tốt, nhưng tôi, tôi mê say nghe đi nghe lại tất cả những bài ca thấm thiết ấy – hình như tôi đang mong chờ những cung điệu như thế từ lâu bấy giờ mới gặp. Lần này, quả Phạm Duy đã có điều để nói qua tiếng hát với những kẻ cùng đinh mới của miền Nam:

*Tôi sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ ruộng già
lời tôi ca lời tôi ca xin lúa đừng lo
lời ta thay cho tiếng đạn bay...*

*tôi sẽ hát to hơn những kẻ khơi ngọn lửa thù
lời tôi ca lời tôi ca như suối rừng thu
lửa âm u ai đốt từ lâu
miền quê tôi khan tiếng kêu gào
lời tôi ca như nước nhiệm màu
thành mưa rơi cho dứt niềm đau
tôi sẽ khóc to hơn đứa nhỏ đang ngồi vĩa hè
trẻ bơ vơ trẻ bơ vơ đi giữa vườn hoa
hỏi thăm em em có mẹ cha
hỏi thăm em em có ông bà
hỏi thăm em em có cửa nhà
một ngày qua em mất cả ba...*

(Tiếng hát to)

Phạm Duy đã cảm thấy những gì những người cùng đinh của miền

Nam đang quần quai. Cuộc chiến tranh đã nứt nẻ vỏ chính nghĩa bề ngoài, để lộ thực chất bên trong: không là gì hơn... Vào thời kỳ này, tôi đã viết truyện dài *Tiền đồn* để trình bày niềm khổ tâm của người dân nói chung trong thân phận ruồi muỗi và những người lính như tôi đang biến thành thứ tốt đen sang hà cho các thế lực ngoại bang, các thế lực đang muốn người Việt vĩnh viễn coi nhau như quân thù: trắng nói ta phải giết hết tụi đồ, đồ nói ta phải tiêu diệt hết trắng. Bởi thế không có gì là lạ Phạm Duy đã gặp nhiều đã kích và khó khăn cho các bài tâm ca của anh chỉ vì anh đã lên tiếng:

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai
Kẻ thù ta tên nó là gian ác
Kẻ thù ta tên nó là vô lương
Tên nó là hòn căm
Tên nó là hận thù
Tên nó là một lũ ma
Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai
Kẻ thù ta mang áo màu chủ nghĩa
Kẻ thù ta mang lá bài tự do
Mang cái vỏ thật to
Mang cái rễ danh từ
Mang cái mầm chia rẽ chúng ta...*

(*Kẻ thù ta* với ý của Nhất Hạnh và Trụ Vũ)

Không màu cờ sắc áo, không còn màu cờ sắc áo nào nữa, hoạ chăng chỉ còn là những tiếng *Giọt mưa trên lá*:

*giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già
lã chã đằm đìa trên xác con lạnh giá
giọt mưa trên lá nước mắt mặn mà*

thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chồng về...

Thật may là người làm nhạc như thế là một Phạm Duy có danh tiếng lớn và thời đó chưa có Toà án Mặt trận và cái mũ “phản chiến”...

Con người Phạm Duy kháng chiến đã đi vào huyền thoại của một thời đã qua, con người Phạm Duy tình ca chìm lắng xuống, nhường cho một Phạm Duy mới, gần gũi với tuổi trẻ, với dân với nước. Dĩ nhiên là Phạm Duy mới được từng lớp trẻ ngưỡng mộ, quý mến, và trong bao đêm, từ tận dòng Bến Hải xuống miền cực nam, những người trẻ đã quây quần nhau mà hát những bài tâm ca của anh, hát đến như muốn mê sảng mà lãng quên thực tại luôn. Trong thời kỳ này, nhóm Thái Độ đang hình thành cố gắng ném những mớ dẫu đầu tiên tìm đường dẫn tới một xã hội mới. Quay máy mãi, đánh máy mãi cũng mệt, một đêm tôi mời Phạm Duy đến hát cho anh em nghe... Anh đã đến ngay, và trong căn phòng nhỏ tồi tàn, anh đã ôm đàn ngồi xuống đất với những người trẻ, cất tiếng hát rất to vang động cả một vùng ngõ hẹp. Mái tóc anh là mái tóc đốm bạc duy nhất trong tất cả những người hiện diện. Anh đã có hào quang kháng chiến, hào quang danh vọng, nhưng anh không trốn tránh vào những thứ ấy. Anh biết anh phải liên đới trách nhiệm với những người cùng thế hệ anh, một thế hệ đã truyền lại cho chúng tôi, những người trẻ ngồi quanh, cả một di sản.

*Để lại cho em này nước non mình
để lại cho em một nước đẹp xinh
một niềm oai linh hiển hách
chỉ còn dư vang thần thánh
để lại cho em hèn kém của anh*

*Để lại cho em một nước phân lià
để lại cho em một giống nòi chia*

*hận thù nhân danh chủ nghĩa
bạo tàn vênh vang bề thế
để lại con tim nhỏ bé của anh*

*Để lại cho em giọt máu dân lành
để lại cho em từng nắm mồ xanh
chập chờn bay trong bại thắng
ngọn cờ khăn sô màu trắng
để lại cho em một bãi sa trường*

*Để lại cho em thành phố lên đèn
bọn người tranh nhau một đám bụi đen
lệ buồn rơi trong tử điểm
gởi người gian nan trận tuyến
để lại cho em già dối đê hèn*

Tôi quen biết rất nhiều người tranh đấu của thế hệ trước, từ địa hạt chính trị, cách mạng sang tới văn hoá, nhưng tôi chưa hề thấy ai dám nhìn nhận thực trạng như Phạm Duy. Lớp trẻ chúng tôi lớn lên để lãnh đủ cả một cuộc chiến tranh thảm khốc. Chúng tôi không hề dính dáng gì đến việc phát động ra cuộc chiến, chúng tôi không hề được hưởng lợi lộc gì trong cuộc đầu tư chiến tranh, thế mà chính chúng tôi lại lãnh đủ: từ hơi cay, dùi cui trong thành phố đến chuông cạp ngoài hải đảo. Và chính chúng tôi cảm sung chiến đấu và chết: thế hệ đàn anh đã thu xếp cho mình “ngoài tuổi quân dịch” từ lâu... Thế mà không một người nào trong thế hệ đàn anh – ngoại trừ một vài người hiếm hoi như Nhất Linh và Phạm Duy chẳng hạn – dám công khai nhìn nhận là mình đã làm lẫn, đã để lại cho thế hệ sau, đã “ĐỂ LẠI CHO EM” cả một gia sản thê thảm như thế. Làm sao mà thế hệ trẻ không mất niềm tin ở các tiền bối khi thế hệ trước cứ khăng khăng ca tụng “sáng dọi miền Nam” hoài, làm sao mà trẻ già còn có thể bắt được cầu thông cảm qua hai thế hệ... Phải đợi cho tới khi Phạm Duy cất tiếng, chúng ta mới thấy mặt

mờ mỏng manh xuất hiện sự thông cảm tối cần thiết:

*Nhưng em thương anh thương anh
cho tủi hờn đi xuống
nhưng em thương anh thương anh
cho niềm kiêu hãnh vươn lên
Nhưng em thương anh thương anh
cho súng phải thờ dài
cho lựu đạn im tiếng
cho đường vũ khí qua tim
Nhưng em thương anh thương anh
em đón nhận gia tài
ta cùng góp sức mới
xin nhận lời tranh đấu
Nhưng em thương anh thương anh
xin nhận lời tranh đấu
đi tìm lối thoát cho nhau*

(Để lại cho em, làm với Nguyễn Đắc Xuân)

Với những lời thống thiết và chí tình như thế của một “đàn anh”, làm sao mà thế hệ sau lại không “đón nhận gia tài” một cách thông cảm, mặc dù có Trời Phật chứng giám cho tại sao chúng tôi phải lãnh cả một “gia tài” khốn khổ đến như vậy!

Trong thời gian về sau, Phạm Duy ôm đàn làm người du ca đi khắp nước mà hát. Trong niềm hy vọng sẽ làm thức tỉnh được tình người, tình Việt Nam, anh còn đi tới mức mặc áo bà ba đen đứng trước màn nhung của một nơi sang cả quyền quý mà cất tiếng nữa. Nhưng như thế chưa đủ, vì muốn:

*...hát to hơn tiếng nhạc mờ hồ phòng trà
nàng danh ca vo khúc tình ca*

*thành vui điên hay khóc than vờ
...lời tôi vang như tiếng chuông chiều
lời tôi cao như tiếng ngọn diều
lời tôi sâu như tiếng tình yêu...*

(Tiếng hát to)

anh cần phải xuất ngoại, cần phải sang tận quê hương “nước bạn đồng minh vĩ đại” mà cất tiếng nữa. Và muốn thế, anh cần phải làm một đường compromis tối thiểu với chính quyền đương thời cùng toà đại sứ liên hệ – nếu không ai cho xuất ngoại và ai chịu cho anh nhập nội.

Thời gian càng qua, giao tình giữa anh và tôi mỗi ngày một mật thiết hơn. Do đó tôi khám phá ra ở anh một Phạm Duy mà ít người biết tới: đó là con người từng trải về chính trị – dù chẳng tham dự bằng cái gì khác hơn là âm thanh cung điệu của mình. Anh đã từng sống với hết nhiệt thành của tuổi trẻ trong cách mạng mùa thu 1945, anh đã tham gia kháng chiến và ở miền Nam, anh ra vào thông thả thơ thới hân hoan biết bao nhiêu biến cố lớn nhỏ... Kinh nghiệm phong phú của một đời người trải dài qua mấy giai đoạn lớn của lịch sử. Bởi thế, tôi thường hay lắng nghe anh phê phán về biến chuyển chính trị của đất nước và đôi khi, hỏi ý kiến anh về vài cách tiến thoái trong khi tranh đấu riêng. Về điểm này, anh thường chê tôi là cực đoan quá, lý tưởng quá, “hồng việc và vỡ mặt là cái chắc”. Nên mềm mỏng, công việc sẽ hiệu năng hơn. Tôi đồng ý, nhưng chưa làm sao theo nổi trên thực tế – tôi còn quá trẻ và dại dột.

Anh thực tế hơn tôi nhiều, anh hiểu làm người Việt Nam mà yêu nước Việt người Việt là điều rất khó. Anh hiểu sở trường của anh âm thanh cung điệu, vậy vấn đề là làm sao duy trì được tiếng nhạc tiếng hát của mình. Mọi sự khác là thứ yếu. Anh khuyên tôi nên có

quan niệm như vậy trong bộ môn văn. Tôi lại đồng ý với anh nữa, nhưng một lần nữa tôi lại không sao theo được, ít nhất ở vào tuổi hiện tại, dù trên thực tế, tôi đã “hồng việc” và suýt “vỡ mặt” – tôi còn non kém và dại dột lắm.

Những năm gần đây, anh ít còn giữ phong dáng thời tâm ca: anh làm tình ca nhiều hơn cùng nhiều loại nhạc khác nữa như *Sức mấy mà buồn*. Mỗi ngày hầu như anh cùng nhạc của anh có vẻ như quốc tế hoá hơn, xa dân “thân phận Việt Nam”. Dĩ nhiên là nhiều người trẻ trách cứ anh, luyến tiếc Phạm Duy xưa “của họ”. Còn tôi, tôi vẫn thích hình ảnh một Phạm Duy mặc áo bà ba đen đứng trên cát trên sỏi đá hát cho lính và người trẻ nghe hơn là một Phạm Duy mặc montagut trong ánh đèn màu made in USA. Nhưng tôi hiểu anh. Một người sáng tác trong bất cứ bộ môn nghệ thuật nào, nếu không muốn sự nghiệp dừng lại, cần phải dành lại tự do của mình từ nơi những độc giả thưởng ngoạn. Viết một loại truyện, làm một loại nhạc, được hoan nghênh và có danh tiếng, người sáng tác rất dễ bị “phồng hoá”, nghĩa là dễ muốn bảo vệ cái danh vọng đã có, cứ viết kiểu cũ giữ cung điệu cũ hoài – dù rằng mình đã biến đổi và muốn diễn tả khác đi. Chính sự “phồng hoá” này đã là nguyên nhân của sự “chết non” của rất nhiều nhà văn Việt Nam: họ nổi tiếng trong một thời nào đó nhất định rồi sau chỉ còn là những nhắc lại nhàm chán. Muốn chống lại “phồng hoá”, chỉ có một cách duy nhất: thay đổi lối sống của mình đến tận căn bản (hay dám sống thực con người mới cuộc đời mới của mình) và nhất là chống lại chính độc giả ngưỡng mộ mình. Phải hủy diệt để có thể tái sinh...

Nhiều khi tôi thấy có những người trẻ quá bất công với anh. Đòi hỏi thế này thế kia. Tôi thường không đồng ý với một thái độ như vậy. Nhạc Phạm Duy đã cất lên hơn hai mươi năm nay rồi, đã đóng góp vào các công trình lớn của dân tộc và hiện diện trong các khổ đau của Việt Nam với tư cách người chứng trong cuộc, người chứng tham dự. Anh phải mệt mỗi và có quyền mệt mỗi. Không ai có thể

làm anh hùng cả đời được, anh hùng cái thế chọc trời khuấy nước rồi cũng có lúc muốn phong kiem quy ẩn mà về. Mà anh về đâu? Anh trở về với tình ca hiểu theo nghĩa thật rộng: tình của hai người nam nữ với nhau, tình của con người với con người. Và nhạc của anh vẫn hay, chúng ta còn đòi hỏi gì hơn. Đòi hỏi hơn nữa, là bắt công đối với Phạm Duy của chúng ta.

Có thể có nhiều người trẻ không đồng ý với tôi về quan điểm trên. Cái đó không sao. Thời gian sẽ qua, các thử thách và nhiều *Mùa thu chết* sẽ tới với họ, và tới khi ấy, rất có thể họ sẽ như tôi bây giờ, tôn trọng sự mệt mỏi chính đáng để Phạm Duy, và những người như Phạm Duy trong các ngành sinh hoạt khác, để yên cho họ rút về những dĩ vãng có các con đường mòn trên núi rừng Việt Bắc, những chiều mưa lạnh trên vỉa hè Hà Nội có tà áo dài len của một người thiếu nữ đập nhẹ trong gió như cánh của một loài bướm đang yêu.

Kẻ thuộc bài: Miên Đức Thắng ↑

Tôi biết được Miên Đức Thắng trong một trường hợp khá giản dị. Trong một buổi họp bàn về việc tổ chức một buổi sinh hoạt đặc biệt cho nhóm văn hoá Thái Độ, nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc đề nghị mời Miên Đức Thắng tới hát. Một cái tên nghe lạ hoắc – hầu hết anh em chưa ai nghe nói tới và chính tôi cũng chưa bao giờ nghe một bản nhạc nào của người làm nhạc trẻ tuổi này. Một người chú thích thêm rằng có lẽ là “thần đồng Quốc Thắng” ngày xưa cũng không làm “vóc dáng” đương sự rõ ràng thêm.

Khi Thắng tới, tôi bận tiếp tân nên cũng không để ý gì nhiều

ngoài tuổi quá trẻ và giọng nói đầy nhiệt tình. Nhưng khi Miên Đức Thắng ôm đàn tiến ra giữa phòng, kê một cái ghế đầu, gác chân lên và cất tiếng, tôi đang ngồi bệt ở một góc phòng giữa Phạm Duy và Tạ Ty, bỗng sững sờ. Tôi tưởng cái anh chàng sinh viên mặt trắng đẹp trai này sẽ hát bài tình ca phổ thông nào đó... Nhưng, đây là những lời ca đầu tôi đã nghe:

Người ta đã dạy tôi hãy thương yêu đồng loại

Người ta đã dạy tôi hãy giữ lấy tình người.

*Từ khi tôi biết nói, từ khi tôi biết đi, người ta khuyên anh thế,
người ta khuyên tôi rồi.*

Nhưng anh ơi người ta, ôi em ơi người ta...

Người ta không như thế, người ta chẳng thương ai

Tôi biết tôi còn có một bộ óc trong tim,

Tôi muốn theo lời đó, lời người khuyên vàng kim

*Nhưng anh ơi người ta, ôi em ôi người ta, người ta không như thế,
người ta đã quên đi, người ta không như thế người ta
chẳng thương gì.*

Giọng ca thật thiết tha, đầy nhiệt tình chân thật của một người trẻ lớn lên, khám phá ra rằng người ta đã dạy mình một đàng, rồi làm một nẻo. Một niềm tin đã sụp đổ tan tành. Vũ trụ người lớn đã là một vũ trụ nói láo, lừa dối... Nhưng người trẻ lớn lên, vì “biết tôi còn có một bộ óc trong tim” nên vẫn cứ cố gắng sống và tranh đấu theo những lời “vàng kim” đã được giáo huấn. Thái độ sau cùng thật tội nghiệp vì người trẻ lên tiếng tự hỏi cay đắng:

Hay chính tôi thủ phạm?

Hay các người cố quên?

Đâu đâu tôi cũng thấy,

Các người đã cố quên.

(Bài ca về người)

Sống, hành động tranh đấu theo những lời giáo huấn “vàng kim”, người trẻ tuổi một ngày nào đó chợt khám phá ra một sự thực mà mình không muốn tin: chính mình là người có lỗi, mình là *thủ phạm*... chỉ vì đã làm theo lời “người”.

Khi bằng tuổi của Thắng, tôi có viết một truyện ngắn nhan đề *Những kẻ thuộc bài* trong đó tôi trình bày một số người trẻ tuổi họp nhau lại để tranh đấu cho những gì người lớn đã dạy: độc lập, tự do, công bình, bác ái... nhưng rồi sau cùng buổi họp giải tán trong thất vọng chua chát: tất cả đều ý thức nếu tranh đấu như thế, sẽ bị bắt, tra tấn, thủ tiêu, trở thành các “thủ phạm”. Câu chuyện chấm dứt bằng sự suy tư cay đắng của nhân vật chính:

“Du quan sát các bạn, hy vọng tìm một tình cảm mạnh mẽ ở ngoài chàng. Nhưng các bộ mặt đăm chiêu, ngần ngại của các gã thanh niên ngồi xếp chân trên sàn gỗ chỉ biểu lộ một nản chí tập thể rõ ràng. Vì vẫn nói, giọng đều đều như một học sinh đọc bài. Du mệt mỏi. Những kẻ ngồi đây, cả chàng nữa, chỉ là những học sinh đang trả bài cho đời sống. Những học sinh quá thuộc các điều dạy ở học đường. Như nước triều dâng, những lời giáo huấn trong mười hai năm tiểu học và trung học, hỗn loạn phơi bày... Từ một nơi sâu thẳm trong ký ức, một lời giảng cất lên: “Các trò phải tôn trọng nhân phẩm người khác, phải có lòng nhân từ bác ái. Giá trị con người ở chỗ đó. Các trò phải chính trực, không được lừa lọc điên đảo, không nên vì giàu sang phú quý mà hại dân hại nước. Các trò phải biết trọng tự do của kẻ khác”... Hình ảnh các thân thể trần truồng, thớ thịt rung từng đợt dưới luồng điện, làn da đẫm máu, những ngón tay quần quại dính dâm suốt thít trong phòng tra tấn... Sao? Họ – những kẻ ngồi

kia, chàng ngồi đây, không áo có quyền thuộc bài sao?"

Miên Đức Thắng ý thức rõ như thế, nhưng Thắng vẫn cố gắng đòi quyền "làm kẻ thuộc bài". "Người ta đã cố quên" thì Thắng cất tiếng hát, vẫn tiếng hát thiết tha tự trong tâm để nhắc nhở, kêu gọi tình người, tình máu mủ da vàng Việt Nam:

*Ôi những viên đạn bằng đồng thật tươi thật đỏ hồng
Những viên đạn bằng đồng, dân Việt chết đói khô, không làm
sao nhai được. Triệu viên đạn đỏ hồng.*

*Cha con mình gặp nhau, trong tầm bay viên đạn, anh em mình
gặp nhau trong tầm bay đạn đại bác.
Anh em lòng gặp nhau, trong tầm súng cộng đồng.
(Viên đạn)*

Tiếng ca nhắc nhở "người ta" của Thắng đã cất lên như thế trong nhiều năm, dĩ nhiên là trong vòng giới hạn – người ta không thể cho tiếng ca "nhắc nhở" khó chịu đó cất lên công khai bao giờ. Bị dồn vào thế cùng, Thắng chỉ còn biết *Gọi quê hương mà nhớ*:

*Gọi quê hương mà nhớ, quê hương ơi quê hương
Gọi quê hương mà nhớ, quê hương còn quê hương?
Quê hương ngập chiến tranh,
Quê hương có bia mộ,
Quê hương còn snack-bar,
Quê hương không còn bạn,
Quê hương lắm hận thù,
Quê hương đầy tiếng súng,
Quê hương đầy tiếng bom,
Quê hương nhiều chinh chiến,
Quê hương nhiều đau thương.
(Gọi quê hương mà nhớ)*

Trong những người đến với Thái Độ hồi đó có Trần Triệu Luật, một sinh viên loại “rất thuộc bài”, và dĩ nhiên cũng rất nhiều nhiệt tình với đất nước – không hề có tí “chủ hoà” hay “hoà bình với bất cứ giá nào” bao giờ. Nhưng người ta, lại “vẫn người ta ấy” gây áp lực mỗi ngày một cao, tôi gồng lên mà vận động mà đỡ chường để tiếp tục công việc văn hoá đang mở đầu. Nhưng Trần Triệu Luật không đồng ý với thái độ đó của tôi và tư tưởng anh mỗi ngày một thiên về hành động cực đoan. Tình trạng này không thể duy trì bởi vì như thế người ta sẽ hốt cả đám. Tôi đành yêu cầu Trần Triệu Luật chọn lựa và anh đã chọn: anh rời Thái Độ. Dĩ nhiên là lao vào tổ chức khác, thành lập *Hội sinh viên sáng tác*, đặt trong Tổng hội Sinh viên Sài Gòn (66-67). Hội sáng tác ấn hành tập nhạc *Hát từ đồng hoang* của Miên Đức Thắng, và đêm phát hành và trình diễn, tôi có đến dự. Trời mưa rả rích, mái nhỏ giọt mưa lả tả trong phòng, Thắng ôm đàn ra đứng trên chiếu giữa phòng mà hát:

*Rất nhiều đêm, rất nhiều đêm,
Tôi vỗ về tôi thủ thi
Ngủ đi con ngủ đi con
Rồi ngày mai khôn lớn,
Cầm súng với cầm gươm*

*Ngủ đi con ngủ đi con
Rồi ngày mai khôn lớn
Giết bạn bè anh em.*

*Rất nhiều đêm, rất nhiều đêm,
Tôi vỗ về tôi thủ thi
Ngủ đi con ngủ đi con
Rồi ngày mai khôn lớn
Bán nước mà làm quan...*

(Thơ Đỗ Nghê, Miên Đức Thắng phổ trong bài *Lời ru*)

Thật chua xót và cũng thật dữ dội. Tôi vừa nghe lời ca, vừa lắng nghe giọt mưa lạnh vừa rớt thấm vào da đầu, lần dở tạp chí *Sinh viên* do Trần Triệu Luật chủ trương... Vào khuya, lời ca tiếng hát của Thăng thiết tha và dữ dằn hơn nữa:

*Một buổi sáng mùa thu
người lính trẻ trong tù
hai tay ôm khung cửa
ru xác gầy đong đưa*

*Một buổi sáng mùa thu
người lính trẻ trong tù
hai tay ôm mặt khóc
nghe xác hồn lạnh băng*

*Người lính khe khẽ hát
Mẹ ơi ơi mẹ ơi
Vì con không muốn giết
Bao anh em của mình
Vì con không muốn giết
Nên con làm tù binh
(Mẹ ơi nuôi con lớn để con làm tù binh)*

Khi từ giã cả hai người trong đêm, tôi xiết tay họ và khuyến cáo nên cẩn thận, tốp bót lại đi... Trong cuộc chiến đang tàn khốc này, không ai tha thứ cho những kẻ kêu gọi tình người, nhắc nhở tới quê hương thiết tha như thế đâu. Trần Triệu Luật chỉ cười. Trời mưa nặng hạt hơn khi tôi ra về và tôi thoáng buồn.

Sinh ra trong một dòng mà cuộc đấu tranh chống cộng sản và chống thực dân đủ loại đã sang tới thế hệ thứ hai, tôi hiểu lắm. Những người bác đã chết đi vì cả tay cộng sản lẫn thực dân khá nhiều:

những Tường Cẩm, Hoàng Đạo, Nhất Linh, khi nằm xuống, dù muốn hay không cũng truyền lại cho lớp sau ít kinh nghiệm. Tôi biết tương lai của Trần Triệu Luật sẽ nhiều đen tối như tương lai của Miên Đức Thắng, nhưng tôi làm thế nào được...

Nhưng dù vậy, tôi cũng chẳng đủ tài sức giữ được nhóm Thái Độ bền vững. Một vài chương đã được đánh ra, tôi không đủ sức đỡ, kếp quân chạy dài – và tôi cũng phải nuốt nhiều nước mắt tủi nhục ca bài “con cá” mới tránh cho đa số bạn bè thoát cảnh tù đày... Về sau, tôi ít gặp Miên Đức Thắng. Anh vẫn ôm đàn đi khắp nước mà hát cho những người trẻ nghe với sự giúp đỡ của một đoàn thể Phật giáo. Còn có người nói với tôi Thắng đã lao mình vào hành động khác hơn là cất tiếng hát nữa.

Bởi thế tôi không ngạc nhiên khi có người hỏi tôi ở một quán cà phê là có quen Miên Đức Thắng không thì bảo hẳn trốn đi lẹ, không thì vào tù đến nơi. Đây là thời kỳ có vụ cư xá Quảng Đức và vụ “bảo vệ an ninh” cho Thượng toà TM. Tôi liền kiếm Nguyễn Đông Ngạc nhờ chuyển lời nhắn, trong lòng tin chắc rằng nếu có vụ bắt bớ, chắc tại những hoạt động sinh viên Phật tử của Thắng mà thôi. Ít ngày sau, một bạn văn khác lại nhắc lại chuyện đó, lần này nói rõ Miên Đức Thắng sẽ bị bắt trong nội tuần. Tôi kiếm được Thắng ở Pagode, lại chuyển lời người ta nói, Thắng cười và nói: “T. không sợ, bắt thì bắt, biết làm sao bây giờ!”

Và dĩ nhiên sau đó là Thắng bị bắt – biết chạy đâu bây giờ, bên kia lần mức là người cộng sản, sau lưng là Thái Bình Dương. Được bạn bè báo tin, tôi không lo cho Thắng bởi vì cứ yên trí Thắng bị bắt vì vụ Phật giáo vì Thầy: khi nào hoà giải xong, thầy ra thì Thắng cũng được ra. Ngay cả hầu hết bạn bè của tôi và Thắng đều tin như vậy. Bốn giờ chiều Toà án Mặt trận xử vụ Miên Đức Thắng, tôi mới được biết là toà truy tố Miên Đức Thắng hoàn toàn vì những bài ca tiếng hát của Thắng mà thôi. Sự bí mật của vụ án quả đã giữ được

đến phút chót.

Bản án nặng ngoài sức tưởng tượng: 5 năm khổ sai. Chính quyền cộng sản ngoài Bắc khi xử vụ “Nhân văn giai phẩm” cũng chỉ nặng tay đến thế là cùng. Người bạn, vẫn là nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc, khi dự khán phiên xử cho biết là sau khi toà tuyên án, Thắng không nói gì, chỉ im lặng khóc – những giọt nước mắt cay đắng nhất và cũng đẹp nhất của một người trẻ tuổi thiết tha với quê hương và đất Việt Nam.

Buổi tối ngồi trong quán HG với một người bạn cố tri, tôi hút thuốc và uống bia, và buồn. Tôi bất lực không làm được gì cả. Tôi chỉ còn có ngồi bút nhưng không báo nào chịu đăng bài của tôi vào thời kỳ ấy. Và hơn nữa, cách đó không lâu, “người ta” đã tặng tôi một quả plastic vào cổng nhà – một trái thật xinh để cảnh cáo mà thôi: cấm nhúc nhích! Đêm vào khuya, khi khách về hầu hết, chỉ còn vài người lính biệt động quân què, cụt và chột mắt và bọn tôi, chủ nhân, cũng là bạn của Thắng, để các tape ghi các bài Thắng đã hát – những bài có lời đã đưa người làm nhạc ấy vào tù... Tôi ngồi lắng nghe từng lời ca quen thuộc ấy và vào một lúc nào đó, tôi xúc động: tiếng Thắng đang hát bài *Tình ca cho mẹ*, phổ lời thơ của Phan Trúơc Viên, một người làm thơ khác trong Thái Độ, một người trẻ trong quân lực đồn trú ở miền Trung đã từng làm tôi chú ý khi đọc bài thơ đầu tiên anh gửi về:

*quê hương tôi nằm dài trông ra biển
sóng vỗ ngàn năm một điệu ru hồn
dân tộc đời đời tử hân
chiến đấu nhiều hơn...*

*chúng tôi sinh ra chẳng hề an nghỉ
đánh giặc nhiều năm không hết kẻ thù
con mỗi bé trước mồm bày thú dữ*

để tan thành còn lại nhúm xương khô

các người thử sức nơi đây

biết đến bao giờ mệt mỏi

đến bao giờ tan cuộc các người đi

người Việt sau cùng tàn tạ héo khô

nhìn cây cỏ bơ phờ trên đỉnh núi

các người không thể hiểu

các người không muốn hiểu

nhưng đồng bào tôi biết rõ vô cùng

lòng cách ngăn không bởi một dòng sông

mà bởi những con tàu xa xa ngoài Nam hải...

(Tiếng ca đen, thơ Phan Trúớc Viên)

Một ngày nọ tôi được tin Phan Trúớc Viên đã bị cơ quan an ninh của quân lực bắt giữ vì là “người bên kia”. Kế đó tôi nhận được một bức thư vài hàng không ký tên, trong đó anh yêu cầu tôi giúp đỡ vợ con. Cứ cho Phan Trúớc Viên có là người của bên kia chẳng nữa thì điều đó không có nghĩa là tôi phải khước từ trợ giúp vợ con anh – đạo nghĩa bằng hữu phương Đông. Tôi liền biên thư cho Lam, lúc đó tôi nghèo quá mức không lấy gì mà gửi ra, nhờ Lam kiếm và tặng thay tôi ít thực phẩm. Nhưng việc không thành vì lý do hồ sơ về Phan Trúớc Viên rất nặng và lạ lùng: Phan Trúớc Viên là người của Mặt trận đã nhiều năm và được lệnh tìm cách vào Thái Độ, kết thân với tôi rồi đợi lệnh sau... Phan Trúớc Viên, người bạn văn hay kẻ nội thù? Tôi gặp trực tiếp Phan Trúớc Viên có hai lần nhưng đọc các bài thơ anh làm, tôi thấy tự tình tự căn bản, anh không thể là người tin theo chủ nghĩa Mác Lê – thơ ca trong nền văn hoá đồ không bao giờ có thể có những tình tự, rung cảm như thế được.

Phan Trúớc Viên, anh là ai? Có thể hồ sơ đó là nguy tạo hoặc do

tra tấn mà có, có thể là không. Hay tệ hơn nữa, đây dăm là một cái bẫy mà người ta dùng Phan Trưóc Viên như con mồi – để chụp cái mũ cộng sản cho tôi cùng Thái Độ. Giả thuyết nào đúng, tôi không làm sao biết được, tôi đành án binh bất động. Rồi một hôm tôi nhận được tin báo Phan Trưóc Viên đã chết. Anh được tha, bị bóc lon rồi cho đi làm binh nhì bộ binh ở Quảng Tín và trong phiên canh đêm, anh đã đưa khẩu súng lên bắn vào đầu tự sát – trong một niềm căm nín hoàn toàn. Ai và có gì đã đưa anh đến cái chết tức tưởi ấy, một lần nữa tôi không sao biết được... Và bây giờ, trong quá về khuya này, lời thơ tha thiết của anh đang vang lên qua giọng ca của Miên Đức Thắng:

*con về thăm mẹ tay cầm luỡi lê
mẹ nhìn ngơ ngác
mặt con đầy những máu
tóc mẹ đầy sao khuya
sao khuya rọi qua miệng hầm
giọt sương trên tà lá úa
nhà ơi không đèn không lửa
vườn ơi không cỏ không hoa
còn đây mẹ ơi
này là lựu đạn này là hầm chông
còn đây mẹ ơi
này là liên thanh đại bác
còn đây mẹ ơi
này là hận thù này là tình thương cao ngất
cao hơn nóc hầm của mẹ tránh bom
cao hơn cây đa hồi chưa tróc gốc
cao hơn đình làng có đôi tổ chim*

*con về thăm mẹ một lần rồi thôi
thế hệ con – mẹ cũng liều như dút tao nôi...*

Người thốt ra những lời thơ tha thiết trên đã chết gục trên cát sỏi miền Trung, người làm nhạc và đang hát đang nằm trong ngục tối, còn tôi, tôi ngồi đây, trong quán về khuya này, tôi ngồi nghe và tôi ngồi nghe.

Cuộc hành trình làm người Việt Nam qua Trịnh Công Sơn



Trong căn phòng đã bắt đầu thiếu ánh sáng của trụ sở Tổng hội Sinh viên Huế, tôi vẫn còn cố gắng tranh luận, thuyết phục. Bên trái tôi là anh chủ nhiệm tạp chí tôi đang cộng tác thường xuyên, bên phải tôi là Hoàng Phủ Ngọc Tường, một trong những bạn học thân nhất của tôi trong những năm đầu ở Viện Đại học Sài Gòn. Bên kia đầu bàn là người trẻ mang kính trắng là chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế, hai bên hiện diện đầy đủ hầu hết các đại diện cho giới trẻ của cố đô. Tôi đang cố gắng thuyết phục tất cả những người đó không nên tham gia và phát động cuộc tranh đấu mà sau này mọi người thường gọi là phong trào Tranh đấu của miền Trung. Tôi không tin là cuộc tranh đấu ấy sẽ thành công: ngồi ở Sài Gòn vào một vị trí khá thuận tiện để nghiên cứu vào thời gian đó, tôi đã ước tính là những người trẻ Việt Nam trong đó có các bạn đang ngồi kia với tôi, cộng với cả Phật giáo nữa, cũng không thể nào làm thay đổi được chính sách của hai đế quốc trắng và đỏ... tại miền Nam này. Vào thời gian đó, tôi hoàn toàn tin tưởng ở một giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề Việt Nam, đó là thực hiện một cuộc cách mạng xã hội. Dĩ nhiên với tin tưởng như thế, tôi gần như muốn chống đối lại mọi phong

trào xuống đường của lớp người trẻ dù vài năm trước nữa, chính tôi không vắng mặt trong bất cứ một cuộc xuống đường ngoạn mục nào ở Sài Gòn.

Trời đã hết hẳn nắng từ lâu, phòng họp đã mờ khuôn mặt người, tôi vẫn còn thuyết phục. Cách mạng đâu có thể thực hiện được bằng truyền đơn, biểu ngữ và các cuộc tuần hành ngoài đường phố. Phong trào mà những người bạn tôi đang ngồi kia sắp tham gia, tôi không tin sẽ dẫn tới một thay đổi căn bản nào cho chiến tranh Việt Nam – tại Á châu, lẽ phải nằm ở đầu ngọn lưỡi lê và lưỡi lê ấy, chúng ta không có hay chưa có. Phải dành sinh lực và thiện chí cùng nhân sự để rèn lưỡi lê cần thiết đó đã... Hình như trong không gian mờ tối của căn phòng, tôi đã trình bày như thế. Tôi phải dùng chữ “hình như”, bởi vì thời gian qua cũng đã lâu rồi kể từ ngày ấy.

Vào một lúc nào đó, tôi chợt khám phá ra tôi đang độc thoại. Từ đã lâu rồi, những khoảng người ngồi quanh bàn đã câm nín. Tôi cũng im theo và trong một khắc im lặng ngắn, tôi chợt cảm thấy như có một ranh giới vô hình đã xuất hiện giữa tôi và các bạn. Ngay cả đối với Hoàng Phủ Ngọc Tường. Không còn gì để nói với nhau nữa, mỗi bên giữ vững lập trường của mình, đường ai người ấy đi. Nhưng tôi không muốn đứt đoạn, phân cách nhau một cách vô lý như thế. Tôi không hề muốn từ giã họ như thù nghịch – bởi vì điều bất đồng ý, không hề nằm ở mục tiêu theo đuổi, mà là ở phương thức thực hiện. Có lẽ Hoàng

Phủ Ngọc Tường cũng cảm thấy tương tự nên đã cùng với tôi tuyên bố chấm dứt thảo luận chính trị, và kể từ giờ cho tới khi tôi rời Huế, chỉ nói chuyện văn nghệ và sinh hoạt với nhau như bạn mà thôi. Tất cả đều tán đồng và hẹn gặp nhau lại ở Tuyệt Tình cốc.

Đến địa điểm hẹn gặp, ở một con đường nào và khu nào của Huế, tôi bây giờ không sao nhớ lại được, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đợi sẵn và dẫn tôi đi theo một con đường nhỏ hai bên hàng rào âm u như một xứ quê. Quả xứng đáng là con đường dẫn vào “Tuyệt Tình cốc”. Một căn nhà tranh vách đất và nền cũng bằng đất, không điện và cũng không có một dấu vết nào chứng tỏ có vết tích của cơ khí Tây phương. Vài chiếc chiếu trải trên đất, các ngọn nến thấp rải rác quanh vài đĩa bánh và các ly cà phê đen sánh, đen như màu mắt của ba thiếu nữ duy nhất hiện diện. Hoàng Phủ Ngọc Tường giới thiệu chung và vì quá đông, tôi chỉ nhớ được tên vài người như Trần Quang Long, Nguyễn Đắc Xuân... và một người rất trẻ mặc chiếc áo ka ki, vẻ mặt trong sáng hiền lành sau làn kính trắng có cái tên rất hợp với Tuyệt Tình cốc: Trịnh Công Sơn.

Khi Trịnh Công Sơn bắt đầu hát, tôi chú ý nghe bởi vì Hoàng Phủ Ngọc Tường đã có lần chê tôi là “không biết Trịnh Công Sơn thì kể như chưa biết gì về văn nghệ miền này”. Nhưng ngay lập tức, tôi không cần phải chú ý nữa – tôi đã bị chìm ngập ngay vào trong thế giới âm thanh của Trịnh Công Sơn. Tôi vẫn vờ theo dõi những viên đá, hay

một viên đá, lăn trăm bồng bênh trong cuộc đời, tôi cầu xin mặt trời ngủ yên cho đàn bò đi vào thành phố băng qua những giáo đường tình yêu... Khi Sơn ngừng hát, tôi vẫn còn sững sờ vì không thể ngờ nổi Việt Nam lại có thể xuất hiện những bản nhạc như thế. Những âm thanh lê thê, những hình ảnh hoang tàn, rã rời, nhưng... tôi vẫn cảm thấy một sức mạnh tiềm tàng lẫn khuất trong từng âm thanh của bản nhạc, trong những người đang ngồi quanh dưới các ánh nến chập chờn và những bóng đen lung linh trên vách đất. Đêm khuya, khi ra tới đường lộ, Hoàng Phủ Ngọc Tường tách ra khỏi bạn bè, hỏi riêng tôi: Thực ra còn lý do chi nữa làm anh tin bọn tôi sẽ thất bại? Trước câu hỏi này của người bạn đồng song, tôi đã trả lời khá ngay thẳng rằng tôi đã trông thấy bên cạnh anh cả người của Hoa Kỳ lẫn người của cộng sản. Làm sao thất bại, chết và tù đày không xảy đến cho những người trẻ cứ muốn đi vào cuộc hành trình làm người Việt Nam, muốn khước từ làm tay sai cho bên kia và bồi đắp cho bên này... Và khi bắt tay từ già Hoàng Phủ Ngọc Tường và tôi đều quyết tâm theo đuổi con đường mình cho là đúng nhất, con đường đã chọn lựa: Hoàng Phủ Ngọc Tường và tất cả những người của Tuyệt Tình cốc – trừ ba người nữ – đã lao vào phong trào tranh đấu do Phật giáo phát động một thời gian sau, còn tôi, về tới Sài Gòn là lo treo ấn từ quan (một chiếc ấn bé xíu của một chức quan hữu danh vô thực) cùng các bạn lập nhóm Thái Độ để lao mình vào cuộc phiêu lưu thực hiện “giấc mơ trăm năm của dân tộc”: hoài bão thực hiện một cuộc vận động văn hoá mới tiến tới cách mạng xã hội. Và trong đêm,

khi lái chiếc xe Jeep già nua đưa một trong ba thiếu nữ đã có mặt trong Tuyệt Tình cốc trở về nhà qua những con đường nhỏ ngủ êm, ven một con sông rất nhỏ và rất êm đềm, tôi không thể ngờ đó là lần chót tôi gặp Hoàng Phủ Ngọc Tường và rất nhiều người trẻ của thành phố cổ xưa này.

Sau những tháng gay cấn dữ dội, phong trào tranh đấu của miền Trung đã thất bại. Trong thời gian này, mặc bộ quân phục bạc phếch, tôi vừa quay ronéo từng trang từng trang cho những tập Thái Độ đầu tiên, vừa cùng các bạn theo dõi cuộc đấu tranh khốc liệt: họ, những người của Tuyệt Tình cốc, đã xuất hiện đầy đủ trong bản hùng ca thê thảm ấy. Một Nguyễn Đắc Xuân, kẻ đã cho tôi nghe lần đầu những bài tâm ca của Phạm Duy, con người thơ mộng bề ngoài ấy, đã làm tiểu đoàn trưởng Quyết tử. Một Hoàng Phủ Ngọc Tường, con người dân tộc cực đoan... Và dù đã ước đoán trước được, tôi vẫn không khỏi buồn khi mấy tháng về sau tôi được tin anh đã bỏ thành phố chạy trốn và bị bắn chết, không biết vì đạn bên nào ở một vùng ven đô Huế. Sau sự tan rã của phong trào, từ Tuyệt Tình cốc, chỉ còn Trịnh Công Sơn xuất hiện, mỗi ngày một nổi danh vì những bản nhạc của mình. Những bản tình ca của anh được lớp trẻ hoan nghênh dữ dội và phổ biến sâu rộng: không ngồi nơi nào không nghe thấy những âm điệu của anh. Nhưng tôi biết anh không thể ngừng ở đấy, không thể chỉ là một người làm tình ca cho thiên hạ yêu nhau.

Kể cũng kỳ lạ. Sơn và tôi cùng những người đồng lứa, chúng tôi có tuổi trẻ, quá nhiều tuổi trẻ để hưởng tình yêu cùng những mật ngọt của trần gian. Nhưng chúng tôi không làm sao nếm mật mà không cảm thấy vị đắng cay. Quân lực Mỹ đã đổ bộ và Việt Nam, chiến tranh đổi hình thái và đặt lại cả vấn đề chính nghĩa nữa. Điều quan trọng nhất chiến tranh đã trở thành vấn đề của mỗi nhà, mỗi người. Phải tìm cho được một cái gì biện minh nổi cho những rừng lá trụi khô ruộng đồng bỏ hoang cả nước đầy mồ. Phải tìm một thái độ, một vị trí – dù trên thực tế mình có phải đứng sau M16, sau AK hay đứng giữa hai lần đạn giao nhau. Có những người như tôi chấp nhận nổi cuộc chiến chống cộng, với điều kiện là nó bảo vệ cho tự do và xây dựng cho một xã hội mới cho miền Nam – cuộc chiến này sẽ không có lý do biện minh nếu nó chỉ là bán xương máu người trẻ để xây dựng những tài sản bất chính.

Nhưng có rất nhiều, rất nhiều người khác, không sao chấp nhận nổi cuộc chiến: họ đi tìm, họ lục soát, họ nhìn khắp quê hương, ngó đủ khuôn mặt bạn bè, mà không thấy lý do nào biện minh. Họ nhìn bên kia lằn mức: không thấy gì. Họ nhìn bên này: không thấy gì. Không thấy gì ngoài những hình ảnh:

*một người già trong công viên
một người điên trong thành phố
một người nằm không hơi thở
một người ngồi nghe bom nổ
một người ngồi hai mươi năm*

*nhìn hoả châu đêm rực sáng
Ngày thật dài trong âu lo
rồi từng đêm bom đạn phá
người Việt nhìn sao xa lạ
người Việt nhìn nhau căm thù
một ngục tù trên quê hương
người Việt Nam quên nòi giống*

(Ngày dài trên quê hương, Trịnh Công Sơn)

Không tìm thấy gì, nhưng không thể sống mà không có một vị trí trong cuộc đời. Trừ những người tin theo các triết thuyết nhập cảng đóng hộp từ phương Tây và những người buông thả vào trong siêu hình Ấn Độ, không ai có thể sống hàm hồ. Mỗi người đều ước mơ: *ước gì được là ta*, hay nói theo ngôn ngữ Phạm Duy, *làm sao khi thức dậy, tôi tìm thấy tôi*. Trong cuộc hành trình đi tìm chính ta chính tôi chính mình này, những người trẻ đã vung tay xé rách các tấm màn để biết rằng mình không phải là Tây con, là phó-hoa-kỳ, đã đập nát tấm bình phong bằng tre để biết mình không phải là người-giải-phóng, người-vô-sản-vùng-lên. Và tệ hơn nữa, là không còn thấy cả quê hương nữa. Cuộc hành trình phải tiếp tục, và lần này, đi lại từ đầu: *đi tìm quê hương*. Những mốc dấu đầu tiên thực thảm hại:

*người nô lệ da vàng ngủ quên trong căn nhà nhỏ
đèn thấp thì mờ, ngủ quên đã bao năm ngủ quên đã bao năm
ngủ quên không thấy quê hương*

(Đi tìm quê hương)

Khám phá đầu tiên ấy thực là buồn. Nhưng những người trẻ chấp nhận: chúng ta là nô lệ, chúng ta chưa là người tự do, chúng ta là người nô lệ, không phải nô lệ da trắng, mà là nô lệ *da vàng*. Màu

da vàng là màu da chúng ta, là thân phận chúng ta ở cõi đời này, chúng ta chấp nhận và hãnh diện.

Và người nữ chúng ta yêu, người nữ thần tượng, không phải là những người “tóc vàng sợi nhỏ” những Brigitte Bardot, Sharon Tate, Raquel Welch, mà là người con gái Việt Nam:

*Người con gái Việt Nam da vàng
yêu quê hương như yêu đồng lúa chín
Người con gái Việt Nam da vàng
yêu quê hương nước mắt lưng dòng...
Em chưa biết quê hương thanh bình
em chưa thấy xưa kia Việt Nam
em chưa hát ca dao một lần
em chỉ có con tim căm hờn
Người con gái một hôm qua làng
Đi trong đêm, đêm vang âm tiếng súng
người con gái chọt ôm tim mình
trên da thơm vết máu loang dần
Người con gái Việt Nam da vàng
mang giấc mơ quê hương lia kiếp sống...*

(Người con gái Việt Nam, Ca khúc da vàng)

Đã tìm thấy người nữ của mình, người con gái Việt Nam da vàng, tất nhiên cuộc hành trình phải tiếp tục, ổn cố vững vàng hơn:

*người nô lệ da vàng bước đi bước đi
Đi về đầu non
người nô lệ da vàng bước đi
Đi về biển xanh
Đi khâu vá con sông Việt Nam 20 năm liền thịt xương*

*phơi trên đôi miền
Đi cho thấy quê hương
đi cho thấy quê hương
đi cho thấy quê hương...*

(Đi tìm quê hương)

Và tới cuối chặng thứ nhất của cuộc hành trình, những người trẻ thấy mình là người Việt Nam màu da vàng, với tất cả những khốn khổ cũng như oai hùng của dòng giống. Nhìn sang bên kia, cũng thấy cùng màu da, cùng Việt Nam. Không thấy sao trắng bên này, không thấy sao đỏ sao vàng bên kia: người trẻ chỉ muốn nhìn thấy màu của mình, màu Việt Nam. Họ chỉ muốn nhìn thấy người Việt da vàng mà thôi. Ngừng ở chặng này của hành trình làm người Việt Nam, nhìn lại miền Nam xem còn có những gì, thì đây là di sản họ đang phải tiếp nhận:

*Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm đô hộ giặc Tây
Hai mươi năm nội chiến từng ngày
Gia tài của mẹ để lại cho con
Gia tài của mẹ là nước Việt buồn
Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm đô hộ giặc Tây
Hai mươi năm nội chiến từng ngày
Gia tài của mẹ ruộng đồng khô khan
Gia tài của mẹ nhà cháy từng hàng
Gia tài của mẹ một rừng xương khô
Gia tài của mẹ một núi đầy mồ
Gia tài của mẹ một lũ bội tình...*

(Gia tài của mẹ)

Đã gọi là di sản, thì được nhà cao cửa rộng rộng cả ao liền xã hội thanh bình cả nước hoa đăng... càng tốt. Còn nếu không, gia tài đã là của mẹ, thì dù có là ruộng đồng khô khan, nhà cháy từng hàng, một rừng xương khô, một núi đầy mồ... cũng xin gơ hai tay mà đón nhận. Không phải nhận để rồi mà khóc than thương cho phận mình. Nhân đây là để làm cho khá hơn, trồng cây trên núi, trồng lại lúa trên vùng khai hoang – dù rằng muốn làm thế có phải làm từ đầu là dạy dỗ lại nhau từ đầu:

*Dạy cho con tiếng nói thật thà
Mẹ mong con chớ quên màu da
Con chớ quên màu da nước Việt xưa
Mẹ trông con mau bước về nhà
Mẹ mong con lữ con đường xa
Ôi lữ con cùng cha
Quên hận thù*

(Gia tài của mẹ)

Đã ý thức được phân phận mình như thế, đã tiếp nhận gia tài như thế, bây giờ nhìn vào chiến tranh, nhiều người trẻ đã thấy đây không phải là cuộc chiến của họ: bắt quá đây chỉ là đấu trường thí thí cho hai ý thức hệ ngoại lai (ý thức hệ cộng sản và ý thức hệ tư bản), bắt quá người Việt hai miền chỉ là những con tốt thí cho hai đế quốc trắng, đỏ... Như vậy, không có lý do gì để họ cầm súng chiến đấu cả – dù là M1, M16 hay AK50, B40.

Nhưng dù muốn hay không, họ cũng đều phải cầm súng, không trở thành “giải phóng quân” đi “chống Mỹ cứu nước”, thì cũng thành “chiến sĩ bảo vệ tiền đồn” cho cái vẫn thường được gọi là thế giới tự do. Và khi họ gục xuống trong rừng hay ruộng đồng, đô thị, người nữ của họ, nếu không chọn giải pháp thứ nhất như bài ca dao mới đã mô tả:

*Giã từ em anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con,
Bao giờ hết việc nước non
Anh về anh có Mỹ con anh bằng.*

thì rất dễ tìm thấy *tình ca của người mất trí*, ngỡ ngác nhìn đâu cũng thấy nơi người yêu mình đã gục xuống:

*Tôi có người yêu chết trận Pleimé
Tôi có người yêu ở chiến khu D, chết trận Đồng Xoài,
chết ngoài Hà Nội, chết vội vàng dọc theo biên giới.
Tôi có người yêu chết trận Chu Prong
Tôi có người yêu bỏ xác trôi sông,
chết người ruộng đồng, chết rừng
mịt mù chết lạnh lòng, mình cháy như than.*

*Tôi có người yêu chết trận A Sao
Tôi có người yêu nằm chết cong queo
chết vào lòng đèo, chết cạnh gằm cầu,
chết nghẹn ngào mình không manh áo.
Tôi có người yêu chết trận Ba Gia
Tôi có người yêu vừa chết đêm qua,
chết thật tình cờ, chết chẳng hẹn hò,
không hận thù, nằm chết như mơ.*

(Tình ca của người mất trí)

Bắt đầu từ chặng này cuộc hành trình, những người trẻ đó chỉ còn có thể lên tiếng tuyên bố như trong phần chót của bài ca trên:

*Tôi muốn yêu anh yêu Việt Nam
Ngày gió lớn tôi đi môi gọi thầm*

*Gọi tên anh, tên Việt Nam
Gần nhau trong tiếng nói da vàng
Tôi muốn yêu anh yêu Việt Nam
Ngày mới lớn tai nghe quen đạn mìn
Thừa đôi tay, dư làn môi
Từ nay tôi quên hết tiếng người.*

Đó là một lời tuyên ngôn dịu dàng nhất và cũng minh bạch nhất: *Tôi muốn yêu anh yêu Việt Nam*, chứ không phải “tôi muốn yêu anh nước bạn đồng minh Hoa Kỳ”, và cũng chẳng phải “tôi muốn yêu anh nước anh em Trung Xô”.

Tôi được nghe bài ca trên khi phụ trách huấn luyện quân sự cho sinh viên Văn khoa Sài Gòn. Suốt nhiều buổi trưa, tôi ngồi trong một quán cà phê gần trường, nghe đi nghe lại bản nhạc xót xa buồn thảm đầy chết chóc đau thương ấy, tôi biết Trịnh Công Sơn đang đi vào tuyệt lộ dẫn tới lao tù, của cả hai chế độ Nam Bắc Việt Nam. Làm sao các cán bộ chính ủy của đảng Lao động chịu nổi một bài ca như thế. Cán binh của họ mà nghe, sẽ xúc động, sẽ ý thức được thân phận tốt thí, sẽ yêu thương người Việt da vàng với nhau, thì còn gì là “chính nghĩa chống Mỹ cứu nước” nữa. Họ mà bắt được Trịnh Công Sơn, hẳn không tiếc gì không cho Sơn một đường mã tấu, tặng anh một cái “chết rưng mịt mùng, chết chẳng hện hò, không hận thù nằm chết như mơ”.

Còn đối với miền Nam, anh còn dễ nguy hơn. Bởi vì ở miền Nam có một thành phần rất sợ hoà bình – bất cứ hoà bình kiểu gì và bất kể từ đâu tới! Lý do bởi vì quyền lợi và danh vọng hiện tại của họ xây dựng trên căn bản là trực lợi chiến tranh, đấu thầu cuộc chiến. Kêu gọi tới tình tự dân tộc, tới hoà bình, kể như lay động tới nền tảng quyền lợi của họ rồi. Chính thành phần này đã bao năm hô hào chiến đấu chống cộng bằng mồm (hô hào mọi người bằng mồm thôi, còn thân họ thì không bao giờ dám đưa ra gần nơi lửa

đạn, và con cái họ đều được trốn lính hợp pháp để du học bên Mỹ, bên Âu), chính những người này bao giờ cũng muốn chính quyền bắt bỏ tù, cho đi hải đảo bất cứ ai khơi dậy, đề cao tình tự làm người Việt Nam...

Và tất nhiên Trịnh Công Sơn không thoát được số phận của mình. Các biện pháp nặng nhẹ đủ loại đã được đưa ra áp dụng cho con người hiền lành dễ thương nhất của Tuyệt Tình cốc, nhưng không đưa được anh tới lao tù đầy ải: quá nhiều người Việt đã lên đường vào cuộc hành trình làm người Việt Nam, và không ai nỡ để con người thơ sinh giản dị, tối ôm đàn đi hát, khuya về ngủ trên ghế bố của căn nhà gỗ Hội Hoạ sĩ trẻ trên thềm Khám Lớn xưa, phải chịu đoạ đầy hay thủ tiêu từ từ trong chuồng cọp.

Vẫn được tự do dù là thứ tự do hạn chế, anh vẫn làm nhạc: cuộc hành trình vẫn tiếp tục. Lần cuối cùng gặp nhau trước khi Trịnh Công Sơn trở về Huế, trong căn gác xép mưa dột đầy một góc, ngồi trên chiếu rách, anh có hỏi tôi: Khi đất nước thanh bình, bạn bè hai bên trở về, sẽ ra sao nhỉ? Tôi không thể trả lời câu hỏi ấy, nhưng tôi biết khi thanh bình, tôi sẽ làm gì. Tôi sẽ ra Huế, kiếm Trịnh Công Sơn, và sẽ rủ anh làm như trong một bản nhạc anh đã đặt tên *Tôi sẽ đi thăm*.

Khi đất nước tôi thanh bình, tôi sẽ đi thăm

Tôi sẽ đi thăm một phố đầy hầm,

Đi thăm một con đường nhiều hố.

Khi đất nước tôi thanh bình

Tôi sẽ đi thăm cầu gãy vì mìn,

đi thăm hầm chông và mả táu

Khi đất nước tôi không còn giết nhau

trẻ con đi hát đồng dao ngoài đường.

Khi đất nước tôi thanh bình

Tôi sẽ đi không ngừng,

Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam

Tôi đi chung cuộc mừng và mong sẽ quên chuyện non nước mình

Đi chung cuộc mừng và mong sẽ quên chuyện non nước mình...

Tới đây có lẽ mới là tận cùng của cuộc hành trình làm người Việt Nam, và có lẽ cũng tới đây Sơn và tôi mới hy vọng sẽ chỉ còn một việc là: làm tình ca và viết chuyện tình rất viễn mơ. Dĩ nhiên là với điều kiện lúc đó phải quên được:

*“Khi đất nước tôi không còn chiến tranh
Bạn bè mấy đứa vừa xanh nắm mồ...”*

Tình ca ranh giới sống - chết ↑

Cuối năm mùa mưa năm ngoái, tôi và Thi trở về Đà Lạt thăm mẹ sau một thời gian xa cách. Chiếc xe ca của hãng hàng không thả hai đứa xuống ga xe là vào buổi trưa, trời có nắng, thành phố miền núi này vẫn quen thuộc, êm ái vỗ về. Và như thói quen thiết lập kể từ khi nhà ga thành phố biến thành trạm đi đến cho đường hàng không, hai đứa sang hàng phở ngay kế bên, ăn bát phở trong không khí lạnh đã lâu lắm mới được hưởng. Tôi không vội vã đi đâu, về đâu cả. Một người bạn văn tôi mới in xong một tập truyện có nói sẽ xách một cái jeep tới đón tại nơi này – cả anh lẫn xe đều không thấy đâu. Nhưng tôi không có ý chờ đợi, cả anh bạn ấy hay bất cứ ai. Thành phố này là nơi yên nghỉ của tôi, không gian thích hợp để tôi thu mình vào: làm nhà văn viết văn là mở rộng mình ra với thiên hạ, tổ chức tranh đấu này nọ là một cách thức mang thân mình ra đánh một trò chơi lớn với cuộc đời, còn là mở rộng mình ra hơn nữa.

Ngoài trời, nắng vẫn đẹp và trong trên lớp đá lót đường, bên trong tôi đã uống cạn ly cà phê, không ngon gì nhưng thích thú. Một chuyến đến vừa ý, như hai đứa tôi dự trù sẽ sống ở thành phố này: không chương trình thăm viếng bất cứ thác nào, không tiết mục họ hàng thân thuộc, và một người bạn thân hiếm có ở nơi này, thì trưa mai sáng ngày kia sẽ gặp, vào lúc nào chẳng được. Cứ từ từ, tùy hứng mà buông thả mình vào những con đường cỏ mọc cao hai bên; những cây thông nâu, không khí lạnh. Con người tôi sẽ thu dần lại được, giản dị như thế.

Bởi vậy, tôi quả thật không vui khi biết nhà văn có cuốn sách mới xuất bản kia dự trù một buổi sinh hoạt tại hiệu sách Nhân Văn để “ra mắt” cuốn sách của anh với bạn bè nơi này. Và dĩ nhiên là tôi bắt buộc phải có mặt, ít nhất với tư cách của người xuất bản... Mà lúc này, tôi đang muốn tôi không là cái gì hết ngoài tôi. *Làm nhà văn, làm xuất bản, làm lính, làm người tranh đấu* lãng lãng hay nghiêm chỉnh, làm cái gì đó cũng là một hoàn cảnh nó làm đông đặc, sững tôi lại trong một vóc dáng nào đó, vai trò nào đó – những người chung quanh tôi đòi hỏi, xã hội của con người đòi hỏi và tôi phải đáp ứng tối thiểu, nếu không muốn bị thiên hạ tưởng tôi là đến lúc cần lên an dưỡng ở dưỡng trí viện. Tôi không thể khước từ lời mời tham dự phiên họp văn nghệ ấy của người bạn, và điều đó có nghĩa là tôi phải *làm nhà văn*. Nhưng có một buổi tối thôi, thì cũng được. Tôi còn dư thời gian để chẳng là cái gì khác ngoài một đôi trai gái lang thang trên các con đường dốc, lê la

các quán ăn, quán cà phê xứ này.

Vì thời gian gấp rút – hình như người bạn sắp phải đi công tác xa thì phải – hai đứa tôi ngồi luôn trên xe jeep trong khi anh bạn đi mời bạn bè tham dự buổi sinh hoạt. Xe chạy tới địa điểm này địa điểm kia, anh bạn cứ vào mời, còn tôi cứ đứng dựa vào mũi xe hút thuốc ngắm cảnh chung quanh: tôi chưa hề biết rõ thành phố này bao giờ và góc cạnh nào của nó, dù chỉ một cây hoa cánh bướm mọc lẻ loi cạnh một bức tường vôi, cũng làm tôi thích thú. Vào một lúc nào đó, anh bạn nói với tôi: “Bây giờ đi mời vợ chồng Lê Uyên Phương, cặp đó hát hay lắm!”. Tôi nghe một cách lơ đãng bởi vì đã từng tham dự quá nhiều buổi văn nghệ ở tỉnh xa, cái tên xinh xắn Lê Uyên Phương không làm tôi nghĩ tới điều gì khác hơn là một đôi vợ chồng trẻ, chồng làm giáo sư hay quân nhân cấp úy phục vụ ở tiểu khu, vợ là một nữ sinh Bùi Thị Xuân hay Đồng Khánh. Cả hai cùng hay hát khi còn đi học và bây giờ còn hát tài tử cho bạn bè nghe trong những dịp họp mặt. Đại khái không là gì khác hơn một giọng ca ngoan, hơi rụt rè với thoáng hồng trên má. Tôi đã nghĩ như thế trước khi xe ngừng ven một con đường nhỏ dẫn lên Viện Đại học, trước căn nhà của đôi vợ chồng sau này được gọi tên ngộ nghĩnh là Lê Uyên và Phương, một căn nhà gỗ làm theo kiểu thông dụng khá dễ thương ở miền núi này với vài ba cây mận rải rác trên sân đất đỏ. Hai vợ chồng đã về Sài Gòn và buổi sinh hoạt buổi tối đã diễn ra như tôi nghĩ: một bầu không khí hơi quá nghiêm chỉnh để có thể gọi là vui và tôi cũng ráng *làm* cho xong vai trò

người xuất bản trong những giọng ca ngoan, hơi rụt rè của người nữ sinh Bùi Thị Xuân. Xong phần tối thiểu, tôi kéo Thi, hai em gái và T. Lãng, mượn luôn chiếc xe jeep của người bạn lái đi lang thang. Định đi ăn bánh cuốn nhưng chưa ai đói, Lãng kéo luôn tới một quán mới mở ở đường HD do chính đương sự lãnh phần trang trí. Trời hơi mưa bên ngoài, trong căn phòng dài nhạc ồn ào, tôi nhấp nhấp một ly rượu pha, nghe một cô ca sĩ mà bọn tôi thường gọi đùa là cố Huy Thể hát bài “lắc lư con tàu đi” và những bài tình ca khác nữa, những cung điệu quen thuộc, ổn cố.

“Những bản tình ca, những cung điệu quen thuộc, ổn cố...”, tiện câu văn thì tôi viết như vậy thôi. Thực ra, chỉ có những bản tình ca của mỗi thời kỳ, những cung điệu quen thuộc cho từng cá nhân. Những bản tình ca của người trên tôi một thế hệ hay hơn có thể là *Trương Chi*, *Thiên thai* của Văn Cao, *Biệt ly* hay *Tạ tử*, nhưng chắc khó mà có thể là tình ca cho người cùng lứa cho tôi, dù nghe vẫn thấy đó là những bản nhạc hay. Chìm đắm trong khói thuốc, men rượu, tôi lắng nghe các lời ca điệu nhạc, tôi nghĩ rằng có lẽ tình ca bây giờ là tình ca Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Từ Công Phụng, Vũ Thành An... Và tôi tưởng rằng những người làm nhạc ấy có lẽ đã khai triển và đưa ra âm thanh tình yêu của thế hệ hiện chiến một cách gần đầy đủ – trừ một thứ tình yêu nào đó.

Đó là thứ tình yêu của những người tiếp giáp với cái chết, thường trực ở ranh giới của sự sống và sự chết. Với cuộc

chiến tranh này, bao nhiêu người đã và còn đang ở vị trí ranh giới – người ta yêu nhau trong an bình và ổn cố, hẳn không thể giống thứ yêu nhau khi người đàn ông biết rằng sáng mai khi mặt trời lại mọc, mình sẽ trở lại chiến trường. Nghĩa là vào vị trí ranh giới đó. Còn người đàn bà, khỏi cần viết nhiều cũng có thể biết một bông thả hiển dưng với tương lai vững chắc khác hẳn một dưng hiển cho người tình rời mình vào lúc bình minh có thể là rời vĩnh viễn. Làm nhà văn, tôi đã dùng chữ và giấy diễn tả nhiều lần thứ tình yêu trong vị trí ranh giới ấy, nhưng chỉ là những diễn tả bằng ký hiệu, cách bức... Thơ đỡ cách bức hơn, nhưng chỉ đỡ hơn thôi. Chỉ có âm nhạc, qua các âm thanh sắp xếp, mới chuyển được tình cảm đi trực tiếp hơn. Thế mà đã từng nghe hầu hết các tình ca hiện đại, tôi không thấy tình ca nào diễn tả thứ tình yêu ranh giới sống chết ấy – trừ một vài bài vài đoạn trong nhạc của Trịnh Công Sơn làm tôi thấy thấp thoáng ít nhiều...

Tôi không ngạc nhiên về tình trạng này. Phải lâm vào, phải ở trong hoàn cảnh ranh giới, ít nhất trong một thời gian với toàn thể tâm hồn thể xác mình, mới biết được ý thức được – giai đoạn đầu tiên và cũng là tối cần cho sự diễn tả trình bày về sau. Những người làm tình ca bây giờ, những Vũ Thành An, Từ Công Phụng và cả đến Trịnh Công Sơn, chưa có ai sống qua một khoảng đời mình trong vị trí bấp bênh sống chết ấy. Làm sao mà đưa vào âm thanh, vào tình ca.

Cũng vì suy nghĩ như thế nên ít lâu sau, một buổi tối trong

Hầm Gió, một quán cà phê tôi và Thi hay lui tới, tôi chú ý tới vợ chồng Lê Uyên Phương ngồi ở cuối quán khi người bạn nan y không biết sống chết thế nào, và như thế từ nhiều năm rồi. Nhưng chú ý vậy thôi, không nhiều lắm và buổi trình diễn đầu tiên của hai vợ chồng đó, cũng tại quán này, tôi và Thi đã quên đi không tới... Một thời gian sau, một buổi tối người bạn chủ quán để lại tape nhạc ghi lại vài bài của Lê Uyên Phương trong buổi trình diễn ấy.

Ngay từ những đoạn âm thanh đầu tiên cất lên, chẳng biết là bài nào, tôi đã ngạc nhiên và xúc động. Những tình tự chất liệu nguyên, hoang sơ như một đám cỏ tranh trên đồi, những xúc động nguyên thủy của nam nữ, tất cả qua một giọng ca của một người nữ như còn run rẩy trong cơn làm tình và tê dại toàn thân trong đau đớn vì tình yêu đã bay đi. Và thích thú hơn, hình như tôi đã nghe thấy cảm thấy thứ tình yêu ranh giới sống chết ấy.

Khi Lê Uyên và Phương trình diễn trước công chúng hỗn tạp Sài Gòn lần đầu ở Queen Bee, dĩ nhiên tôi và Thi tới – dù cả hai đứa đều ít ưa thích các phòng trà loại này. Uống cạn chai bia đầu tiên, tôi chán ngán nghe những bản nhạc quá nhàm chán, diễn tả bởi những ca sĩ chuyên nghiệp, có điều luyện nhưng hát như máy. Ngay cả khi Khánh Ly xuất hiện hát ba bài liên tiếp; tôi cũng không thấy thú vị gì hơn – nàng du ca đi chân không mà hát đã đi vào quá khứ, chỉ còn nàng ca sĩ Khánh Ly, rất nghiêm chỉnh và trịnh trọng từ y phục tới các thế trình diễn. Tôi quả chưa đủ già để thích

cô Khánh Ly mới này...

Tối đó, tôi và Thi đã lắng nghe Lê Uyên và Phương và nhiều khi hai đĩa đã xúc động ghi nhận khi thấy có người đã qua nhạc và lời ca trình bày được thứ tình yêu ranh giới mà hai đĩa đã từng phải trải qua. Quả thực Phương đã đưa ra một thứ tình ca mới tôi chưa từng thấy trong âm nhạc Việt Nam bao giờ.

Đây không phải là thứ tình ca *như* mọi người, *cho* mọi người. Đó là tình ca *của* hai người, tình yêu thật đặc thù của một người nam và một người nữ yêu nhau, không phải như bất cứ người nam vô danh người nữ vô danh nào khác, mà của *một* người nam và *một* người nữ. Một thứ tình duyên tạm bợ vì cái chết chắc chắn bay bổng trên cao đe dọa – khi nào đám mây đen đó chụp xuống? Một sự phơi bày tình yêu riêng tư trần trụi nhất, không một e thẹn nào. Và cũng không phải thứ tình yêu trình bày phiến diện, nghĩa là chỉ nói chỉ diễn tả những trạng thái tâm hồn, xúc động tình cảm của yêu đương. Đây là thứ tình yêu đủ, tình yêu tròn, trọn vẹn, nghĩa là sự rung động của xác thịt, của thân xác được đưa lên, nâng lên đúng vị trí của nó trong cuộc đời của con người. Trong *Vũng lầy của chúng ta*, Phương đã không làm gì khác hơn là ghi lại, diễn tả cuộc làm tình của hai người với tất cả giai đoạn chính của nó.

*theo em xuống phố trưa mai
đang còn nhúc mỗi đôi vai
theo em bước xuống cơn đau*

bên ngoài nắng đã lên mau

Đó là giai đoạn chót của cuộc làm tình, người đàn ông rã rời nhưng không được yên nghỉ vì nắng đã lên, hai người phải trở về với cuộc đời thường nhật sau khi đã hiến dâng cho nhau, đăm mê nhau với tất cả con người mình:

*cho nhau hết cả mê say
cho nhau hết cả chua cay
cho nhau chắt hết thơ ngây
trên cánh môi say
trên những cánh tay...*

Sự trở về của người nam và người nữ sau đó dĩ nhiên chỉ có thể là “...*bước về tình buồn*”. Nhưng trưa nay, tối nay, ngày mai, hai người lại hoà thân xác vào nhau, xông vào nhau để tìm một sự trở thành MỘT NGƯỜI. *Lưỡng nghi* cố tìm đường trở thành *Thái cực*, nhưng đó là một sự thất bại biết trước. Âm và Dương, như trong biểu tượng mà Đông phương đã trình bày, chuyển động xoay tròn xoắn vào nhau, nhưng không bao giờ hoà vào nhau được – bởi vì có đạt được như thế chẳng, thì sẽ là ngưng mọi chuyển động, là thái cực hiểu theo nghĩa phương Đông, là cái chết, là chấm dứt sự sống. Nhưng mỗi lần có thêm một đôi lứa yêu nhau trên thế gian, dù cả hai cùng đạt tới khoái lạc cực điểm cùng một giây, cả hai có cố mở mắt thật lớn để nhìn vào nhau, thì đúng vào giây đó, chỉ còn cách MỘT NGƯỜI tưởng như một khoảng rất nhỏ nữa thôi, hai người liền bùng lên tan biến, tan biến cả hai: tôi không còn hiện hữu và người tôi yêu cũng không còn hiện hữu. Để rồi sau đó chỉ còn là “... *tình buồn chồng chất lê thê*”. Nhưng cuộc hành trình thất bại từ trước khi khởi hành ấy lại phải bắt đầu lại – trừ phi đã hết yêu nhau. Và như vậy thì:

ta sống trong vũng lầy, một ngày vui dần

*còn vùi sâu, còn vùi sâu
trong ngao ngán không dứt cơn ê chề...*

Cuộc đời của đôi lứa nam nữ như một thứ “đam mê vô ích” ấy vẫn tiếp tục mãi mãi dưới ánh sáng mặt trời, cho tới vĩnh viễn. Tôi hiểu Phương, tôi hiểu tâm trạng ấy: cái chết đang đe dọa và người yêu thì còn kia. Phản ứng của người nam trong hoàn cảnh ấy là muốn tìm qua sự hiện hữu của người phối ngẫu kia sự trường tồn, sự sống của chính mình. Tôi nghĩ và hiểu như thế vì đã hơn một lần, tôi ôm người yêu trong tay, nhìn qua khung cửa nhìn chân trời đã hừng sáng mà lo ngại bởi vì nắng mà lên đã cao, tôi sẽ theo quân vào rừng. Có thể hiểu như thế là hiểu sai chăng, nhưng điều đó không quan trọng bởi vì nghe nhạc, thường là nghe chính quá khứ và bằng quá khứ của chính mình.

Một điều đặc biệt nữa tôi nhận thấy ở tình ca Lê Uyên Phương: đó là sự vắng bóng của sự ồn cổ và tin tưởng. Nghe tình ca của những người khác, từ Phạm Duy cho tới Trịnh Công Sơn, tôi thấy có sự tin tưởng ở tình yêu như một yếu tố chắc chắn có đấy, một thực thể ồn cổ. Có thể buồn, nhớ thương, đau đớn, khắc khoải, nhưng tình yêu là có. Đến Phương, tình yêu chỉ còn là những khoảnh khắc nào đó nhất định.

*hãy ngồi xuống đây hôn nhau lần này
hãy ngồi xuống đây cho nhau lần này
hãy ngồi xuống đây chia tay lần này*

Hôn nhau, hiến dâng cho nhau một lần này, chính là chia tay nhau thêm một lần. Thật giản dị và cũng là sự thật. Hai thân thể, hai tâm hồn cố hoà vào nhau nhưng để rồi lại thất bại, hai thân xác rã rời buông nhau và hai tâm hồn rời xa, mỗi người trở lại với nỗi cô đơn làm người của chính mình. Nếu có điều nào an ủi cho con người khi biết yêu, đó là sự cô đơn cùng nhau với nhau.

Tình yêu đến đây quả đang đi đến chặng chót của cuộc hành trình của nó. Trong cuộc chiến kéo dài, trong một xã hội đang tan rã đến giai đoạn chót, người trẻ tuổi chỉ còn tin được vào tình yêu của chính mình. Phạm Duy còn tin, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Trịnh Công Sơn còn tin. Đến Phương, tin tưởng chẳng còn bao nhiêu, họa chẳng là những khoảnh khắc, thể thôi. Nhưng có là *khoảnh khắc* thì vẫn còn là có. Và chính là vì khoảnh khắc, nên lại cần lao vào hồi hải. Những đôi lứa yêu đương bây giờ, không còn biết làm gì hơn là rủ rê nhau *"Hãy ngồi xuống đây"*. Để làm gì? Sung sướng thay các cụ chúng ta. Các cụ khi còn trẻ có *rủ nhau ngồi xuống đây* thì thường cùng là để ngắm trăng sao, thề non hẹn biển và nếu có đi xa hơn chỉ là một sự "lôi cuốn ngoài ý muốn của các đương sự". Còn bây giờ:

*hãy ngồi xuống đây
như loài thú hoang yêu nhau ngoài đồng
dưới nắng ban mai phô thân trần truồng kiếp sống hoang sơ...
hãy ngồi xuống đây vai kề sát vai cho da thịt này đốt cháy
thương đau cho cơn buồn này
rót nóng truy hoan cho thiên đường này...*

Thật cả là một lời hô hào yêu đương. Thật dữ dội, thật ngây thơ và cũng thật tội nghiệp. Đêm vừa qua, sinh nhật của Thi, hai đĩa khá muộn mới tới Hàm Gió và tới chai bia thứ ba, tôi ngừng lên mới thấy ở vị trí mà trong các gia đình cổ kính mới một thể hệ trước đây còn treo hoành phi trịnh trọng, chủ quán đã cho treo một bức hoành phi như tục lệ, duy chỉ có điều khác là bên trong không đề chữ Hán mà chỉ để có mỗi một chữ LOVE. Tôi vừa buồn cười vừa thấy thương.

Lý do vì tôi đoán biết người đề xướng ra bức "hoành phi" này có lẽ muốn đề tiêu ngữ đang phổ thông của sinh viên Hoa Kỳ: *Make love*

not war. Nhưng sợ đề như vậy là bị ghép vào tội “phản chiến” chẳng... Dám ra Toà án Mặt trận và 5 năm cấm cố như người làm nhạc trẻ Miền Đức Thắng.

Đêm vào khuya hơn nữa, tôi chợt nghĩ tới hai hình ảnh, hai hoạt cảnh mà tôi tham dự cả hai trong thời gian gần đây. Hoạt cảnh thứ nhất: từng đoàn sinh viên lao mình trong đám hơi cay, la hét tranh đấu, một cô bé nữ sinh Gia Long quần áo trắng đơn sơ, mắt còn trong veo bị ba bốn cảnh sát dã chiến túm lấy ném lên xe jeep, xe rú còi inh hời phóng đi như bay, nhưng tôi còn trông thấy, qua hai chân dạng và chiếc dùi cui lưng lửng của người cảnh sát cô bé đó đang đưa vạt áo lên lau nước mắt. Hoạt cảnh hai: những người con trai con gái mặc quần áo hippy, sang trọng, đông đảo quây quần nhảy soul với nhau, vui chơi một cách ngây thơ và cố tình không biết đến chiến tranh đủ loại đang diễn ra không xa, ngoài kia... Từ hai hoạt cảnh ấy, tôi chợt nghĩ tới một điều: những người trẻ lao mình trong đám hơi cay kia là những người sung sướng hơn, bởi vì họ còn tin tưởng ở một cái gì khác hơn là thứ tin tưởng của những người trẻ lao mình trong điệu soul kia. Bởi vì ở cuối cuộc hành trình của những lớp người sau, chẳng còn gì hơn là những *khoảnh khắc* như tôi đã nói, những *khoảnh khắc* của Lê Uyên Phương, những *khoảnh khắc* mỗi ngày sẽ một khó kiếm khi tuổi trẻ qua dần, những *khoảnh khắc* có thể nói là không thể kiếm nổi cho những người nào không sao yêu được ai, hay bất cứ cái gì.

Những căn nhà của tôi ↑

Dĩ nhiên ai chẳng sống dưới mái một căn nhà: nhà của những người sinh ra mình. Những đứa con ăn uống nò đùa học hành và lớn lên trong căn nhà của bố mẹ, không bao giờ đặt vấn đề “căn nhà của tôi”. Chỉ khi nào đã yêu một người nữ, chọn lựa nàng làm vợ, nghĩa là “người nữ

của riêng tôi” ít nhất là trong cuộc đời này, vấn đề căn-nhà-của-mình, căn nhà của hai đứa, mới xuất hiện. Và kể từ đó, dù căn nhà của bố mẹ có là lâu đài đồ sộ, biệt thự hàng chục phòng, đứa con trai và người nữ của hắn, cũng chẳng còn bao giờ cảm thấy đó là nhà mình nữa. Họ phải kiếm, phải tạo lập một căn nhà mới, sang trọng hay nghèo hèn không quan trọng, nhưng là của đôi lứa và những đứa con sẽ sinh ra từ đôi lứa mà thôi. Thế rồi khi thời gian đã qua nhiều, các đứa con của đôi vợ chồng lớn lên, yêu đương, lấy vợ lấy chồng, chúng sẽ lại đặt vấn đề căn nhà như bố mẹ xưa kia đã đặt. Chu trình cứ như thế tái diễn, mãi mãi khi nào còn lứa đôi vợ chồng.

Và dĩ nhiên tôi cũng không thoát khỏi chu trình ấy khi tôi yêu và chọn Thi làm người nữ của tôi, cho riêng tôi – dù tôi bị bố mẹ họ hàng xếp loại đứa con lãng tử, nghĩa là thoảng một cái đã đi đâu mất rồi và sống ở nơi nào cũng được... Lúc ấy tôi đang thuê chung một căn nhà với một bạn đồng nghiệp trong nghề giáo ở một tỉnh cao nguyên. Để cho Thi có thể lên thăm và sống chung với nhau vài ngày mỗi tháng, tôi vội vàng đi kiếm một căn nhà riêng: đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy cần phải có căn nhà. Và căn nhà đầu tiên ấy rất khiêm tốn, chỉ là một buồng xép vách gỗ mái tôn nằm giữa một khu vườn cà phê, nép sát một cây mít lớn. Căn buồng trước được dùng chứa đồ cũ, và có lẽ có lúc được dùng làm bếp nữa, bản thi u tối đến nỗi tôi đứng tần ngần giữa buồng không biết làm thế nào cho nó đủ sạch kịp thời để đón Thi. Sau cùng, tôi đã chọn giải pháp ít vất vả

nhất: mua giấy dầu vẽ đóng kín luôn bốn vách. Và dù có dùng phương cách này, tôi cũng mất khá nhiều thì giờ. Cứ đi dạy về là vác búa vác đinh ra đóng hết tờ này sang tờ khác – trời đang vào mùa lạnh mà lấm lúc mồ hôi thấm ra ướt áo. Một con chim trống, một con thú đực đang nhặt từng cọng rơm, tha từng mảnh lá, cành khô làm ổ cho con mái...

Nhưng hai đứa cũng chẳng có dịp để sống với nhau nhiều trong căn nhà hoàn toàn không tiện nghi nhưng cũng hoàn toàn thần tiên ấy. Một buổi trưa, có tiếng gõ cửa mạnh, một người cảnh binh đã bước vào đưa lệnh gọi nhập ngũ, và ngày phải trình diện quá cận, tôi không sao gọi Thi lên kịp để cùng nhau nằm trong chăn quấn tròn như cái kén, lắng nghe những trái mít non thỉnh thoảng rụng như sấm trên mái tôn, phá tung nền âm thanh ào ào của gió lạnh đan kết từng đợt ngắt bên ngoài.

Suốt thời gian ở quân trường, Thi rời viện Đại học Đà Lạt trở về nhà bố mẹ ở Sài Gòn để vào thăm tôi mỗi chiều thứ bảy và ngày chủ nhật trong vòng kẽm gai để rồi phát khóc lên vì ngỡ ngàng khi thấy chung quanh những đôi lúa ôm nhau dưới ánh nắng mặt trời. Tứ bề bốc lửa. Và dĩ nhiên dù nàng có khóc, tôi cũng cứ vẫn hôn, không kém phần tàn bạo, bởi vì tôi đang chán nản tuyệt vọng, và cũng vì tôi yêu nàng dữ dội, tôi đang khám phá ra tình yêu... Thời kỳ được về phép, không có phòng riêng, hai đứa lang thang ở hết khách sạn này đến khách kia trong đô thị hay có khi sống

suốt đêm ngoài đường phố, ba giờ sáng vào quán mở khuya nhất, ăn cháo nóng nhìn xuống các con đường sắt bắt đầu loang loáng ướt sương, để rồi tới năm giờ chuyển sang quán ăn mở cửa sớm nhất, uống ly cà phê đầu tiên của một ngày... Chính vì sự thiếu một căn nhà để yêu nhau như thế nên khi được tin Thi sẽ lên thăm tôi ở đơn vị mới đáo nhậm ở một ngọn đồi Pleiku, tôi nhất quyết tạo dựng một căn nhà.

Về phía sườn đồi gần hàng rào kẽm gai, có một căn nhà tranh vách đất xiêu vẹo đổ nát, xưa kia do một sĩ quan làm ra cho vợ, bây giờ đơn vị dùng làm kho chứa đồ phế thải. Nhưng thượng sĩ già mang lính tạp dịch xuống dọn dẹp, căng pon-cho ngăn mưa nhỏ qua mái tranh xác xơ, xếp các vỏ thùng cho các phần vách lở. Quá bận quân vụ, khi tôi phóng chiếc xe đầy bùn ra tới thị trấn, Thi đã phải lội mưa về Quân trấn đọi. Và trời cứ thế mưa tầm tã suốt trong lộ trình về tới túp lều tranh. Trong khuya, khi hai đứa chìm dần vào trong giấc ngủ, mưa lớn đến nổi nước từ trên cao chảy xuống reo như suối quanh nệm cỏ, tưởng như sẽ đưa tất cả trời theo xuống lưng nhỏ phía dưới. Chính trong nhà tranh sườn đồi này, Thi bắt đầu học làm vợ: nằng đốt hết ba tờ báo hàng ngày và tặng cường một nửa hộp xăng bật lửa của tôi mới nhóm xong bếp lửa thổi nồi cơm đầu tiên trên đời. Khói xanh bốc lên thật cao và mặc dù gió mạnh, đứng, đứng trên bộ chỉ huy tôi đã phải vội vàng chạy xuống xem có phải nhà cháy hay không...

Từ đó trở đi, Thi sống cuộc đời như đuôi cánh diều: tôi đổi đến đâu nàng theo tới đó để mỗi tháng có thể sống được với nhau vài ngày. Nàng đã đến với tôi ở một căn nhà tôn nằm trên một đồi khác, rời quốc lộ phải đi bộ bằng qua một dòng suối, leo hai lần đồi mới tới. Căn nhà mái tôn thủng lỗ chỗ, đêm trời quang nhìn lên như thấy ngàn sao và gió thổi mạnh và lạnh đến nỗi tôi phải quấn hai chăn len lính thành một cái kén cho Thi chui vào ngủ qua đêm. Một căn nhà như thế mà cứ điếm trường còn gây khó dễ đến nỗi tôi phải tìm thuê ngoài thị trấn một nhà tôn vách gỗ nằm ở nơi nhiều bụi đến nỗi một lần vào buổi trưa nóng, thức giấc sau ân ái, dưới nắng chiều chiếu vào, tôi thấy bụi đã phủ trên da ngực nàng một lớp phấn hồng óng ả.

Nàng cũng theo tôi xuống miền duyên hải nóng cháy khô cả cỏ có những ngôi nhà nằm trên cát trắng và bãi biển vắng bóng chân người. Và căn nhà nhỏ nhất tôi đã mang lại cho nàng là chiếc hầm đào trong tiền đồn, trên căng pon-cho ngăn mưa và thỉnh thoảng địch phóng lựu đạn nội hoá vào có trái không nổ nghe như trái mít khô rụng năm nào trên cao nguyên. Còn căn nhà đơn sơ nhất tôi mang lại cho nàng hẳn là các lá cây xao xác trên chiếc võng giữa đồng hoang liêu.

Lang thang mãi rồi cũng được đổi về Sài Gòn và cũng phải rất lâu sau đó đôi lúu lêu bêu này mới có được nhà riêng: đó là căn nhà của mẹ tôi để lại, một căn nhà dĩ nhiên là vẫn mái tôn vách gỗ, nằm nhờ trên phần đất của cư xá Công

binh – binh chủng xưa kia ba tôi làm việc khi còn sống. So với những “căn nhà” tôi và Thi đã trải qua từ khi lấy nhau, thì căn nhà của mẹ dù đơn sơ mộc mạc, vẫn là nơi trú ngụ thích thú. Mùa mưa nước ngập mênh mông thì lội nước đi chơi, nhà quá hờ lá vàng rơi đầy nhà càng đẹp. Trong khoảng thời gian ở căn nhà này quân lực Hoa Kỳ bắt đầu đổ bộ vào Việt Nam. Tính thích nghiên cứu về quân sự, nhất là quân sự hiện đại, tôi biết khá rõ tất cả những gì sẽ xảy ra cho xã hội Việt Nam một khi quân lực giàu có nhất thế giới tới cư ngụ: kinh nghiệm của Âu châu, của Nhật và của nhiều quốc gia nữa.

Tôi biết rằng người lính Mỹ không có hiệp gái địa phương, dù là gái quốc gia thù nghịch cũ như Đức, Nhật, nhưng họ bỏ tiền mua. Họ không chiếm nhà cửa đất cát của ai cả, họ chỉ trả tiền cao để thuê hay mua. Họ không dùng võ lực bắt ai hầu hạ hết, họ chỉ chi tiền ra trả công bồi bấp cùng các dịch vụ tương tự thật hậu. Trong các danh tác quốc tế, đầy rẫy những tình tiết loại này. Và tôi cũng biết rõ rằng đây là dịp ngàn năm một thuở để làm giàu...

Lúc ấy tôi mới chỉ là nhà văn mới viết và hành động thực sự chỉ mới khởi đầu. Bởi thế tôi băn khoăn giữa hai con đường: một là đợi ngày giải ngũ không còn xa, tôi sẽ đi ra Vũng Tàu, Cam Ranh hay Chu Lai, thầu giặt ủi hay bất cứ dịch vụ thông thường nào cho quân đội Hoa Kỳ, kiếm dăm bảy triệu đã. Có phương tiện tài chính vững, làm gì cũng dễ. Hơn nữa tôi đã từng cay đắng nhận thấy nhiều khi đa

số dư luận bây giờ không thêm để ý tới xuất xứ đồng tiền sạch hay bẩn, miễn là có tiền và chi tiền đúng cách, là được. Lý trí tôi tính toán như thế thật đúng và thực tế. Nhưng không sao nghe được tiếng nói của lý trí tôi. Từ phần sâu xa nhất của tâm hồn tôi, một tiếng nói của tình tự cất lên ngăn cản. Hơn nữa, người mà tôi kính mến như một người lý tưởng là Nhất Linh vừa nằm xuống không bao lâu... Chẳng làm được anh hùng hào kiệt vẫy vùng trong bốn cõi thì thôi, ít nhất cũng không thêm làm triệu phú và chánh khách bằng cách làm bồi bấp cho thiên hạ! Tôi gạt tiếng-nói-thực-tiến sang một bên, lao ngay vào công việc đã bàn tính cùng một số bạn bè dù trong túi bao giờ tôi cũng có một số tiền nhiều đến nỗi ai khó tính đến đâu cũng đành phải gọi là hàn sĩ. Đối với những quyết định loại này, người vợ có tác động lớn, nhưng Thi không bao giờ đòi hỏi một cái gì khác hơn là tình yêu của tôi. Tình yêu đó, nàng đã có. Nàng nhớn như thoải mái trong căn nhà gỗ chơi rờn cùng con, vui vẻ như không ngồi sau chiếc xe gắn máy cũ đến nỗi có cho không Ba Tàu làm xe chở bánh tui cũng không ai thêm nhận. Và khi bạn bè kéo đến đầy nhà bàn cãi, quay máy, giấy xếp từng lớp chiếm hết diện tích, nàng ôm con thu mình ngủ như mẹ con mèo xứ quê ở một góc giường...

Người Hoa Kỳ đến Sài Gòn mỗi ngày một đông và đúng như tôi tiên liệu, họ bỏ những ngân khoản khổng lồ ra xây cao ốc, chi những khoảng gấp mười lần giá thường để thuê nhà tư gia. Những sĩ quan có nhà ngoài phố dĩ nhiên

không bỏ lỡ dịp có tiền một cách lương thiện và dễ dàng như vậy. Do hiện tượng đồn toa, người Việt cứ lùi dần, lùi từ biệt thự xuống nhà trệt, từ tầng trên xuống tầng dưới từ nhà ngoài vào nhà xép để lấy chỗ làm *House for rent*. Khu tôi đang ở trước chỉ là cư xá dành cho hạ sĩ quan và nhân viên dân chính nay được nâng lên hàng cư xá sĩ quan. Tôi cũng là sĩ quan nhưng xuất xứ bộ binh nên bị tổng cổ đi một cách nhanh chóng nhất mà quân đội có thể nghĩ ra được: phải rời nhà trả đất đúng hạn kỳ nếu không tôi sẽ bị An ninh tới hốt và nhà bị bulldozer tới ủi.

Lúc đó Thái Độ đang quay số thứ hai. Mất nhà, tôi cùng Thi không có chỗ trú mưa nắng đã đành, anh em còn mất luôn cả chỗ làm việc nữa. Tiền sang nhà dĩ nhiên là không có rồi. Đang ngồi cả đám chung quanh mấy ly cà phê giữa những chồng giấy còn lem mực cao ngất mà lo lắng thì một người bạn gái của Thi can thiệp, cho mượn một cái nhà đủ tiện nghi bên kia cầu Mống. Thế là cả bọn chia nhau, kẻ đi mượn xe nhà binh, kẻ kiếm tài xế, hẹn nhau một sáng Chủ nhật tập trung dọn nhà. Trao việc kẻ dọn tổ chức nhà mới cho bạn bè, tôi theo chuyến xe chót trở về nhà cũ, trao nhà cho người mua vật liệu sẽ có sau khi rời nhà. Mồ hôi thấm ướt hết bộ quân phục, tôi không khỏi thoáng thấy buồn bã. Nhà của mẹ tôi đổ mồ hôi ra làm, xin từng thanh gỗ, từng bao xi măng, từng cân đinh... Ba thằng con trai của mẹ không biết sau này có làm vương làm tướng gì không chưa biết, còn bây giờ, giữ mỗi căn nhà tôn vách gỗ song thưa nằm trên vũng lầy này cho mẹ mà còn

không xong...

Công việc tiến hành hăng hái, mọi người tin tưởng ở tương lai. Căn gác nhỏ đặt máy ronéo vang tiếng máy chạy, tiếng người cười, bàn chuyện chính trị, văn hoá, cách mạng tới khuya. Nhưng tất nhiên mọi sự không thể tốt đẹp như thế mãi được. Trước hết là một sáng đẹp trời, chiếc xe gắn máy của tôi, con chiến mã già như bạn bè thường gọi đùa, đã gãy trục trước gục xuống, ném tôi lộn đung một vòng ngoạn mục xuống dốc. Tập san Thái Độ bắt đầu bị tịch thu từ Huế đến Sài Gòn, tôi đã phải nhiều lần đến trình diện các cơ quan an ninh và nhà bị chủ nhân xin lại. Lòng tốt của người bạn như thế là nhiều rồi trong thời buổi bao nhiêu tác đất tác vàng bấy nhiêu này. Lại đi kiếm nhà ở phen nữa. Lần này phải đi dọc theo đường LVD cho tới khi gặp một bãi rác thật to, men theo bãi là một con đường đất nhỏ băng qua một vũng nước ngập, con đường cứ mưa hơi to là biến mất tích và các bạn bè mỗi lần đến là làm một cuộc phiêu lưu nhỏ: phải dùng cái móc dậu để đoán đường nằm ở đâu, đoán sai là cả người lẫn xe xuống bùn. Nhà không điện không nước. Những ngọn đèn dầu hôi lớn toả hơi nóng đến nỗi hôm nào trời bức muốn quay ronéo phải cởi trần. Còn những hôm mưa gió tứ bề, có người bạn đã phải mượn cái nón Thi vĩ đội đi chợ mới có thể quay xong phần giấy của mình. Chính trong căn nhà thế kỷ 18 này, tôi đã tiếp những người phóng viên ngoại quốc đầu tiên. Và khi một nhật báo Nhật hỏi xem liệu cách mạng xã hội có thực hiện được ở miền Nam không, tôi đã trả lời

ngay thẳng là rất ít hy vọng. Người già không phải chiến đấu lại được hưởng nhiều lợi lộc của chiến tranh, họ chống lại mọi cải cách để giữ đặc quyền. Chỉ còn những người trẻ. Nhưng họ mỗi ngày một hao hụt trong cuộc chiến chống Cộng ngoài tiền tuyến và vào tù mỗi ngày một nhiều ở hậu phương... Người Nhật đã hỏi thêm một câu: Như vậy tại sao các anh còn đi vào con đường đó?... Cũng từ căn nhà này đã phát sinh ra huyền thoại tôi là người “khó gặp” nhất nước vì muốn tới kiếm, khách phải đi học bơi trước đã! Đã có lần có người của một hệ thống truyền hình Pháp đã bỏ hẹn không tới chỉ vì người trung gian đã dặn dò: Ai không biết lội, hãy mang theo phao cấp cứu, SVP!

Câu hỏi của những người ký giả Nhật đặt ra cũng là câu hỏi xuất hiện trong đầu đa số bạn bè tôi trong thời kỳ này. Hai năm hơn làm việc vất vả không dẫn đi đến đâu cả. Những kẻ chưa kịp làm anh hùng đã bắt đầu thối mệ. Các phân hoá, chán nản nảy sinh và tôi còn xa mới đủ tài đủ đức để hoá giải... Theo một tục lệ đặt ra từ đầu, ai đến tham gia đều mang theo một ngọn nến nhỏ. Nến đó sẽ được thắp lên trong im lặng, gắn vào mặt bàn trong phòng không ánh sáng. Những người khác hiện diện cắm nến của mình lên theo. Ý nghĩa của buổi góp nến này thực giản dị: chúng tôi ý thức được mình chưa làm gì hơn, chẳng làm được gì hơn là góp một nến nhỏ soi cho sáng mặt nhau để ngồi với nhau trong bóng đêm – trong niềm hy vọng một ngày kia những ngọn lửa nhỏ yếu sẽ tạo thành đám lửa rực trời. Và chưa chi những ngọn lửa nhỏ nhoi ấy bắt đầu thắp

thoáng tắt dần.

Đến khi tôi và Thi bị chủ nhà đuổi một cách tàn nhẫn ra khỏi căn nhà thế kỷ 18, tôi không còn quá sáu người bạn lợi bần đến khênh bộ đồ đạc, máy, sách vở ra khỏi vũng lầy. Mà khênh đi đâu? Tôi không còn chỗ mà về. Đồ đạc, sách vở phân tán gửi mỗi nơi một ít, còn tôi và Thi cùng đũa nhỏ nhất đi thuê một căn buồng kiểu nhà trọ tư nhân trong một cư xá của công an. Một căn buồng ban ngày cũng chẳng bao giờ thấy ánh sáng mặt trời. Đến bữa cơm, hai đũa đèo nhau ôm con về ăn bên gia đình nhà vợ. Vợ chồng chủ nhà đều thuộc loại dữ dằn, đánh nhau chửi nhau và các con dao cứ được rút ra xoành xoạch. Tôi bật ngọn đèn lên, đóng cửa phòng lại, căn phòng rộng đến nỗi chỉ chứa được một giường và một bàn hai ghế, bắt đầu làm lại từ đầu, trong cô đơn. Một buổi trưa ngồi uống cà phê ở một quán Tàu nhìn ra ngã ba nhiều xe phun khói xanh lờ mờ, tôi chợt thấy cay đắng. Khi mới lớn, tôi đã cứ tưởng rằng người đứng ra làm việc đấu tranh, chỉ cần tận tụy làm việc ngày đêm và giữ cho mình thanh bạch là đủ... Đó là một ước tính sai lầm vì đó chỉ đúng cho thời xưa. Trong cuộc chiến bây giờ, cần thêm nhiều yếu tố chính trị và tài chính và tôi thì hoàn toàn không có cả hai điều kiện này. Tôi đã không chịu lao mình vào cuộc đua làm giàu quanh người Hoa Kỳ và tôi đã không làm một ma nớp chính trị nào. Để tới lúc này, tiền không, địa vị không, còn bạn bè thì rời xa... Nhưng cay đắng thì cay đắng vậy thôi. Khi lao vào cuộc đấu lần thứ hai, tôi không hề thay đổi nguyên tắc ở đời – bởi vì

dù thất bại lần nữa cũng không sao, tôi còn quá trẻ.

Các ngọn nến từ tứ phương xuất hiện tụ hội, một tờ đặc san ra đời và một nhà xuất bản hình thành. Đến Noel năm ấy, trong căn buồng nhỏ thuê ở một nơi khác sạch sẽ hơn và bớt vẻ ác mộng hơn, tôi và Thi đã cử hành một đêm Giáng sinh vui vẻ. Các con đã được đón về chung sống, quây quần quanh một cây thông giả nhỏ xíu nhưng bày sau một cái bịch che to bự. Còn Thi, nàng pha rượu vang đỏ với các loại trái cây để tôi ngồi uống thật khuya trong những điệu thánh ca từ các phương rất xa vang lên từ chiếc máy thu thanh, nhìn ngắm đứa con nhỏ nhất mới biết đi giờ hai bàn tay hồng mập ú lên chờn vờn bắt quả bóng đỏ lấp lánh kim tuyến thả từ trên trần xuống.

Lần này tôi cùng các bạn làm việc có thể nói là hối hả vì ý thức rằng với tình hình này, khe hở của thời cuộc dành cho những người muốn đổi mới xã hội sẽ sắp bị bít kín. Sau đó sẽ chỉ còn có thể ngồi im chờ đợi các người ngoài quyết định vận mệnh cho mình. Chuyến tàu của lịch sử đã hụ còi vào ga... Lỡ lần này nữa thì biết đến bao giờ, và người Việt đã nổi tiếng vì đã lỡ chuyến tàu này quá nhiều lần: 1945, 1954, 1963. Nhưng vẫn không kịp. Hàng hoá xa xỉ tiện nghi và đồng tiền Hoa Kỳ đã tràn ngập xứ này, dìm tắt cả trong một cơn mê sảng hưởng thụ chưa từng có. Tiếng nói của những người như tôi không còn được nghe nữa, tiếng nhạc từ TV từ xe gắn máy Nhật từ Toyota đã che lấp tất cả. Tiếng súng thảm khốc, tiếng chuông chùa cũng chẳng

còn vượt được bức hàng rào âm thanh ấy. Nhưng vì cẩn thận, thiên hạ vẫn cứ áp dụng các biện pháp dẹp bỏ những thành phần cấp tiến và tả khuynh. Tờ đặc san bị đình bản ngay và các guồng máy an ninh ghê khiếp chuyển vận. Gỡ cho mình và bạn bè khỏi trở thành thân chủ của các chuồng cọp ngoài hải đảo là cả một vấn đề lớn, làm tôi không còn chú ý đến rằng tôi đã phải dọn nhà thêm tới hai lần nữa, rút về một ngõ hẻm trong xóm lao động gần trường Đua.

Khi ra khỏi cơn gió lốc, chưa kịp thở, lại bị đòi nhà. Và vì chưa bao giờ nghèo đến thế nên tôi giải quyết vấn đề bằng cách để Thi mang con lên ở với mẹ tôi trên Đà Lạt nghỉ hè. Còn tôi ở lại, hoàn toàn một mình một lần nữa, mặc bộ quân phục trận xắn tay áo lên khênh đồ đạc sang gửi bên nhà vợ chồng đưa em gái thứ nhất. Còn tôi, tôi cũng sang ở nhờ nốt nơi căn buồng nhỏ nằm mãi tít phía sau.

Xưa kia đó là sân sau cỏ mọc dùng để phơi quần áo. Nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc cũng lâm cảnh không nhà, điều đình với em gái thứ nhất của tôi để xây lên một căn buồng nhỏ nhìn ra một hẻm nhỏ. Và căn buồng này đã được dùng làm nơi hội họp cho anh em trong nhiều năm: các ngọn nến đều đã được thắp lên và tắt đi trong không gian hẹp đó. Những Trần Triệu Luật, Phan Trước Viên, Miên Đức Thắng, Phạm Duy đã tới ngồi dưới đất, dựa vào tường mà thảo luận, cãi luận, đọc thơ hay hát... Từ khi Nguyễn Đông Ngạc dọn đi, vợ chồng em gái tôi sử dụng căn buồng làm

nơi làm hầm cát chống hoả tiễn cùng chứa tất cả các đồ phế thải, vừa cửa sổ độc nhất đã mở ra một đồng rác cao gần che lấp bầu trời.

Mồ hôi chảy ra thấm đến vớ tôi mới dọn quang được một góc kê cái bàn và chiếc giường. Ngồi lên ghế, duỗi thẳng chân đạp vào thành hầm cát, tôi uống một ly nước lạnh chầm một miếng thuốc rồi làm một cuộc kiểm điểm. Tiền vẫn không, địa vị cũng không, anh em rời xa... Kiểm điểm cụ thể hơn, chiếc bàn có hai ghế đang ngồi là của mẹ tôi, chiếc giường gỗ kê kia là của mẹ Nhất Linh để lại, hai giá sách gỗ cũng là của mẹ... Tôi chẳng có gì là của tôi. Tôi phá lên cười một mình khi nghĩ rằng tôi có thể thách cả Huỳnh Tấn Phát lẫn Nguyễn Hữu Thọ, Lê Duẩn lẫn Trường Chinh so của xem ai vô sản hơn.

Tài sơ trí thiểu không đủ để làm người cách mạng thì làm văn hoá vậy. Tôi bắt đầu lại từ đầu lần nữa, từ giải quyết sinh kế gia đình, kiếm một căn nhà, viết một loại sách, dịch mấy cuốn thật dày. Vất vả hơn bao giờ hết, tôi ra đi từ sáng sớm, trưa ăn cơm đĩa rồi đi dạy học, tối nhà in sửa bài, tôi uống ly cà phê với bạn bè, khuya về để đèn sáng cầm bút lên... Tôi dự tính sẽ kể cho Thi nghe tất cả những điều ấy, kể cả một đêm lên cơn sốt rét nặng chỉ vì cố gắng làm cho xong mẫu bìa để đưa nhà in sáng mai, và khi nằm xuống chìm ngập vào cơn mê sảng, tôi hình như trông thấy nhiều người bạn đã chết ngồi la liệt hút thuốc cười nói như ngày nào... Nhưng buổi trưa nóng, khi bước chân vào phòng

thiếu ánh sáng, Thi quỳ lên giờ hai tay lên đón như một bông huệ vươn về ánh sáng mặt trời, tôi quên hết những gì định kể bởi vì chợt khám phá ra rằng tôi chưa bao giờ thiếu nhà. Vách hầm cát đen đũi, vách tường xám xỉ, đồ đạc cũ hỏng xếp cao lên tận trần đột nhiên tan biến... Tôi hiểu rằng nơi nào có người nữ yêu đương, nơi đó sẽ là căn nhà của tôi.

Cánh chim sẽ trong vườn ↑

Thế là tôi lại trở về đây, thành phố miền núi này. Tôi đứng trên đỉnh dốc dẫn xuống đèo Prenn phía dưới kia, con đường nhựa sạch bong chạy ngoằn ngoèo khuất dần sau các hàng thông lá vẫn xanh rì rào, vỏ vẫn nâu vân vân từng đường nhỏ. Mười lăm năm về trước tôi đã từng đứng nơi đây đón gió núi lành lạnh, lang thang quanh những luống hoa cánh bướm tím trắng mấp máy, tâm hồn phơi phới mở rộng với cuộc đời, với tất cả. Hồi ấy tôi hai mươi tuổi, mới hai mươi tuổi. Cái gì cũng đẹp, cái gì cũng là ẩn hiện một tương lai. Cánh hoa rung thì như một đôi môi mềm tươi của một người lý tưởng sẽ đến, con đường lên cao xuống thấp khuất sau hàng thông như dẫn tới một tương lai bất tận, và mây trôi trên trời như trôi tới những nước xa lạ tôi sẽ có ngày đặt chân tới.

Bây giờ tôi lại đứng nơi đây, vẫn con đường trải dài chạy xuống đèo, vẫn thông xanh nâu, những bông hoa cánh bướm vẫn lung linh, tóc tôi không còn xanh nữa nhưng

chưa hề một sợi tóc bạc, chân tôi vẫn đủ dai, tay tôi vẫn đủ mạnh, mắt tôi vẫn còn nhìn về tương lai... Nhưng vẫn có một cái gì đã đổi thay đâu đây, một nỗi buồn tiềm ẩn dai dẳng trong tâm hồn, lẫn khuất như một giấc mơ buồn không sao nhớ được. Có phải tại vì tôi đã già rồi chăng.

Nhưng thế nào là già? Mười lăm năm, biết bao tháng ngày qua, tôi đã làm đủ việc tôi ước mơ. Có việc hoàn toàn như ý, có điều không. Tôi đã đi học đại học, đã xuống đường, đã xuất ngoại, đã đấu tranh cách mạng, đã đi lính, đã viết văn, đã hoạt động văn hoá, đã yêu với tất cả nhiệt tình của lãng mạn và đam mê cuồng nhiệt của nhục thể... Cuộc đời kể như đã ưu đãi tôi và tôi cũng biết điều để không đòi hỏi hơn thế. Cho tôi đi lại từ đầu, tôi cũng không chắc là mình sẽ đi khác con đường đã chọn lựa. Nhưng...

Tôi đi trở lại con đường dẫn về hồ, đêm còn xa mới tới nhưng trời đã hết nắng từ bao giờ. Không gian đìu hiu trong lạnh giá với một tiếng động cơ xe ba bánh rồ ga lên dốc ở một nơi xa. Tôi sợ nhất những buổi trưa như thế này của Đà Lạt: trời không nắng không gió, không gian cứ hiu hắt và thời gian như bất động. Con người cứ như chảy mềm ra, tiêu tan. Tiêu tan vào đâu, đi đâu? Một người bạn thân cư ngụ ở thành phố này đã có lần kêu lên: những buổi chiều như thế này, tôi không còn cảm thấy tôi sống nữa...

Tôi kéo cao cổ áo blouson, bước ra hiên ngoài của thủy tạ, gọi một chai bia thật lạnh, châm điếu thuốc đen. Mặt hồ

phẳng lặng và tôi chỉ có một mình. Và tôi bằng lòng với tình trạng ấy cho tới khi uống hết chai bia thứ ba và bóng tối đang chậm rãi lan trên mặt nước. Các tiếng ồn ào của bè bạn, của tập thể từ một nơi nào văng vẳng trong quá khứ. Những thảo luận, những đôi co, những đêm không ngủ, những giọt mồ hôi găng sức những ngày nào như xuất hiện theo men rượu bọt bốc lên. Vì có gì tôi trở về đây một chiều cuối năm Âm lịch trong cô đơn. Những người bạn đồng chí đồng hành của tôi đâu cả và lý tưởng xây dựng một xã hội mới cho miền Nam đang ở nơi nào...

Vị bia chai thứ tư hình như đắng hơn mức thường hay tại tôi đang cay đắng, tôi không biết nữa. Nhưng liệu tôi không có quyền cay đắng hay sao? Trong biết bao năm, tôi đã nhiệt tình làm việc, thanh liêm thanh bạch đến mức độ nổi tiếng là gàn, đã đọc thư đến mờ cả mắt trong khuya và mồ hôi khó nhọc thì thôi khỏi cần phải tính phải đếm đến nữa. Để rồi đến một ngày nào đó bạn bè dần dần rời bỏ và tôi chợt chơ vơ giữa đô thị đông đảo đầy rác bụi dưới đồng bằng nắng chói dưới kia, không tiền bạc và không có đến cả một mái nhà trú mưa che nắng. Còn lý tưởng đột nhiên vọt lên cao, ra xa tầm tay với... Hơn nữa làm sao mà nói tới lý tưởng khi tôi nghèo đến mức chưa bao giờ có tiền ăn dự trữ quá mười lăm ngày trong một thời gian kéo dài.

Tôi nâng ly bia lên uống mà mỉm cười. Tôi cười tôi và cười tất cả. Tôi cười vì nhớ lại mới gần đây thôi, để giải quyết sinh kế – hay để giải quyết cái gì nữa nào đâu có biết – tôi

đã rủ một người bạn thân lang bạt có tiếng xin đi làm lính đánh thuê nước người. Tôi chiến đấu bằng súng đạn khá giỏi và dù muốn hay không tôi vẫn còn là lính. Làm lính thường, tôi đói rách. Tại sao lại không thể làm mercenaire lương nhiều. Đẳng nào cũng thứ ngân sách chiến tranh ấy của ngoại bang ấy đài thọ lương bổng. Mang danh chiến sĩ hay lính đánh thuê da vàng nào có khác chi. Chẳng qua một danh từ và một số lương chênh nhau bên mười bên một và tôi khá thực tiễn để hiểu rằng những nhà thầu chiến tranh Việt Nam đã ăn chặn ra sao. Bớt trung gian, loại cặp rảnh đi, đâu phải là điều đáng để ân hận. Tôi đã lôi đôi giày vải đi rừng đi bùn ra ngắm nghĩa kiểm soát lại: đại đội lính đánh thuê da vàng sẽ đặt dưới quyền tôi ấy đang hành quân ở một tỉnh bên kia biên cương có rất nhiều sinh lầy và đất lún. Nếu giờ này tôi không lêu bêu vác M16 xua quân mà đi mà bắn thì chỉ vì một lý do ngoài ý muốn. Cấp chỉ huy sẽ mượn tôi đã cho biết theo chỉ thị mới nhất phát xuất từ bên kia đại dương thì *No more Vietnamese!*

No more Vietnamese! Thôi không tuyển người Việt Nam nữa, nhiều người Việt Nam quá rồi! Tôi cùng người bạn đã phá lên cười rồi kéo nhau đi uống bia mừng cho hoàng hôn. Hoàng hôn của nhiều thứ, hoàng hôn của chiến tranh Đông Dương, hoàng hôn của một đế quốc mạnh nhất thế giới và hoàng hôn của nhiều thứ nữa – nhưng chắc chắn không phải là hoàng hôn của bạo lực trên phần đất của miền Đông Nam châu Á này.

Một vài tuần sau, trong khu vườn hoang tàn của thành Nội cạnh nền nhà đổ nát vì chiến cuộc Mậu Thân, giữa những con đom đóm bay lập lờ, những người bạn xưa đã ở trong tập thể của tôi đã căn vặn hỏi tại sao tôi lại nghĩ đến việc đi làm lê dương da vàng như thế. Phí anh quá! Sao anh không đi với chính quyền, không làm compromis! Sao anh không ra ứng cử làm dân biểu, ngay ở cố đô này anh cũng có thể đắc cử! Sao anh không để chị ấy đi làm sở Mỹ giúp đỡ! v.v.

Tôi đã mất khá nhiều thời gian trong đêm để trình bày, để bênh vực chọn lựa đã có của tôi. Trước hết, làm sao chính quyền lại có thể cho những người như tôi gia nhập. Họ, cực hữu và tôi thì tả khuynh. Họ muốn duy trì hiện trạng như thế này, tôi muốn đổi mới, xây dựng một xã hội mới. Còn làm compromis, liệu tôi đánh lừa thế nào được những TỰTB, ANQĐ, TNCSSGQ, CIA, CID... Không phải là bà già kẻ cắp gặp nhau nữa mà chỉ còn là một thứ đệ đơn xin làm gia nhân cho cả bà già lẫn kẻ cắp. Và tôi, tôi không thể làm gia nhân. Cứ cho rằng có thể làm gia nhân đi nữa, để chờ thời cơ, để đợi thuận tiện, để mượn phương tiện mà xây dựng tập thể riêng. Rất khó. Ngay là tôi đi, hai năm trong quyền bính – quyền hành và quyền lợi – đi xe Mercedes, ở nhà máy lạnh, ăn ngon ăn nhiều, tiền rủng rập bể gái đẹp đầy vòng tay ôm, liệu tôi còn là tôi nữa không. Một khi da tôi đã hồng hào lên chứ không đen đũi như bây giờ, một khi bụng tôi đã phệ ra nặng nề, dám tôi sẽ nhìn một cơn mưa thôi đã thấy ngại ra ngoài sương gió ngoài kia. Biến tính của

người cách mạng, tôi biết nó thế nào lắm. Còn ra làm dân biểu, những kẻ mệnh danh là đại diện dân ấy, họ ở đâu mà ra, làm những ma-nớp gì mà thành... Còn cho vợ, cho Thi của tôi đi làm sở Mỹ, tôi đã có lần nghĩ đến nhưng rồi gạt bỏ giải pháp này. Nếu trong gia đình có cần một người đi làm bồi bếp hay làm sở ngoại kiều, đó là tôi, người đàn ông trong gia đình – thế mới là hợp lý.

Nhưng dĩ nhiên là tôi không đi làm sở Mỹ được và cũng chẳng thể đi buôn, làm áp phe. Vừa không vốn vừa nhiều ma giáo quá. Vậy sao tôi lại không dùng ngay nghề tay trái của tôi là nghề lính chiến. Người ta đã huấn luyện tôi làm chiến binh từ bao năm, tại sao lại không dùng khả năng ấy và dùng trực tiếp. Đảng nào cũng đánh cho đánh mướn luôn! Mà đi ra ngoài biên cương làm lê-dương-vàng như thế có một cái gì hào hùng và đẹp – dù là đẹp trong tuyệt vọng và hào hùng trong vô vọng. Chí lớn trong thiên hạ đã không đủ tài đủ đức mà làm, thì là làm lê dương vàng còn hơn cài bút lên tai, xoa tay vào nhau mà xin đi theo giai cấp mới.

Bóng tối đã tràn ngập không gian, chỉ còn bầu trời và mặt nước là sáng, tôi gọi thêm chai bia nữa, chai thứ mấy? Tôi kéo cổ áo lên cao hơn nữa để ngăn gió đêm lạnh từ tứ phía và tôi mỉm cười khi nhớ lại tất cả những luận cứ của chán nản và phẫn uất, kiểu một hiệp sĩ thời xưa, một samouria lâm thế bĩ. Hiệp sĩ? Có người đã phê bình về tôi như thế trong một buổi họp đông người cấp lãnh đạo của

một hệ phái Việt Quốc đang dự trữ mời tôi làm một thứ quân sư. Tôi đã mất bao đêm ngày suy nghĩ mới viết xong một kế hoạch “chinh đảng cứu quốc” và hội đồng lãnh đạo gồm chín trung ủy đã biểu quyết sau khi nghe thuyết trình: bảy phiếu chống hai phiếu thuận. Người trung ủy thứ hai ủng hộ dự án của tôi đã tới quán cà phê cho biết kết quả và phê bình một câu: Anh hiệp sĩ quá, làm sao anh em họ chấp nhận được. Đêm khuya hôm đó tôi đã ngồi đọc lại từng hàng kế hoạch để xem chỗ nào viển mơ, lý tưởng quá hay không để rồi sau cùng nhận ra người trung ủy bạn tôi kia đã có lý. Cả một kế hoạch dài hạn và thực tiễn như thế mà không có một chương nào hứa hẹn mang lại quyền lợi thiết thực cho bản thân bất cứ ai. Chỉ toàn những nỗ lực tiến tới một quốc gia tốt đẹp hơn, khá xa vời trong tương lai... Trong thời buổi này của miền Nam, trong nền chính trị hiện tại, thế là “hiệp sĩ” quá thật.

Tôi châm một điếu thuốc mới và thoáng thấy nước hồ như đổi chỗ cho bầu trời. Tôi bắt đầu ngà ngà say. Người xưa phương Đông có nói rằng: Rượu uống ngà ngà say mới thú. Tôi gọi thêm chai nữa, chai nữa và khi rời quán trở về nhà mẹ qua những con đường lên cao xuống thấp, tôi hai tay đút túi quần, đầu cúi xuống là khói thuốc lá từ miệng bay lên, hiểu rằng mình thất bại là phải. Lỗi tại tôi cả. Tài sơ trí thiếu đức mọn gan mềm mà cứ đòi làm những chuyện kinh thiên động địa, cánh chim sẽ chỉ nên bay trong vườn nhà và ngoài cánh đồng lúa lại cứ tưởng là cánh chim đại bàng chim hồng chim học trên bầu trời cao.

Thất bại một cuộc cách mạng ↑

Ở Đà Lạt, một những điều làm thích thú nhất là đi uống cà phê. Thành phố lạnh quanh năm này có đủ các địa điểm và khung cảnh cho một ly cà phê bốc khói lên thơm nhất, quyến rũ nhất. Buổi sáng, khi nắng vàng đã đầy không gian nhưng còn nhẹ dịu lắm, một ly cà phê sữa đậm đặc trong Shanghai với người uống mệt mỏi nhưng thoải mái trong tình dục đầu đêm. Nếu tình yêu chưa rời khỏi khuôn mặt người yêu để hạ xuống thấp hơn, lãng mạn trong xanh còn nhiều, thì một ly cà phê phin chảy từng giọt trong chiếc ly trong mỏng nơi một quán gỗ ba bề cửa kính không ngăn được nắng sớm lẫn màu hoa bên ngoài. Buổi trưa thao thức, một ly cà phê đá trong Mékong, ngẩn ngơ nhìn qua làn kính ra đường tìm những hình nét đẹp nơi những người nữ nơi này hay chẳng tìm gì cả, nhìn để mà nhìn mà thôi. Nếu hết tiền hay còn nhiều lãng mạn, đi quá vài chục bước ra sau khối nhà trước kia, bao năm về trước, là bến xe. Một cái quán tồi tàn với ba chiếc ghế dài bao quanh một cái quày, phong dáng của các quán nước bên đường quan lộ ngày xưa ngoài miền Bắc nhưng lại mang một cái tên rất bây giờ là Domino. Nhưng dĩ nhiên là cà phê ngon, bao giờ cũng nóng bỏng và bao giờ cũng được pha chế đậm nhạt theo ý khách hàng. Một buổi trưa bão lớn hơn mười năm trước, nằm nhà không ngủ được và cũng không đọc được, tôi cùng một bạn thân đã mặc áo mưa ra đi, vượt bao con đường dốc nước chảy như thác. Nước lạnh buốt, người ướt

sũng, vén chiếc bạt che lên, ngồi xuống ghé dài, đưa ly cà phê đen lên cho nóng bỏng môi trong khi mưa vẫn xối xả từ bên. Một ly cà phê tuyệt vời.

Nhưng khi đêm xuống núi đồi, trời bắt đầu có sương mù hay mưa nhỏ, cần phải có một ly cà phê phin thật đặc sánh đẳng sau một khung cửa kính ngăn lạnh và trên một chiếc ghế êm. Đà Lạt cung cấp rất nhiều quán có đủ điều kiện như vậy, nhưng tôi vẫn ưa thích quán Tùng nhất. Dĩ nhiên là tại cà phê nơi đây ngon, nhưng không phải chỉ vì thế. Có lẽ tại lý do cổ cựa chẳng. Bao nhiêu năm về trước tôi đã đưa Thi vào quán Tùng, nhưng không phải nơi này, mà là một căn phòng nhỏ nằm trong một dãy nhà dài phía ngoài có hàng hiên cột đá phía sau nhìn xuống một thung lũng nhỏ. Dãy nhà này của người Pháp tạo dựng với phong vị rất Pháp đã bị phá hủy đến tận nền khi chính quyền quyết định xây dựng một toà chợ mới nằm trong thung lũng phía sau. Hồi ấy Thi còn là một cô bé mới chợ biết mình là người nữ, tóc còn để cụp vào vai, mắt trong veo dưới những băng đô cài tóc luôn luôn đổi màu.

Ly cà phê đã pha xong, đã ném thử cân nhắc đúng tỉ lệ ngọt và đắng. Tôi nhắm nháp ngậm đầu tiên, châm một điếu thuốc lá nhẹ và nhìn Thi qua khói thuốc. Thời gian cũng đã qua đi trên nàng. Người con gái thơ ngây trong tà áo dài màu sắc thay đổi như màu hoa cánh bướm đã đi vào trong quá khứ xa xăm, để lại một người nữ trưởng thành về mọi phương diện, đậm đà như một trái cây chín tới. Hẳn thời

gian cũng đã đi qua trên khuôn mặt tôi. Tôi ý thức điều ấy không cần phải soi gương lại hay đếm số tuổi, mà do nhìn các khuôn mặt bạn bè đồng lứa, nhất là những bạn cũ nhiều năm không gặp.

Tôi ngã người ra thành ghế sau. Hình ảnh vài người bạn cũ mới gặp lại trong quán Doanh Doanh trong thành phố cổ đô xuất hiện sau ngậm cà phê thứ ba. Đêm đó tôi đã ngồi trên chiếc ghế mộc với một ly cà phê đặt trên mặt bàn cũng gỗ mộc, những chất gỗ lấy từ các vỏ thùng đạn. Chung quanh, ngoài vài khuôn mặt cũ nhưng đã già đi nhiều, còn vài chục người trẻ khác chưa từng quen biết. Tôi không hơn họ quá số mười năm là bao, nhưng trong có mười năm ấy, tôi đã trải qua một đoạn đường chiến binh – và có lẽ vì thế chẳng nên vào một lúc nào đó, những câu hỏi chất vấn đã cất lên với nội dung gay gắt nhưng đầy thiện ý tìm cảm thông. Tôi trả lời dễ dàng và vui vẻ mọi điều cho tới khi một câu hỏi làm tôi sững người: Tại sao chúng ta không làm được cách mạng ở miền Nam này?

Tại sao? Tôi cúi xuống nhìn ly cà phê đang cầm trong tay. Tại sao? Làm sao tôi có thể trả lời trong khoảnh khắc tất cả một dự phóng đổi mới xã hội kéo dài đã trên bốn mươi năm hay lâu hơn nữa nếu chỉ coi Nguyễn Thái Học và khởi nghĩa Yên Bái như một mốc dấu mà thôi. Tại sao những người quốc gia lại không làm được cuộc cách mạng của mình trong khi những người cộng sản trên miền Bắc đã đi một chặng khá dài – theo phương thức của họ. Tôi là cái gì,

thành tích gì, tuổi tranh đấu lẫn tuổi đời chẳng là bao, làm sao tôi có thể cắt nghĩa được sự thất bại của một công trình lớn và dài dặc như thế. Tôi có đọc một cuốn sách của một ngoại quốc mang nhà đề *The Lost Revolution*, cuộc cách mạng đã lỡ, cuộc cách mạng đã mất. Nhưng tự bao giờ và vì có gì? Tôi cũng ngần ngại như một nhà văn ngoại quốc khác đã viết cuốn *Ông đại sứ: ...làm sao dân tộc này không tìm được sinh lực để hoàn tất cuộc cách mạng đã khởi đầu từ mấy chục năm...*

Nhưng rồi tôi cũng lên tiếng trả lời câu hỏi đó, bằng những nhận định riêng tư và chủ quan. Chúng ta không làm được cuộc cách mạng bởi vì chính yếu tại chúng ta không muốn làm... Thật là một câu trả lời đầy nghịch lý nhưng không hề vô lý. Các nguyên nhân căn bản của mọi tình tự và hành động cách mạng là sự đói khổ và mất tự do. Thành phần thường được coi là lực lượng chủ chốt và tiền phong của cách mạng theo quan niệm của Mác Lê và của cả nhiều người không cộng sản nữa là thành phần lao động thành thị. Họ không hề đói. Hơn nữa, còn giai cấp đang lên. Tôi đã từng ở nhiều trong các khu lao động và xét bề ngoài tôi có địa vị nhưng tôi đi xe gắn máy cũ, nhà không tủ lạnh và con cái thường sang coi nhà ti vi bên các hàng xóm làm lao công sở ngoại kiều, lái xích lô hay những nghề tương tự. Lợi tức ngay thẳng của họ – nếu xoay xở thêm lại khác – thường là gấp ba lần lương công chức hạng A hay là bốn lần lương của một đại úy. Đại tướng của quân lực hoạ chẳng mới có lương cao bằng lợi tức của những người

thường được gọi là vô sản ấy. Với tất cả kỹ thuật tuyên truyền tinh vi của mình, những người cộng sản cũng chẳng sao lôi kéo những người lao động thành thị Việt Nam đi làm cách mạng; nói gì tới người quốc gia... Ở miền Nam, trong các thành thị sung túc phồn thịnh tràn ngập hoá phẩm tiêu thụ xa xỉ của Hoa Kỳ và Nhật, thành phần cùng đinh mới đã xuất hiện: đó là chính chúng ta, những kẻ trước kia thường được gọi là giai cấp trung lưu hay tiểu tư sản. Nếu bây giờ có loa bắc lên hô nhai lại khẩu hiệu xưa của đảng tổ sư cộng sản: *"Hỡi những người vô sản Việt Nam, hãy vùng lên đoàn kết lại!"*, thì chúng ta sẽ thấy tiến ra, từ Bến Hải đến Cà Mau từ những đồn điền biên cương tới men bờ cát trắng, không phải những người lao động nữa, mà những người lính áo sờn rách lưng còng xuống mặt xanh mét vì thiếu ăn. Và đằng sau họ, là đông đảo dày đặc đám người nông dân đói khổ mắt ngơ ngác vì nhìn đồng lúa vườn cây tàn rụi dưới thuốc khai quang, vì nhìn họ hàng thân thuộc gục chết tan tành vì cả súng đạn giải phóng lẫn bom tự do.

Lời nói của tôi càng cất lên, không khí quanh bàn càng căng thẳng. Mọi dị dạng của đêm cố đô, những cành lá rũ xuống mặt bàn mờ trốn tan biến đi đâu cả. Không gian như có lửa nung nấu. Mặc, tôi sẽ nói hết những điều tôi đã nghĩ mặc dù rồi sau đó có bị ném đá nguyên rửa cũng cam. Tôi đã giơ tay chỉ ra những chiếc xe gắn máy Nhật đang đỗ hàng hàng lớp lớp, đã khoát tay chỉ những bao thuốc lá, những phin, những áo những quần của tất cả bạn

bè đang ngồi chung quanh hỏi tiếp. Ngay chúng ta đây, những người trẻ tiên phong có nhiệm vụ mở đầu và hướng dẫn cho một cách mạng tương lai, liệu chúng ta có thực sự muốn làm cách mạng không một khi mới ngay trong giai đoạn đầu của cách mạng, chúng ta sẽ phải hạn chế tối đa xăng nhập cảng, vải vóc và nhiều xa xỉ khác, kể cả xe gắn máy, để tiết kiệm ngoại tệ mua máy móc, nông cụ cùng nhiều thứ cần thiết khác để tái thiết đất nước, xây dựng một quốc gia độc lập về kinh tế – điều kiện tối cần để có một nền tự chủ nơi phần đất ông cha đã để lại này. Chúng ta muốn làm cách mạng mà lại không muốn xếp xe gắn máy lại đi xe đạp, không muốn từ bỏ vải vóc cùng nhiều tiện nghi để ở khổ, mặc áo vải dệt lấy, đi dép Bình Trị Thiên... Chúng ta đánh lừa tâm mình mất rồi. Chúng ta đã không thắng được người cộng sản, và chúng ta đã thua cả người tư bản, cách mạng chỉ thể là một đóm lửa đỏ xa xôi trên ngọn núi cao và khuất nẻo như một địa đàng đã mất.

Tôi lơ đãng ngừng đầu lên nhìn hai người khách vừa đẩy cánh cửa kính bước vào, mang theo một chút hơi lạnh ẩm nước mưa. Quán đã đông người, tiếng rì rào chìm lẫn trong tiếng một bản nhạc buồn đang nói về chiến tranh và cái chết. Ly cà phê của tôi đã cạn và cổ họng bắt đầu khô mong ước một làn nước bia lạnh buốt. Cổ họng tôi cũng đã khô cứng như thế trong đêm thành Nội khi một người trẻ khác lên tiếng hỏi: Theo ý anh, nỗ lực của anh là thành công hay thất bại?

Tôi thất bại chứ, thất bại hiển nhiên như các bạn đã thấy, tôi đã lên tiếng trả lời như thế. Tôi còn nói thêm rằng khi bắt đầu tranh đấu cùng bạn bè, tôi không có nhiều ảo tưởng cho lắm về việc mình làm. Sự thất bại có phần nào đã được tiên đoán trước. Nhưng tôi vẫn cứ làm, như nhiều người khác đã làm và sẽ còn làm. Mỗi người trong đời, đều có một thời kỳ muốn làm hiệp sĩ như người xưa, cật ngựa thanh gươm tang bồng hồ thỉ cứu khổ phò nguy. Đánh những đường gươm đẹp rồi lưỡi thép lạnh trả vào bao, lên ngựa mà đi về quê cũ, cầm bút lên ngâm thơ vịnh nguyệt coi công danh trong cuộc đời qua như đám mây bay trên đầu núi.

Đó là một thái độ đại dột, không thực tế, mọi người đã phê phán như thế và tôi đồng ý. Nhưng làm sao được. Cách mạng, tự bản chất đã giống như một giấc mơ xa – cho đến khi thực hiện được. Người làm cách mạng phải là người lãng mạn đến cùng cực. Nếu không lãng mạn, làm sao có thể tin được mình sẽ đổi mới được xã hội, xây dựng một tương lai huy hoàng cho dân tộc và nhân loại. Đi vào cách mạng, là một cuộc lữ hành đầy bất trắc, lộ trình nào cũng có thể dẫn đến chỗ tắc, trong khi thành công cứ như một đỉnh núi xanh mượt dưới mây trắng nơi xa. Nếu không là thế, làm sao có thể chịu nổi bao gian khổ tràn trề trên con đường dài dặc. Một Ngô Đình Diệm, một Nguyễn Tường Tam khi lang thang quê người, lắm lúc lo từng bát cơm manh áo ấm, không lãng mạn mà mơ đến một quốc gia mới huy hoàng, liệu họ có đi được tiếp nữa hay không. Một

Võ Nguyên Giáp khi ngồi trên đá với không quá mười người bạn võ trang vài khẩu súng săn vài thanh mã tấu trong rừng già Việt Bắc, nếu không lãng mạn mà mơ đến trăm vạn hùng binh cờ xí rợp trời, thì liệu đến giờ phút này chúng ta có đuổi được người Pháp đi hay không. Bởi thế, tôi rất thông cảm khi đọc trong một tuần báo Mỹ chụp hình một lãnh tụ ngoài Bắc tay cầm một bông thược dược mà nói rằng: Chúng tôi là những người lãng mạn...

Cuộc cách mạng của những quốc gia đã thất bại phần lớn vì tại miền Nam, chúng ta thiếu những những lãng mạn. Sau một Ngô Đình Nhu mơ xây dựng một xã hội cộng đồng, sau một Nguyễn Tường Tam mơ tạo dựng một quốc gia xã hội như Thụy Điển nhưng giữ được truyền thống Đông phương như Nhật Bản, chúng ta đâu còn thấy những người lãnh tụ lãng mạn nữa. Chúng ta chỉ có những tướng lãnh vô cùng thực tế, những chánh khách vô cùng khôn ngoan, ít khi ngồi nhìn mây bay vùn vủ trong trời giông bão, cuồng ba ào ào ngoài đại dương mà mơ đến một xã hội mới, một nền văn minh mới, một quốc gia Việt Nam kiêu hùng trong góc trời phía nam lục địa Á châu cổ cựu.

Trong đêm đã vào rất khuya trong bốn bức tường thành dài cổ kính và đồ nát của một triều đại oai hùng của cổ đô, bằng một nhận định chủ quan của riêng tôi, tôi nói rằng tôi đang chán nản nhưng tôi chưa hề tuyệt vọng. Gươm cùn của tôi đã tra vào vỏ, giày cỏ đã mòn dưới gót trên đường về núi, nhưng nhìn tứ phía, tôi vẫn htáy những đường

gương khác loáng dưới trăng, những đường kiếm lẻ loi nhưng thật đẹp. Và khi ngồi nghỉ vì thấm mệt trên một mỏm đồi thấp, tôi đã thấy nhiều người khác hăm hở đi trên những con đường mòn chông gai tiến về đỉnh núi lúc nào cũng xanh mượt dưới nắng ở một nơi chân trời.

Người cách mạng là người bảo thủ ↑

Những người khách trong quán đã ra về hầu hết, tiếng nhạc nghe rõ và trầm, thấm vào người hơn. Tôi đã uống cạn chai bia thứ ba, lý trí đã dịu xuống cho tình cảm buông thả. Tôi thích những lúc như thế này nhất, có lắng nghe nhạc, nhạc hay hơn như đã bắc được cầu cảm thông giữa người làm nhạc có thể đã chết tự bao giờ và người nghe, và có nói chuyện với bạn bè, câu chuyện sẽ chân thật hơn – mọi người đưa ra đối diện với nhau những con người chí tình và mở rộng với tha nhân cùng cuộc đời. Nhưng tôi đã phải đứng dậy, mặc áo khoác cho Thi bởi vì thời gian của đêm sắp bị chia cắt bằng tiếng còi họ báo giờ giới nghiêm buồn thảm. Khí lạnh bao phủ lấy khuôn mặt, tiếng gót giày trên hè nghe đã thấy. Đêm nay Đà Lạt sương mù mỏng nhẹ. Con đường dẫn lên cư xá nữ sinh viên đầy ánh đèn sáng của các hàng quà đêm đã hiện ra, mời mọc quyến rũ. Tôi ngồi xuống hàng cháo lòng quen thuộc cả đến mười năm – bà chủ mập đang hỏi thăm Thi xem cô sinh viên hay rủ bạn rời cư xá trốn rỏ màn che ra ăn cháo khuya năm xưa bây giờ đã có mấy con... Mùi cháo nóng lẫn mùi tiêu ớt cay sè bốc lên thơm ngát, ăn vào chưa chi đã thấy con

đường về lát nữa không còn thể lạnh. Các lời nói trao đổi của những người chung quanh vào thời khắc này của đêm thường nghe hiền hẳn lên, mọi người làm như đồng ý ngầm với nhau là mọi đấu tranh khó nhọc sẽ ngưng nghỉ vào giờ này để thoải mái thường thức món ăn khuya tiễn đưa thân mình vào giấc ngủ.

Tiếng còi hụ báo giờ giới nghiêm kêu lên rền rĩ, vang buồn trong thung lũng khi tôi và Thi mở cửa bước vào phòng ánh đèn sáng rực ấm cúng. Chưa ai ngủ cả, chưa ai ngủ sớm vào đêm nay. Ngày mai là ngày sẽ nấu bánh chưng và các công việc chuẩn bị vừa mới làm xong. Rổ đậu ngâm nước vàng nuột nằm cạnh đồng lá rong xanh mượt mát lạnh. Những miếng thịt làm nhân đã chiên qua với hành và tiêu bốc mùi ngậy thơm phức trong căn bếp các cửa đã đóng kín. Mẹ tôi đã bưng ra khay trà đặt lên giường trong phòng, Thi lúi húi bày bánh ngọt mới mua về, mấy đĩa em gái đang tẽ từng hạt ngô nướng lấy từ túi áo khoác của tôi, những hạt ngô còn nóng nguyên mùi than đỏ. Gia đình tôi uống trà không có giờ giấc gì cả. Bất cứ lúc nào có tụ hội trong gia đình là uống. Vào sáng sớm như các cụ đời xưa, vào giữa trưa hay vào đêm khuya như thế này.

Tôi thu xếp cho tôi một chỗ ngồi tiện nghi nhất trên chiếc ghế bành cũ rách quá không thể bày ngoài phòng ngủ, hút thuốc với ly trà nóng bỏng, nói những câu chuyện đầu Ngô mình Sở, nhảy từ đề tài này sang đề tài khác không một mạch lạc hợp lý nào. Các tiếng nói được cất lên để bộc lộ

tình tự hơn là chuyên chờ ý nghĩ... Bây giờ đề tài đã xoay những chuyện đặc biệt là đàn bà giữa Thi và hai đứa em gái tôi – những loại truyện mà đàn ông hiện diện chỉ có thể tham dự bằng sự im lặng hoặc cùng lắm một nụ cười. Trong phòng kín, làn khói thuốc bay lên rất cao mới tan rã, tôi nhìn theo, vẫn mơ nghĩ tới câu nói của một người bạn đồng hành trong những năm vừa qua: *Nghĩ cho cùng, những người cách mạng vô minh là những người bảo thủ!*

Nghĩ đến những chuẩn bị của ngày Tết sắp tới, gói bánh chưng, muối dưa hành, mua pháo, kiếm hoa đào, cho tới những điều sẽ làm trong ngày mùng một, tôi chợt hiểu người bạn đó đã có lý vô cùng. Ngoài miền Bắc, con người lãnh đạo đã đưa một ý thức hệ Tây phương với cả một nền văn hoá mới cũng xuất xứ từ Tây phương vào xã hội Việt Nam, mọi cổ tục và truyền thống cũ của người Việt Nam đều bị hủy diệt. Ở miền Nam, ý thức hệ Kitô giáo cộng thêm với sự tiếp tay của nền văn minh tiêu thụ anglo-saxon qua sự hiện diện của người Mỹ – lại những thứ phát xuất từ phương Tây nữa – cũng đang nhằm theo chiều hướng đó. Tôi không biết những người dân ngoài Bắc liệu có sung sướng hay không trong tương lai với nền văn hoá đó. Tôi nghi ngờ. Một con cá chỉ thoải mái trong thứ nước thích hợp với mình. Cá rô trong ao đầm, cá kính cá ngạnh ngoài đại dương. Chất nước với cá, như văn hoá văn minh của mỗi dân tộc chính là thứ môi trường do chính dân tộc ấy tạo ra để mình có thể sống thoải mái trong đó. Và tục lệ, truyền thống chỉ là những cách thể biểu lộ. Tiêu diệt quá nhanh

hoặc thay thế quá nhanh những điều đó, con người sẽ bơ vơ cô cút. Không còn biết mình ràng buộc với đồng bào, với trời đất cây cỏ đá núi ra sao nữa. Ý nghĩa của sự sống và sự chết trở thành mông lung, và từ đó cũng chẳng còn đạo đức, luân lý chung: con người sẽ ích kỷ, tham lam và tàn bạo đối với nhau vô kể – như những người Việt trong xã hội miền Nam hiện tại. Không phải bỗng dưng mà vào thập niên kỷ 63-73, vai trò và ảnh hưởng của các tôn giáo trội bật hẳn lên như thế...

Môi trường tôn giáo bây giờ đã phải mở rộng ra để bao trùm lên cả văn hoá, tạm thời thay thế một phần cho văn hoá. Chính vì thế mỗi khi gặp gỡ các hàng giáo phẩm của giáo hội Kitô, tôi nói ngay thẳng rằng lỗi lầm lớn nhất của giáo hội từ mấy thế kỷ nay là đã tưởng, qua đạo của mình, sẽ đưa được dân tộc này vào nền văn minh Kitô giáo Tây phương. Những cây lê cây táo chỉ nảy nở tốt đẹp trong miền ôn đới xa xôi. Bởi thế không có gì là lạ khi muốn sống thoải mái, những tín đồ đạo này, mặc dù các ưu thế chính trị và kinh tế đã được hưởng từ cả thế kỷ nay, mặc dù không còn bạo hành cấm cản nào, cũng vẫn qui tụ sống quây quần với nhau thành từng khu riêng biệt những ghetto – các ghetto tự nguyện. Một cộng đồng nhỏ chìm đắm xa cách trong một xã hội rộng lớn phương Đông, làm sao không phát sinh ra bạo động, nhất là khi cộng đồng này cứ tiếp tục hướng về phương Tây, tìm tòi yểm trợ từ phương đó để bảo vệ thứ văn hoá trái lê trái táo của mình. Một linh mục người Pháp, cũng là thầy dạy khai tâm cho tôi về triết học

Tây phương, người tôi rất quý mến, là cha C., đã có lần than với tôi trước khi người về quê hương để chết: Lời rao giảng Phúc âm không còn được nghe nữa. Nếu số tín đồ có tăng, chỉ là do sự sinh con đẻ cháu của những tín đồ hiện có...

Đêm đã khuya, Thi đã chui vào chăn ru đứa con vừa khóc. Tôi mở cửa bước ra ngoài hiên ngắm sương mù bắt đầu dày đặc. Có tiếng chó sủa ran từ dưới thung lũng vang lên – chắc có một toán quân đang tuần tiễu. Phía xa, bên kia thung lũng, vòm cao nhọn của nhà thờ hiện rõ trên lớp sương phía dưới. Làm sao cộng đồng Kitô giáo duy nhất trên lục địa Á Đông này tồn tại được với thời gian dài rộng trong tương lai? Có lẽ chỉ có một giải pháp: hãy Việt Nam hoá giáo hội Kitô như đã Việt Nam hoá cuộc chiến tranh này. Nếu không...

Đạo Phật khôn ngoan hơn, đã thấm nhuần dân tộc tính Việt Nam từ bao thế kỷ rồi. Trong môi trường truyền thống, chưa bao giờ vắng tiếng chuông chùa ngân nga. Đáng tiếc rằng những hàng giáo phẩm của đạo này đã bỏ quá nhiều sức và tâm vào công cuộc chính trị, lơ là những nỗ lực văn hoá. Hậu quả là để cho những người trẻ Việt Nam thế hệ bây giờ ngẩn ngơ như mèo bông dựng mọc cánh, không còn biết bầu vú nương tựa vào đâu khác hơn là những biểu lộ bề ngoài, những tục lệ cổ xưa của dân tộc. Như tôi chẳng hạn, đêm ba mươi năm nay nếu bỏ giới nghiêm, chắc chắn là sẽ theo mẹ đi lễ chùa, và ngày mùng một Tết, sau khi quần áo chỉnh tề tụ họp chúc Tết mẹ tôi, thế nào cũng

có chuyến đi lễ chùa đầu xuân – đưa em trai của tôi đã mượn sẵn một chiếc xe lớn cho một cuộc xuất hành đến một ngôi chùa xa ngoài thành phố. Mà không phải chỉ có tôi cùng gia đình như thế: từ dòng sông ranh giới phía bắc đến mỏm cực nam, đại đa số người dân Việt cũng đang có những hành động duy trì lại tính chất truyền thống dân tộc xưa của mình. Quả thực những người cách mạng quốc gia miền Nam, với lập trường chống cộng và bài tư bản, bắt buộc phải trở thành những người bảo thủ – bảo và thủ những gì còn lại của nếp sống xưa để từ đó tạo dựng một môi trường sinh hoạt mới, một văn hoá văn minh mới thích hợp với sắc dân da vàng có tên gọi là Việt Nam.

Vẫn tháng ngày qua ↑

Đà Lạt có những con đường thật vắng vào bất cứ thời khắc nào trong ngày và mùa nào trong năm. Mặt nhựa không hạt bụi lấm tẩm những trái thông khô nâu và hai bên bờ nhiều khi những cọng lá thông rơi từ bao ngày tháng đã tạo thành một lớp thảm mỏng kỳ lạ, bao giờ cũng như mời người bỏ giày đi chân không lên trên, chạy loăng quăng như thuở ấu thời. Tôi đang đi vào những con đường như thế trong những khoảnh khắc cuối cùng của một ngày. Trong sân nhà, nồi bánh chưng đã được kê ra và đang sôi sùng sục. Nhưng tôi chưa muốn về nhà. Đã từ lâu, tôi vẫn dự trù đến ngày này, sẽ mời những bạn bè đồng hành lên đây, đốt lửa thật to, ngồi quanh nồi bánh của mẹ mà thức thâu đêm. Bây giờ, lửa đã cháy to rồi nhưng chút nữa, khi đêm đến chỉ

có một bạn văn mới quen đến. Những người khác đã tàn măt đi hết, người lo tranh cử, người lo kiếm tiền làm giàu, người tiêu phí những năng lực sau cùng của tuổi trẻ vào canh bài lá bạc thâu đêm, người đi theo các đảng phái chính trị có các lãnh tụ thực tế và khôn ngoan... Còn những người khác, những người còn hướng về đỉnh núi xanh mướt hứa hẹn phương xa, một vài người đã chết, đa số còn lại đang cầm súng chiến đấu nơi biên cương hay trong đầm lầy.

Chăn nệm đã trải đầy ngoài sân, bao quanh đám lửa hừng hực dưới nồi bánh. Tiếng hạt dưa cắn tí tách, trẻ con chỉ còn để hờ khuôn mặt và hai bàn tay trắng hồng chạy chơi hò reo trong sân. Một chai rượu mạnh mở nút từ lâu và đã vơi một phần. Tôi gác hai cành thông tươi vào than hồng, thả những miếng khô nai vào nướng. Mùi thịt rừng bốc lên thơm ngát. Được mẻ nào, mọi người giành nhau, xuýt xoa truyền tay những miếng thịt cháy nóng. Tôi liệng những trái thông khô vào giữa than hồng, nhấm nháp ly rượu, theo dõi sự tan thành tro trắng của các trái thông ấy, mỗi mẻ. Mỗi năm, tôi chỉ được nghỉ ngơi hưu chiến với cuộc đời trong những ngày cuối năm trong căn nhà gỗ này của mẹ. Tôi hãy để cho tôi mệt, mệt hết sức mình đi. Có sương mù đang từ từ dâng lên từ thung lũng phía dưới. Đêm nay chắc không lạnh lắm.

Mọi người đã rút vào nhà, vào trong chăn ấm. Gió đã lạnh nhiều và đêm đã quá khuya. Quanh nồi bánh, trên những

chăn chiếu chưa thu dọn còn bừa bãi bánh trái vỏ hạt dưa. Một miếng mút ngó sen dưa con nhỏ gậm dở dang vớt lẫn lóc giữa chén trà, cạnh chiếc giày len bé bỏng bỏ không. Quanh bếp lửa ngoài trời, chỉ còn mẹ tôi và câu chuyện lại tiếp tục. Và như bao lần, mẹ tôi không hỏi gì về những thành hay bại của dưa con trong những năm qua. Đối với bà, dòng đời vẫn tiếp tục. Chiến tranh, chết, bạo động, nghèo khổ áp bức là nắm sẵn trong cuộc đời của con người. Không có gì để nói, để ngạc nhiên nữa. Đối với bà, cuộc đời kết hợp và kế tục bằng sinh hoạt của các dưa con. Nhất là những dưa cháu nội ngoại đang tiếp tục xuất hiện mỗi ngày một đông đảo thêm. Trong bà chứa chất một quan niệm về đời sống khôn ngoan ngàn đời của Đông phương, những lý luận sắc bén nhất của tôi cũng chỉ là những trò chơi của trí óc mà thôi. Mỗi năm bà lo tុ պ հոပ tို đả con cháu quanh mình, đốt lên một đám lửa hồng dưới nồi bánh chưng cổ xưa. Tôi thành hay tôi bại, điều đó có nghĩa gì.

Bà đã ngủ thiếp đi cạnh đồng lửa, mái tóc bạc chập chờn dưới ánh lửa. Tôi đánh thức bà dậy, mời vào đi ngủ. Mẹ tôi đã già rồi, không còn đủ sức canh bánh chưng đến sáng như bao năm nữa. Bà dặn tôi cứ hai tiếng đổ nước vào nồi thêm một lần và vào đánh thức bà dậy lúc sáu giờ sáng để vớt bánh. Tôi để đồng hồ tựa vào một khúc củi thông to để dễ nhìn cho rõ, rót một ly rượu đầy để sẵn trong tầm tay, kê hai ba chiếc gối rồi kéo chăn lên tận cằm nhìn lên trời. Sương mù thật đặc che khuất các vì sao và bầu trời. Tôi

như bông bênh trong khoảng không. Thấy mình như bé hẫng lại. Mà tại sao lại không thấy vậy nhỉ, lần này rời căn nhà của mẹ xuống đồng bằng, tôi phải bắt đầu lại từ đầu tất cả. Từ việc kiếm một ngôi nhà ở đến kiếm cách sinh nhai, từ đầu, cái gì cũng phải làm lại từ đầu. Nghĩ đã thấy thấm mệt như người lính đang thụ huấn trong quân trường đã chạy hết được đoạn đường chiến binh, tưởng được lăn ra nghỉ nhưng lại được lệnh chạy lại, từ đầu...

Tôi thiếp ngủ trong trạng thái bông bênh vì sương mù và vì men rượu. Một tiếng chó cắn hoang làm tôi chợt tỉnh, tiếng nước reo trong nồi bánh đã khô khan. Tung chăn ngồi dậy, tôi cầm ly rượu để sẵn uống cạn. Gió thổi vèo vèo lạnh buốt và sương mù đâu mà nhiều mà đặc quánh, trấn áp ngọn lửa đến tàn lụi. Tôi với cành thông tươi dài làm gậy cời than, cời lại bếp lửa cho bùng sáng. Dùng một khăn lót tay, tôi mở nắp nồi bánh, hơi nước ào toả ra ngùn ngụt, dày đặc đến nỗi như lẫn với sương mù chung quanh không còn nhìn thấy gì nữa. Không gian như hừng hực bốc nóng. Tôi đổ thêm nước vào nồi, tiếng sùng sục êm ái đã cất lên tiếp tục. Thò chiếc gậy dài vào lòng bếp kéo bớt than đổ ra, bỗng dưng tôi cảm thấy có một cái gì thay đổi trong tôi. Châm một điếu thuốc lá mới, tôi nhìn quanh núi đồi. Đồi núi chơ vơ, thung lũng tối đen, chỉ còn có mình tôi trơ trọi trước đám lửa. Cho bao lâu nữa, tôi không biết và cũng không cần thiết phải biết.

Phía chân trời đã bắt đầu hừng trắng nhạt khi mẹ tôi ra sân

mang theo một bộ đồ trà với ấm nước sôi còn phì khói. Tôi ngồi thu lu trong chăn thò cái đầu mái tóc ướt đẫm sương sớm ra, nhắm nháp ly trà nóng bỏng. Bầu trời đã ửng hồng cả một phía bên kia thung lũng, pha màu nhạt ảm vào những giọt sương trắng trong đọng trên các cành mạn khắng khiu.

Tháng tám 1970

Thế Uyên

- [1](#) Viết trong lần giải ngũ thứ nhất.
- [2](#) Thơ Thâm Tâm, bài *Tổng biệt hành*.